

**HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 02 năm 2022



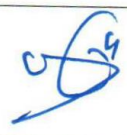


Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo Ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học, Trường Đại học Vinh – Bộ Giáo dục và Đào tạo được các chuyên gia Đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam biên soạn và cùng thống nhất về các nội dung trong báo cáo. Đây là kết quả đánh giá ngoài Chương trình đào tạo của Nhà Trường do Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài độc lập thực hiện với nguyên tắc "công bằng, công tâm và chuyên nghiệp"; các nhận định trong báo cáo đều dựa trên các minh chứng do Nhà trường cung cấp và các thông tin thu thập qua quan sát, tham quan và phỏng vấn các đối tượng liên quan.

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. Mọi thông tin trong Báo cáo đánh giá ngoài được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính –Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Báo cáo đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Tài chính-Ngân hàng trình độ đại học,
Trường Đại học Vinh

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao	Chữ ký
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNN	Trưởng đoàn	
2	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Trưởng phòng ĐGCLGD, Trung tâm KĐCLGD-Hiệp hội CTĐH, CĐVN	Thành viên Thường trực	
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD-Hiệp hội CTĐH, CĐVN	Thư ký	
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Giảng viên Cao cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN	Thành viên	
5	TS. Phạm Văn Hùng	Trưởng ban KT và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Thái Nguyên	Thành viên	

Danh sách gồm 05 người./.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
Phần I. TỔNG QUAN.....	7
1. Giới thiệu chung.....	7
II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	7
III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài.....	10
1. Tóm tắt những điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo.....	10
2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo.....	25
3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	44
Phần II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ.....	46
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	46
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	58
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	67
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC.....	78
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	88
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	101
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN.....	119
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	131
TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	151
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	173
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	192
Phần III. PHỤ LỤC.....	192
Phụ lục 1.....	207
Phụ lục 2.....	209
Phụ lục 3.....	213
Phụ lục 4.....	217
Phụ lục 5.....	224
Phụ lục 6.....	225

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1.	CB	Cán bộ
2.	CBQL	Cán bộ quản lý
3.	CCVC	Công chức viên chức
4.	CGCN	Chuyên gia công nghệ
5.	CBGV	Cán bộ giảng viên
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CNTT	Công nghệ thông tin
8.	CTDH	Chương trình dạy học
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo
10.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CVHT	Cổ vấn học tập
13.	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
14.	ĐH	Đại học
15.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
16.	ĐGN	Đánh giá ngoài

17.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
18.	GDTC	Giáo dục thể chất
19.	GDDH	Giáo dục đại học
20.	GS	Giáo sư
21.	GV	Giảng viên
22.	HĐT	Hội đồng Trường
23.	HTQT	Hợp tác quốc tế
24.	HP	Học phần
25.	ISI	Institute for Scientific Information
26.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
27.	KHCN	Khoa học và công nghệ
28.	KH&ĐT	Khoa học & Đào tạo
29.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30.	NCV	Nghiên cứu viên
31.	NH	Người học
32.	NV	Nhân viên
33.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
34.	PGS	Phó Giáo sư
35.	PVCD	Phục vụ cộng đồng

36.	QĐ	Quyết định
37.	QLĐT	Quản lý đào tạo
38.	SP	Sư phạm
39.	SPLS	Sư phạm Lịch sử
40.	SPTA	Sư phạm Tiếng Anh
41.	SV	Sinh viên
42.	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
43.	TC	Tín chỉ
44.	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
45.	TCNH	Tài chính-Ngân hàng
46.	TDTT	Thể dục thể thao
47.	TĐG	Tự đánh giá
48.	THPT	Trung học phổ thông
49.	THTN	Thực hành – Thí nghiệm
50.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
51.	VLVH	Vừa làm vừa học
52.	VSPXH	Viện Sư phạm xã hội
53.	UBND	Ủy ban nhân dân

Phần I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu chung

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (sau đây gọi là Đoàn) CTĐT Ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Nhà trường) được thành lập theo Quyết định số 263/QĐ-KĐCLGD ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm). Đoàn có 5 chuyên gia đánh giá ngoài (ĐGN), cùng đi có 02 cán bộ làm giám sát.

Bản Báo cáo ĐGN này trình bày quá trình triển khai đánh giá ngoài, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những khuyến nghị đối với Nhà trường và Khoa. Kèm theo Báo cáo ĐGN là các Phụ lục bao gồm: Phụ lục 1 là phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT được đánh giá; Phụ lục 2 là phần tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT của Nhà trường; Phụ lục 3 là Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và danh sách các thành viên; Phụ lục 4 là lịch trình đánh giá ngoài; Phụ lục 5 là công văn phản hồi của Nhà trường về Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT; Phụ lục 6 là văn bản của Đoàn gửi Nhà trường về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của Đoàn ĐGN căn cứ vào phản hồi của Nhà trường.

Các nhận định, kết luận và đánh giá trong Báo cáo này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu do Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2021. Báo cáo ĐGN ghi nhận kết quả đánh giá của Đoàn ĐGN thông qua các hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020-2021.

II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ đánh giá mà Đoàn ĐGN của Trung tâm sử dụng là Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (sau đây viết

tất là ĐGCLCTĐT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang 7 mức.

Các phương pháp đánh giá Đoàn ĐGN sử dụng bao gồm:

(i) Nghiên cứu sâu Hồ sơ tự đánh giá (TĐG) do Nhà trường cung cấp, đối chiếu với các yêu cầu trong từng tiêu chí của các tiêu chuẩn ĐGCLCTĐT để xác định những vấn đề cần kiểm tra và làm rõ trong đợt khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức; (ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng lưu trữ tại Nhà trường để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin và minh chứng được cung cấp trong Hồ sơ TĐG của Nhà trường; (iii) Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm với các đối tượng liên quan; quan sát và tham quan các cơ sở vật chất và khuôn viên của Nhà trường, trang thiết bị học tập, thể dục thể thao và các hoạt động trong Nhà trường để đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục của Nhà trường và đưa ra các khuyến nghị phù hợp nhằm cải tiến chất lượng giáo dục CTĐT của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai các bước đánh giá ngoài như sau:

(i) Nghiên cứu hồ sơ TĐG: từ ngày 04/12/2021 đến ngày 10/12/2021, Đoàn ĐGN và Trung tâm thống nhất nguyên tắc ĐGN, phương pháp đánh giá, lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Đoàn ĐGN. Các thành viên của Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ TĐG và tổng hợp báo cáo kết quả nghiên cứu Hồ sơ TĐG của Nhà trường. Ngày 11/12/2021, Đoàn ĐGN và Trung tâm họp để thảo luận và thống nhất chung về những vấn đề đã rõ ràng, những vấn đề còn chưa rõ khi nghiên cứu Hồ sơ TĐG để đề nghị Nhà trường bổ sung, các cơ sở vật chất Đoàn sẽ tham quan, những đối tượng và thành phần Đoàn sẽ phỏng vấn, công tác hậu cần Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và lịch trình khảo sát chính thức;

(ii) Khảo sát sơ bộ: Ngày 13/12/2021, Đoàn ĐGN (bao gồm Trưởng đoàn, Thư ký Đoàn) và Giám đốc Trung tâm KĐCLGD và cán bộ giám sát

Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại khuôn viên của Nhà Trường, Đoàn khảo sát sơ bộ đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng TĐG, Lãnh đạo Nhà Trường, các thành viên trong Hội đồng TĐG, đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trong Trường. Các nội dung làm việc giữa đại diện Đoàn ĐGN, đại diện Trung tâm KĐCLGD và đại diện lãnh đạo Nhà trường trong buổi khảo sát sơ bộ bao gồm: Đoàn thông báo kết quả nghiên cứu của Đoàn đối với Hồ sơ TĐG của Nhà trường; thống nhất về các minh chứng cần bổ sung, số lượng và thành phần của các đối tượng sẽ phỏng vấn, các địa điểm Đoàn sẽ tham quan, công tác hậu cần và lịch trình khảo sát chính thức. Giám đốc Trung tâm, Trưởng Đoàn và Lãnh đạo Nhà trường đã ký biên bản khảo sát sơ bộ.

(iii) Khảo sát chính thức: Từ ngày 18 tháng 12 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Nhà trường, với các hoạt động sau đây: Nghe Hiệu trưởng Nhà trường và Hội đồng TĐG giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Khoa và quá trình TĐG; kiểm tra các hồ sơ minh chứng lưu trữ tại Nhà trường; gặp gỡ và phỏng vấn online 82 người, phỏng vấn trực tiếp 32 người, lấy ý kiến khảo sát 18 người gồm các đối tượng liên quan như: Ban Giám hiệu; Lãnh đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, lãnh đạo các phòng chức năng, trung tâm, thư viện; lãnh đạo các khoa trực thuộc Nhà trường, giảng viên, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, nhà tuyển dụng, cựu người học, người học; tham quan cơ sở vật chất phục vụ CTĐT của Nhà trường gồm văn phòng khoa/phòng chức năng, một số phòng học, phòng thực hành, thư viện, trạm y tế, sân bãi TĐTT... Đoàn ĐGN đã lấy ngẫu nhiên đề cương chi tiết của 12 học phần trong CTĐT. Đoàn ĐGN đề nghị Thư viện tìm số giáo trình, tài liệu ghi trong các đề cương chi tiết các học phần này. Kết quả thư viện tìm được 40/50 giáo trình và tài liệu tham khảo đã ghi trong 12 đề cương chi tiết các học phần này. Đoàn ĐGN đã khảo sát trực tiếp bằng điện thoại tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020 với số lượng 298 người, trong đó có 131 sinh viên tốt nghiệp trả lời. Trong số 131 người trả lời, có 129

người có việc làm với mức lương trung bình 9,4 triệu đồng/tháng. Hàng ngày vào cuối buổi chiều, Đoàn ĐGN làm việc riêng để thảo luận về các thông tin thu thập được, thống nhất chung các nhận định. Đoàn đồng thời dành thời gian để tiếp cán bộ và người học có nhu cầu gặp gỡ trao đổi riêng với Đoàn ĐGN.

(iv) Dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 25/12/2021 đến 16/01/2022 Đoàn ĐGN thảo luận và thống nhất chung về dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên Đoàn ĐGN thông qua. Ngày 18/01/2022 Trung tâm đã gửi Công văn số 11/CV-KĐCLGD kèm theo Dự thảo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường để lấy ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN.

(v) Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Trung tâm đã nhận được Công văn số 79/ĐHV-ĐBCL đề ngày 24/01/2022-về việc phản hồi dự thảo Báo cáo ĐGN của Nhà trường. Sau khi nhận được ý kiến phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn ĐGN đã hoàn thiện Báo cáo ĐGN và nộp cho Trung tâm. Trung tâm đã gửi Công văn số 33/CV-KĐCLGD kèm theo Báo cáo ĐGN đến Nhà trường vào ngày 08/02 /2022.

III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

1. Tóm tắt những điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 1:

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã 4 lần ban hành CTĐT ngành TCNH vào các năm 2016, năm 2017, năm 2019, năm 2021. Trong các phiên bản trên, Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH đã nêu rõ ràng về kiến thức nền tảng về kinh tế, kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực TCNH và có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến các hoạt động TCNH trong môi trường hội nhập quốc tế.

Từ mục tiêu chung, CTĐT đã chi tiết thành 4 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu cụ thể thứ nhất (PO1) là áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin (CNTT), tiếng Anh và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH. Mục tiêu cụ thể thứ hai (PLO2) là "thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp" Mục tiêu cụ thể thứ ba (PLO3) là "thể hiện kỹ năng phẩm chất cá nhân, tự chịu trách nhiệm và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH"; Mục tiêu cụ thể thứ tư (PLO4) là "hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động TCNH trong môi trường hội nhập quốc tế".

Mục tiêu chung của từng phiên bản được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể. CTĐT ban hành năm 2016 có 3 mục tiêu cụ thể, ban hành năm 2017 và 2021 có 4 mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu cụ thể rõ ràng, về cơ bản đã phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Nhà trường là “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”, tầm nhìn “Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH phù hợp với mục tiêu quy định của Luật Giáo dục đại học là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.

Trong các phiên bản CTĐT đào tạo đã xác định rõ CĐR. Cụ thể, phiên bản năm 2017 có 73 CĐR (gồm 13 CĐR về kiến thức, 31 CĐR về kỹ năng, 5 CĐR về tự chủ tự chịu trách nhiệm, 24 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng,

xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH). Phiên bản năm 2021 có 28 CĐR (gồm 8 CĐR về kiến thức, 11 CĐR về kỹ năng, 3 CĐR về tự chủ, tự chịu trách nhiệm, 6 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH).

Trong CTĐT ban hành năm 2021 đã xây dựng mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT. Đối với CTĐT ban hành năm 2021 có 10 CĐR cấp 2, sau đó được chi tiết thành 28 CĐR cấp 3. Cụ thể, (i) CĐR thứ nhất (PLO1.1) "Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và CNTT trong các hoạt động kinh tế" được chi tiết thành 3 CĐR. (ii) CĐR thứ hai (PLO1.2) "Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng" được chi tiết thành 3 CĐR; (iii) CĐR thứ ba (PLO1.3) "Vận dụng kiến thức chuyên ngành TCNH để giải quyết các vấn đề hoạt động TCNH" được chi tiết thành 2 CĐR; (iv) CĐR thứ tư (PLO2.1) là Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề, lĩnh vực TCNH được chi tiết thành 4 CĐR; CĐR thứ 5 (PLO2.2) là "Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng được chi tiết thành 3 CĐR. CĐR thứ sáu (PLO3.1) là thực hiện quản trị nhóm hiệu quả được chi tiết thành 3 CĐR; CĐR thứ bảy (PLO3.2) là vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý được chi tiết thành 2 CĐR; CĐR thứ tám (PLO3.3) là sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế được chi tiết thành 2 CĐR; CĐR thứ 9 (PLO4.1) là Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội được chi tiết thành 2 CĐR. CĐR thứ 10 (PLO4.2) là: Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH được chi tiết thành 4 CĐR cấp 3.

Về vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, CTĐT ban hành năm 2021 nêu xác định các vị trí có thể đảm nhận như chuyên viên ở các ngân hàng, doanh nghiệp tại các vị trí khác nhau, hoặc trong một số lĩnh vực gần với ngành TCNH như trong lĩnh vực kiểm toán hoặc GV ở các trường ĐH, cao đẳng v.v.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa Kinh tế đã khảo sát yêu cầu các bên liên quan theo kế hoạch của Nhà trường. Nhà trường có văn bản Hướng dẫn xây dựng CDR trình độ ĐH.

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã bốn lần ban hành CTĐT ngành TCNH. CDR của CTĐT được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được gửi đến tài khoản của SV để SV đăng ký tín chỉ.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH của Nhà trường có các nội dung: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh; tên gọi của văn bằng: Bằng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, ngành TCNH; tên CTĐT là TCNH trình độ đại học, loại hình đào tạo chính quy tập trung; Bản mô tả CTĐT có các phần như Mục tiêu CTĐT; CDR của CTĐT, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH ban hành qua các năm đã cập nhật một số nội dung như về số tín chỉ đã thay đổi từ 132 TC (năm 2016) xuống 125 TC (năm 2017), lên 126 TC (năm 2021). Về phương pháp giảng dạy, học tập, bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021 đã có một số thay đổi như tăng hoạt động nhóm, tăng tương tác giữa GV với SV v.v. so với các bản ban hành trước đó.

Về nội dung, bản CTĐT ban hành năm 2021 so với bản ban hành năm 2019 đã được bổ sung, cập nhật một số vấn đề mới phát sinh như các vấn đề về dịch vụ ngân hàng số (trong học phần dịch vụ ngân hàng hiện đại); đưa nội dung về thị trường tiền tệ vào học phần thị trường chứng khoán v.v. Bổ sung Học phần Tài chính công ty đa quốc gia (3 tín chỉ), bổ sung học phần Bảo hiểm (3 tín chỉ) v.v.

Nhà trường có văn bản hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực SV dựa trên CĐR, các bộ môn xây dựng đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP). CTĐT ngành TCNH ban hành năm 2016 có 41 HP, ban hành năm 2017 có 36 HP, ban hành năm 2019 có 36 HP, ban hành năm 2021 có 37 HP.

Kết quả kiểm tra toàn bộ đề cương chi tiết học phần cho thấy có tên khoa/bộ môn phụ trách/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bản mô tả CTĐT của ngành TCNH được công khai bằng các hình thức khác nhau như đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Khoa, phổ biến cho người học vào các buổi của tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học; bản in được lưu tại Văn phòng Khoa, Phòng Đào tạo, giới thiệu tóm tắt trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

Trong buổi lên lớp đầu tiên của các học phần (HP), GV giảng dạy HP đã giới thiệu các vấn đề liên quan tới HP để người học nắm bắt.

Các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu người học, người học và những người quan tâm có thể tìm kiếm thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT ngành TCNH trên cổng thông tin điện tử của Trường, Khoa. Qua phỏng vấn, Đoàn ĐGN thấy một số người đã tiếp cận với bản mô tả CTĐT.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành TCNH được Khoa Kinh tế thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. Đối với CTDH ban hành năm 2017 và năm 2019, có 36 HP để đáp ứng 73 CĐR. Qua rà soát CTDH, Khoa đã điều chỉnh số CĐR của CTDH ban hành năm 2021 còn 28 CĐR với 37 HP. Các HP được xây dựng đã dựa trên yêu cầu

của CDR đã được xác định. Để đáp ứng yêu cầu CDR PLO1.1 "Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và CNTT trong các hoạt động kinh tế" Khoa đã lựa chọn các HP như Tin học; Toán cho các nhà kinh tế; Để đáp ứng yêu cầu của CDR PLO1.2 "Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực TCNH" Khoa đã lựa chọn các HP như Nhập môn ngành kinh tế; Kinh tế vi mô; Lý thuyết tài chính tiền tệ v.v.

Khoa/GV đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và các phương pháp đánh giá người học phù hợp: phương pháp thuyết giảng, phát vấn; thảo luận nhóm; nghiên cứu tình huống; trò chơi; thực hành;

Đối với các học phần lý thuyết, giảng viên chủ yếu dùng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, tổ chức thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, cho SV thuyết trình kết quả thảo luận.

Đối với các học phần thực hành, thực tập, SV được tiếp xúc và trải nghiệm thực tế, quan sát, phỏng vấn nắm bắt và giải quyết các vấn đề thực tế tại các địa bàn cụ thể... Sau quá trình thực tập, người học phải thực hiện các báo cáo chuyên đề theo các yêu cầu thực hành/thực tập.

Phương thức đánh giá học phần cũng được ghi trong ĐCCTHP. Người học thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, thi cuối học phần theo cách thức: làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, hoặc báo cáo chuyên đề. Các phương thức đánh giá kết quả học tập của người học với các rubric cụ thể cũng được xác định phù hợp để đánh giá mức độ đạt CDR. Cơ cấu điểm học phần/phương thức đánh giá, và trọng số do Trường quy định tùy thuộc vào loại học phần hướng đến CDR của học phần và của CTĐT. Khoa đã xây dựng ma trận kết nối giữa phương thức kiểm tra đánh giá và CDR của học phần, qua đó cho biết việc kiểm tra thường xuyên (đánh giá qua mức độ chuyên cần), kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần có đóng góp cho việc đạt được CDR nào của CTĐT.

Khoa Kinh tế đã xây dựng ma trận thể hiện sự kết nối giữa nội dung của HP với các CDR. Sau khi rà soát, điều chỉnh CTDH ban hành năm 2017, Khoa

đã điều chỉnh số CĐR từ 73 xuống còn 28 (đối với bản CTDH ban hành năm 2021). Qua nghiên cứu các HP trong CTDH ngành TCNH, Đoàn ĐGN thấy hầu hết các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của từng HP nhằm đạt được CĐR. Theo CTDH ban hành năm 2021 có thời lượng 127 tín chỉ, 37 HP. Trong tổng số 37 HP, có 36 lượt HP được nhằm đáp ứng yêu cầu của 8 CĐR về kiến thức và lập luận ngành; có 34 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 7 CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; có 20 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 7 CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; có 21 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 6 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH.

Căn cứ vào đặc điểm của từng HP trong CTDH, Khoa Kinh tế đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Trong ĐCCTHP có bảng ma trận ghi rõ CĐR của HP, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá. (Mục 4.2 của ĐCCTHP), đánh giá học tập và các bộ tiêu chí (Mục 5 của ĐCCTHP); Đối với từng HP, hoặc từng chương của mỗi HP mà có các rubric đánh giá chi tiết, cụ thể.

CTDH ngành TCNH được thiết kế theo 2 hướng chuyên sâu là Ngân hàng thương mại và Tài chính doanh nghiệp, mỗi hướng có 3 HP với 9 tín chỉ. CTĐT ngành TCNH có 2 tổ hợp tự chọn, mỗi tổ hợp có 3 HP, người học chọn 1 trong 3 HP của mỗi tổ hợp.

Các học phần trong CTDH được bố trí thành 8 học kỳ, trong đó các học phần thuộc khối giáo dục đại cương được bố trí phần lớn ở các học kỳ đầu, các học phần chuyên ngành được bố trí ở các học kỳ cuối theo trình tự tăng dần của quá trình tiếp thu và nhận thức của người học. Các đề cương chi tiết học phần quy định rõ các loại học phần tự chọn hay bắt buộc, các học phần có điều kiện như học phần tiên quyết hoặc học phần song hành để bảo đảm tính hợp lý của quá trình tiếp thu, nhận thức của người học và từng bước đáp ứng CĐR.

Khi xây rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa đã tham khảo CTĐT ngành TCNH của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Kinh tế - Luật- ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Nguyễn Trãi, Học viện Tài chính v.v. và một số trường đại học nước ngoài như CTĐT Bankinh Finance, Monash University (Úc); BSc Fimance London School of Economics and Political Science (Anh); Finance and Investment Banking, BSc Hosn University of Greenwich (Anh)... Khi so sánh, Khoa đã đối chiếu khá chi tiết các khối kiến thức, CDR của CTĐT Khoa đang sử dụng với các CTĐT khác, qua đó điều chỉnh CTĐT ngành TCNH của Trường.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục, trong đó nêu rõ Triết lý giáo dục của Trường ĐH Vinh là “Hợp tác - sáng tạo”. Nhà trường xác định "đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm".

Qua phỏng vấn, hầu hết GV, SV, cựu SV nắm bắt được Mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi người dễ nhận biết, dễ đọc. Bên cạnh đó, Nhà trường đã giới thiệu mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Trường ĐH Vinh trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh, trên các trang mạng như facebook, youtube v.v.

Khoa Kinh tế đã có các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy-học phù

hợp với đặc điểm của từng học phần để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy của CTĐT ngành TCNH đa dạng bao gồm thuyết giảng, giải quyết tình huống, thảo luận, làm đồ án, thực hành, thảo luận nhóm, làm dự án v.v. Trong các đề cương chi tiết học phần có nêu cụ thể từng phương pháp giảng dạy, học tập của mỗi học phần.

Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi đến lớp v.v. cho SV. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, GV sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau để truyền tải kiến thức nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CDR.

Nhà trường đã tổ chức Hội thảo -Tập huấn về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực với nội dung tăng cường năng lực giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực cho giảng viên.

Nhà trường, Khoa, Bộ môn TCNH đã chuyển đổi việc giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến từ khi xảy ra đại dịch Covid-19.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định cụ thể các hoạt động giảng dạy, đánh giá cho từng chương trong học phần. Căn cứ vào nội dung của học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Kết quả phỏng vấn GV cho thấy GV đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, người học được tham gia nhiều hoạt động như tự nghiên cứu, làm việc nhóm, đóng vai v.v.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, thông qua dự giờ, tổ bộ môn/Khoa đã đánh giá cả về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV. Kết quả Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ dự giờ giảng cho thấy GV đã hài lòng với phương pháp hoạt động dạy học đã được thực hiện.

Tất cả các ĐCCTHP trong CTĐT ngành TCNH ban hành các năm 2017, 2019, 2021 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tại mục 5

quy định việc đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá, trong đó đã nêu chi tiết, cụ thể đánh giá quá trình học tập, hoạt động nhóm v.v. với rubric nêu rõ từng mức đánh giá cho từng hoạt động v.v.

Đối với mỗi nội dung giảng dạy được quy định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần. Trong bảng Ma trận CDR đã xác định rõ yêu cầu của từng học phần và mức độ đóng góp của từng học phần nhằm đạt được CDR.

Trong các ĐCCT của tất cả các học phần đã quy định rõ số giờ tự học chung cho cả học phần và giờ tự học, chuẩn bị của từng chương, định hướng, gợi mở cho người học nghiên cứu, làm việc nhóm. Các học phần có quy định mức độ ứng dụng của học phần nhằm nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Trong các ĐCCTHP có quy định rõ các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, trong đó có các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học như kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ, có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần.

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, do việc giảng dạy từ trực tiếp đã chuyển sang trực tuyến nên Nhà trường đã hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá học phần. Nhà trường đã khảo sát các bên liên quan về điều

chỉnh hình thức đánh giá HP. Trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, Nhà trường có điều chỉnh công tác tổ chức bảo vệ đề án HP, thi vấn đáp và báo cáo tiểu luận cho hệ chính quy Nhà trường đã điều chỉnh đánh giá tiểu luận, bảo vệ đề án từ tập trung sang trực tuyến đối với một số HP.

Các quy định của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Nhà trường đã công bố các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân, được GV phổ biến trong buổi đầu tiên của học phần, được quy định cụ thể trong ĐCCTHP và trong cuốn cẩm nang SV.

Nhà trường, Khoa đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần là (i) Đánh giá quá trình (có tỉ lệ 50% gồm điểm đánh giá ý thức học tập (10%); Hồ sơ học phần (20%); Đánh giá giữa kỳ (20) và (ii) Đánh giá cuối kỳ (có tỉ lệ 50%). Đối với điểm đánh giá ý thức học tập và Hồ sơ học phần do giảng viên đánh giá với các tiêu chí cụ thể như sự tham gia học tập trên lớp, chuẩn bị tài liệu, bài thu hoạch, bài tập cá nhân v.v. Đối với bài đánh giá giữa kỳ được Nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm. Đối với đánh giá cuối kỳ có nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm khách quan đề án, thực hành v.v.

Nhà trường có quy định về coi thi học phần, chấm thi học phần, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, cắt phách v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các học phần tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai dưới các đề tài NCKH, sau khi hoàn thành được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CDR. Trong thời gian khảo sát tại Trường, Đoàn ĐGN đã tham quan khu vực tổ chức chấm thi của Nhà trường

và nhận thấy việc bố trí khu vực làm phách, chấm thi bảo đảm an toàn, tập trung, nghiêm túc. Các bài thi được cất phách, có chữ ký của 2 GV chấm.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v. Kết quả đánh giá được gửi tới tài khoản của SV đúng thời gian qui định của Nhà trường. Trên cơ sở thông báo kết quả đánh giá, người học đã có điều kiện chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hoặc cải thiện việc học tập.

Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Vào tiết đầu tiên của học phần, GV đã phổ biến về việc đánh giá học phần. Nhà trường có bộ phận “Một cửa” để nhận các loại đơn từ, khiếu nại v.v.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 6:

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV của Khoa KT, ngành TCNH được triển khai hằng năm. Tỷ lệ SV/GV đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Khối lượng công việc của GV được đo lường và giám sát tiêu bằng các chỉ rõ ràng, minh bạch. Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định xác định nhất quán, công bằng. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xây dựng theo kế hoạch và có rà soát, điều chỉnh hằng năm và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai chặt chẽ theo quy định.. Hơn 90% GV ngành TCNH được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của GV được giám sát với kết quả NCKH được ghi nhận để làm căn cứ phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 7:**

Trường ĐH Vinh về cơ bản đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; có quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác cho GV và SV của CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản và công khai về quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại chuyên viên, kỹ thuật viên (KTV) và nhân viên. Đội ngũ nhân viên của Trường được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường. Năng lực đội ngũ KTV, nhân viên đáp ứng nhu cầu công việc, phù hợp với vị trí việc làm và được định kỳ đánh giá.

Nhà trường đã khảo sát và phân tích được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên; đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng vị trí công tác của đội ngũ này được phân định trong Đề án vị trí việc làm. Kết quả bình xét, xếp loại lao động đã thể hiện rõ việc quản trị theo kết quả công việc của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 8:**

Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Tài chính - Ngân hàng.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Tài chính - Ngân hàng được quy định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được rà soát, đánh giá hằng năm để đảm bảo thực hiện đúng quy chế

tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, Sinh viên (CTCT-HSSV), các khoa và các cố vấn học tập (CVHT) và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Hằng năm, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa, viện xây dựng chương trình học chuyên đổi linh hoạt, tổ chức học tập các học phần thay thế cho các sinh viên quá hạn đào tạo được tiếp tục học tập.

Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 9:

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 87.876 m².

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công việc

Các phòng học, hội trường đều được trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng. Thư viện điện tử của Nhà trường được kết nối với thư viện điện tử của các cơ sở giáo dục khác.

Thư viện trường có 124 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học, được kết nối với khá nhiều thư viện trong nước.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành - thí nghiệm được quy hoạch quản lý sử dụng tập trung bởi Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Nhà trường đã chi 5.474,16 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ, được cập nhật thường xuyên thông qua các phần mềm CMC, Trí Nam, e-Office, LMS đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 74.328 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh; kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ; thành lập Đội Phòng chống bão lụt – phòng chống cháy nổ. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC; Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt và tổ chức luyện tập.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 10:

Với mỗi lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa đã thực hiện quy định của Nhà trường, đã sử dụng các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm cơ sở cho việc phát triển CTĐT.

Nhà trường đã có hệ thống các văn bản quy định và đã định kỳ triển khai

việc rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT

Khoa đã triển khai thực hiện nhiều đề tài khoa học trọng điểm cấp cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng nội dung, phương pháp giảng dạy của các học phần trong CTĐT theo tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua các phương thức khác nhau, làm cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 11:

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT đã được Nhà trường và Khoa xác lập, giám sát và đối sánh để từ đó đề xuất hướng cải tiến phù hợp giúp giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

Nhà trường và Khoa đã thu thập, đối sánh thông tin về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp: tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm, nhất là có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đều ở mức tương đương với SV tốt nghiệp cùng CTĐT của các trường ĐH một số địa phương khác.

Việc tổ chức triển khai, giám sát việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của Trường (NCKH, dịch vụ hỗ trợ, CSVC...) đã được xác lập và giám sát.

2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

2.1. Những tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu đào tạo của ngành TCNH chưa thể hiện được rõ nét việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như đã nêu trong Sứ mạng của Nhà trường.

CĐR của CTĐT ngành TCNH trong các phiên bản không tuân thủ đầy đủ quy định tại Tiết b, Khoản 4, Điều 1 của QĐ số 1082/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia (CĐR đã không nêu cụ thể về "Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn".

Số lượng đối tượng khảo sát khi điều chỉnh CĐR chưa thật sự đa dạng và mang tính đại diện cao. Thang đo về “Sự cần thiết” trong Phiếu khảo sát để thu thập thông tin mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành TCNH không phù hợp về định nghĩa của các mức độ: (i) Rất không cần thiết; (ii) Không cần thiết; (iii) Bình thường; (iv) Cần thiết; (v) Rất cần thiết. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu bật được các yêu cầu cụ thể của các bên liên quan.

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy một số ít các đối tượng được phỏng vấn chưa nắm bắt, hiểu đúng CĐR của CTĐT ngành TCNH mà Nhà trường đã công bố.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 2:

Việc cập nhật những thay đổi và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) trong CTĐT ngành TCNH chưa nhiều.

ĐCCT của một vài HP chưa phản ánh được chi tiết phương pháp đánh giá như hình thức đánh giá giữa kỳ để người học chủ động chuẩn bị.

Năm 2021, Nhà trường có văn bản số 06/HD-ĐHV ngày 14/5/2021 hướng dẫn thực hiện đề tài "Xây dựng/Rà soát, cập nhật CTĐT trình độ ĐH...", trong đó phần Phụ lục Đề cương chi tiết học phần quy định cấp phê duyệt là Trưởng bộ môn.

ĐCCTHP của CTĐT ngành TCNH được đưa lên mạng dưới định dạng pdf và đặt ở mục "văn bản/Biểu mẫu" nên đôi khi chưa thuận tiện cho việc tiếp cận.

Kết quả phỏng vấn các nhà tuyển dụng cho thấy, một số người chưa quan tâm để tiếp cận với các ĐCCTHP của ngành TCNH.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 3:

Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH góp phần đạt được CĐR, đặc biệt cần sớm điều chỉnh các hình thức kiểm tra đánh giá thích ứng với điều kiện mới trong bối cảnh thay đổi phương thức từ dạy trực tiếp sang trực tuyến.

Việc xác định sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR trong CTĐT năm 2021 chưa hoàn toàn phù hợp. Ví dụ HP Marketing căn bản được xác định đóng góp tới 10 CĐR, trong đó có những CĐR không liên quan trực tiếp tới nội hàm của HP Marketing như các CĐR về "năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH; Hoặc HP Luật Kinh tế được xác định đóng góp vào việc đạt được CĐR " sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế"; hoặc học phần Tiếng Anh 1 đóng góp vào việc đạt được CĐR "Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội" v.v. Có một số CĐR được xác định có sự đóng góp của rất nhiều HP như CĐR "thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế" có tới 17 HP đóng góp vào CĐR này v.v.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 4:

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, vẫn có một vài người chưa thực sự quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Kết quả khảo sát SV cho thấy còn một tỉ lệ nhỏ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm v.v. chưa đạt yêu cầu.

Trong quá trình ĐGN phỏng vấn, một số SV cho biết việc giảng dạy trực tuyến do tác động của đại dịch Covid làm cho việc tiếp thu của SV gặp những hạn chế, nhất là việc chữa bài tập, hướng dẫn thực hành vì cách giảng dạy, chữa bài tập, hướng dẫn thực hành vẫn áp dụng như hình thức học trực tiếp.

Qua phỏng vấn các nhà tuyển dụng lao động cho thấy một số ít SV tốt nghiệp CTĐT ngành TCNH có khả năng thích ứng với công việc chưa cao, còn tự ti, chưa thực sự chủ động tìm hiểu học hỏi để nâng cao khả năng thích ứng với thực tế.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 5:

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời“ và ban hành ở nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc triển khai thực hiện và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

Trong thời gian ĐGN, Đoàn ĐGN đề nghị Nhà trường lấy ngẫu nhiên 3 túi bài thi và thấy trong mỗi phòng thi chỉ có 1 mã đề thi. Kiểm tra đáp án của 3 túi bài thi này thấy đáp án không được làm thống nhất, điểm thành phần của một số câu chưa chi tiết, nội dung đáp án còn đơn giản, sơ xài; nhiều câu chấm chưa cho điểm chi tiết đến 0,5 điểm.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Việc công bố điểm đánh giá học phần trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm ĐBCL để người học tự rà soát được triển khai có lúc không thường xuyên.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 6:

Nội dung quy hoạch đội ngũ GV, Nhà khoa học còn chưa thực sự bíрт phá. Công tác quy hoạch về đội ngũ GV chưa tách bạch và làm rõ được nội dung đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng.

Các hoạt động PVCĐ của giảng viên chưa được lượng hóa nên nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động PVCĐ của GV chưa được thuận lợi.

Dữ liệu điện tử trên E-Office chưa thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin liên quan. Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều, không có nhân sự có học vị tiến sỹ nộp đơn xin đăng ký tuyển dụng.

Năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

Một số GV đang làm nghiên cứu sinh không đảm bảo đúng thời hạn do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (đề tài không khả thi, hoặc bản thân GV chưa quyết tâm cao). Kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế.

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích đặc biệt phù hợp đối với những giảng viên thực hiện vượt định mức NCKH. Phân bổ mức chi trực tiếp cho GV làm đề tài NCKH cấp Trường hiện đang ở mức thấp.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 7:

Việc quy hoạch đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc tại thư viện, các phòng thí nghiệm, trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ CTĐT chưa được dài hạn. Kế hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên chưa được chi tiết đến từng lĩnh vực cụ thể; đặc biệt là cho những đơn vị có tính chất đặc thù.

Một số nội dung trong tiêu chí điều động, luân chuyển của Nhà trường chưa thể hiện được đặc thù theo chuyên ngành của nhân viên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều.

Nhà trường có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung của đội ngũ nhân viên, chưa có những tiêu chí riêng theo đặc thù của từng lĩnh vực mà đội ngũ nhân viên đảm nhận, ví dụ: nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với nhân viên ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ khá định tính, chưa được định lượng rõ ràng.

Việc khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai chưa đồng bộ ở các đơn vị.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 8:

Các đối tượng được Nhà trường/Khoa khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh của Trường chưa đa dạng.

Nhà trường chưa sử dụng phương thức đánh giá năng lực để tuyển sinh.

Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN cho thấy: “Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học”

Nội dung các câu hỏi trong các phiếu khảo sát được thiết kế chưa khoa học nên chưa thu được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng

tư vấn và hỗ trợ người học.

Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN về tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp giai đoạn 2018-2020 cho thấy: Tỷ lệ người học ngành TCNH có việc làm đúng ngành đạt tỷ lệ không cao.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 9:

Khoa/bộ môn chưa được bố trí phòng làm việc, sinh hoạt chuyên môn riêng; không gian làm việc của cán bộ giảng viên khá chật hẹp.

Thư viện chưa đáp ứng đầy đủ giáo trình tài liệu học tập theo danh mục tài liệu được quy định tại các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã yêu cầu Thư viện tìm 50 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 12 đề cương chi tiết các học phần được Đoàn ĐGN lựa chọn ngẫu nhiên của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được 40 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

Theo số liệu kiểm kê tháng 01 năm 2021, phần lớn các trang thiết bị điện tử (máy tính, camera, ..) của Thư viện đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Hợp đồng CSDL Proquest Central số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 đã hết hiệu lực.

Một số biên bản kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa ghi đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định. Một số cán bộ quản lý các phòng thực hành chưa ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành.

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản.

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm

mạng wifi còn chậm.

Kết quả trao đổi với các nhóm đối tượng cho thấy “Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm”.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 10:

Tính hệ thống trong thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường thể hiện khá mờ nhạt, do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện (ít nhất có 5 đầu mối). Do vậy tại thời điểm KSCT, quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nằm ở nhiều văn bản khác nhau tùy thuộc vào các đơn vị, chưa mang tính thống nhất và hướng dẫn chung về các chi tiết/bước thực hiện, ví dụ: cách thức tổ chức thực hiện, thời điểm khảo sát, phương pháp khảo sát, kích thước mẫu tối thiểu và cách chọn mẫu với từng đối tượng khảo sát ... và đặc biệt là thiếu hướng dẫn về việc phân tích, xử lý dữ liệu và tổng hợp chung các kết quả khảo sát, đề xuất/khuyến nghị các giải pháp cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát tại các đơn vị liên quan...

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 11:

Sau 1 năm tốt nghiệp vẫn còn tỷ lệ đáng kể SV tốt nghiệp thuộc CTĐT chưa kiếm được việc làm; con số này được duy trì ở mức độ nhất định trong suốt mấy năm qua. Điều đó cho thấy, tuy đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp

giúp SVTN sớm kiểm được việc làm, song hiệu quả của các giải pháp đó chưa thật cao.

Sản phẩm NCKH của SV của Khoa còn nghèo nàn, số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Kinh phí cho NCKH của SV trong 5 năm qua của Nhà trường chỉ chiếm 1,02% nguồn thu học phí của Nhà trường, thấp hơn nhiều so với quy định hiện hành của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị để cải tiến chất lượng CTĐT

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường cần nghiên cứu lại về mục tiêu đào tạo của ngành TCNH để thể hiện được rõ nét hơn nữa mục tiêu giáo dục của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà trường, Khoa cần nêu cụ thể về "Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn" theo quy định tại Tiết b, Khoản 4, Điều 1 của QĐ số 1082/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia.

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát khi Nhà trường rà soát và điều chỉnh CDDR của CTĐT.

Nhà trường nên đầu tư để rà soát và hoàn thiện lại các phiếu khảo sát với các thang đo và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan đến CDR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CTĐT để có thể thu thập được thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CDR CTĐT nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về

CĐR của CTĐT.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường nên bổ sung vào CTĐT ngành TCNH những vấn đề liên quan đến sự phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo Mục tiêu, Sứ mạng của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

Nhà trường/Khoa cần rà soát toàn bộ các ĐCCTHP trước khi phê duyệt, công bố để bảo đảm các ĐCCT đúng theo quy định của Nhà trường.

Khi CTĐT có thay đổi về CĐR, bản mô tả CTĐT, việc thông qua các ĐCCTHP là Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường và Hội đồng trình Hiệu trưởng để ban hành các ĐCCTHP đi kèm với CTĐT đã được điều chỉnh/sửa đổi.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể mở mục cố định riêng trên website của Trường/Khoa cho việc đặt các CTĐT kèm theo là các bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP để việc tra cứu được thuận tiện hơn đối với các đối tượng ngoài Trường.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt các ĐCCTHP) trên ứng dụng của CNTT để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành TCNH sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 3:

Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH góp phần đạt được CĐR, đặc biệt cần sớm điều chỉnh các hình thức kiểm tra đánh giá thích ứng với điều kiện mới trong bối cảnh thay đổi phương thức từ dạy trực tiếp sang trực tuyến.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành TCNH để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường nên nghiên cứu cải tiến để có thể đa dạng hóa hoạt động truyền thông tuyên truyền và mở rộng phạm vi truyền thông tới đông đảo các bên liên quan để có thể lan truyền rộng rãi về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu nguyên nhân vì sao vẫn còn có một tỷ lệ nhỏ SV chưa hài lòng với hoạt động giảng dạy và kỹ năng sư phạm của GV để từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm điều chỉnh lại các phương pháp sư phạm và kỹ năng giảng dạy của một số giảng viên nhất định để phù hợp với mọi đối tượng người học.

Nhà trường cần sớm tổ chức rút kinh nghiệm việc tổ chức học tập, giảng dạy theo hình thức trực tuyến để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy, hệ thống giáo trình, tài liệu, cách thức hướng dẫn chữa bài tập, thực hành nhằm thích ứng với tình hình bình thường mới và đảm bảo chất lượng, đạt được CĐR đã thiết kế.

Nhà trường/Khoa nên định kỳ hằng năm tổ chức mời những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực TCNH và cựu sinh viên giao lưu với SV của Khoa về nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH, qua đó có những chia sẻ hỗ trợ các SV ngành TCNH hiểu sâu hơn về ngành nghề cũng như góp phần tạo dựng được đam mê nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho SV ngay từ khi còn đang học trong Trường, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế như CDR Nhà trường đã thiết kế.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt và triển khai thực hiện.

Nhà trường/Khoa nên phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp hơn nhằm tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

Nhà trường nên qui định thống nhất hình thức của đáp án để bảo đảm sự thống nhất chung, tạo điều kiện cho GV chấm thi chính xác, khách quan, công bằng; đồng thời cần quy định điểm chi tiết đến 0,5 điểm hoặc dưới 0,5 để đảm bảo kết quả chấm có độ chính xác cao.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Nhà trường nên nghiên cứu để cải tiến việc thông báo điểm trên cổng thông tin điện tử để người học tự rà soát điểm đánh giá học phần; đồng thời cần có cơ chế giám sát việc thực hiện này để đảm bảo hoạt động này được triển khai đúng quy định.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 6:

Nội dung quy hoạch đội ngũ GV, Nhà khoa học khoa Kinh tế cần thực sự bút phá. Công tác quy hoạch về đội ngũ GV cần tách bạch và làm rõ được nội dung đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng

Nhà trường và Khoa Kinh tế cần xem lại việc phân bổ giờ giảng cho các GV của Khoa TCNH để đảm bảo cân đối số giờ giảng của GV trong Khoa và đảm bảo số giảng đã quy đổi của mỗi GV hằng năm nằm trong biên độ cho phép.

Nhà trường cần đưa ra các tiêu chí lượng hóa được các hoạt động PVCD của giảng viên để thuận lợi hơn trong việc giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ PVCD của GV hằng năm.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể nâng cấp phần mềm E-Office của Trường đối với các trường thông tin thuận lợi hơn để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm được các thông tin liên quan phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.

Để có thể thu hút được đông đảo nhân sự đăng ký tham gia tuyển dụng vào làm GV của Trường/Khoa Kinh tế, Nhà trường cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi đặc biệt đối với những nhân sự có học vị tiến sĩ.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ hằng năm có các xe-mi-na hoặc các lớp bồi dưỡng để hướng dẫn, bồi dưỡng cho các GV trẻ về các phương pháp NCKH; đồng thời Khoa nên có các tổ NCKH trong đó có các GV có kinh nghiệm

NCKH trực tiếp bồi dưỡng/hướng dẫn cho các GV trẻ cùng làm chung đề tài NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cho các GV trong Khoa.

Nhà trường cần tham khảo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 để xây dựng lộ trình phát triển năng lực của đội ngũ GV của Khoa Kinh tế và của Trường.

Nhà trường và Khoa Kinh tế cần có cơ chế buộc các GV đang làm nghiên cứu sinh phải đầu tư nhiều thời gian hơn để đảm bảo tiến độ học tập và hoàn thành luận án tiến sĩ đúng kỳ hạn quy định.

Nhà trường cần nghiên cứu để đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp cho những GV thực hiện vượt định mức NCKH; đồng thời cần tăng mức chi trực tiếp cho các giảng viên thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 7:

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra chiến lược dài hạn hơn nhằm quy hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc cho từng lĩnh vực cụ thể tại thư viện, các phòng thí nghiệm, đặc biệt là đội ngũ làm việc trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường; trong Chiến lược phát triển cần có kế hoạch chi tiết hơn để phát triển đội ngũ này cho từng lĩnh vực chuyên môn theo những đặc thù của từng ngành đào tạo của Nhà trường; đặc biệt kế hoạch phát triển cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra được tiêu chí thể hiện được tính đặc thù của một số vị trí của nhân viên khi điều động, luân chuyển các nhân sự là

nhân viên của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường nên nghiên cứu để mở rộng hơn các chính sách đãi ngộ và khuyến khích đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD của Trường.

Song hành với bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chung, Nhà trường cần xây dựng thêm một số tiêu chuẩn/tiêu chí riêng phù hợp với đặc thù về các năng lực chuyên biệt cho từng lĩnh vực cụ thể của từng chuyên môn mà các nhóm nhân viên đang đảm nhận, chẳng hạn: tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên cần được lượng hóa cụ thể để đảm bảo việc đánh giá năng lực được công bằng.

Kế hoạch phát triển của Nhà trường cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định. Nhà trường cần tăng ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Nhà trường cần quy định cụ thể về việc khảo sát ý kiến cán bộ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc (thời gian khảo sát, phương pháp khảo sát ...) để việc khảo sát này được thực hiện đồng bộ trong tất cả các đơn vị trong Trường.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường cần lấy ý kiến của nhiều đối tượng liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường đối với ngành Tài chính – Ngân hàng để thu được nhiều ý kiến đa chiều giúp cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường /CTĐT.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực người học do Trường tổ chức hằng năm để chủ động có thêm phương thức tuyển sinh/tuyển chọn những thí sinh đủ năng lực vào học tại Trường.

Nhà trường cần phối hợp với đối tác hoàn thiện các chức năng của phần mềm quản lý đào tạo “Trí Nam” để hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học.

Nhà trường cần nghiên cứu để thiết kế các phiếu khảo sát phù hợp với từng đối tượng, mục tiêu khảo sát; các câu hỏi trong thang đo trong phiếu khảo sát cần được thiết kế một cách khoa học để có thể thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa nên tổ chức hội nghị/hội thảo với sự tham gia của đại diện các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đại diện các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên của Nhà trường ...) để phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm đúng ngành để có các giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc phối hợp hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV đối với sinh viên tốt nghiệp của ngành TCNH.

Nhà trường cần thực hiện việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc đưa ra được các giải pháp phù hợp để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường nên xem xét và bố trí phòng làm việc, phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/bộ môn và bố trí thêm diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên.

Thư viện của Nhà trường cần hằng năm thu thập nhu cầu sách/tài liệu học tập của từng khoa để đảm bảo thống kê đủ các đầu sách ghi trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT để mua bổ sung cho Thư viện Trường nhằm bảo đảm Thư viện của Trường cung cấp kịp thời và đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT hiện đang được triển khai đào tạo tại Trường. Nhà trường cần đảm bảo hằng năm cấp đủ kinh phí để Thư viện cập nhật đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của các khoa.

Thư viện cần phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát lại mức độ đáp ứng yêu cầu của các trang thiết bị, đề xuất Nhà trường thanh lý các trang thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu và có kế hoạch mua bổ sung các trang thiết bị thay thế.

Nhà trường cần rà soát, đánh giá nhu cầu và hiệu quả khai thác sử dụng CSDL Proquest Central để có kế hoạch ký tiếp hợp đồng để bảo đảm Thư viện cung cấp đủ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH

Nhà trường cần quy định cụ thể về các bước phải thực hiện khi kiểm kê để hướng dẫn đội ngũ cán bộ, nhân viên kiểm kê thực hiện đúng quy định.

Trung tâm THPT cần định kỳ kiểm tra và nhắc nhở các nhân viên quản lý các phòng thực hành - thí nghiệm ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành theo quy định của mẫu biểu.

Trung tâm CNTT cần phối hợp chặt chẽ cùng các khoa rà soát, đánh giá tính năng của phần mềm quản lý dạy học, đề xuất với Nhà trường các giải pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học trực tuyến.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT.

Nhà trường nên tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống mạng internet, nhất là mạng wifi để phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, NCKH của CBQL, GV và SV.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường bằng các phiếu khảo sát để có thể thu thập được nhiều thông tin một cách chính thống phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 10:

Để đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ, Nhà trường cần thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan vào 1 đầu mối (phòng/đơn vị chức năng) để điều hành và tổ chức chung, từ đó xây dựng Quy chế/quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng, chi tiết với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: từ khâu thiết kế công cụ/phiếu khảo sát, phương pháp tổ chức thực hiện khảo sát, việc xác định mẫu khảo sát tối thiểu, việc phân tích, xử lý dữ liệu, mẫu báo cáo tổng kết các kết quả khảo sát và đề xuất các giải pháp cải tiến trong các cáo về kết quả khảo sát, chuyển giao và sử dụng các kết quả khảo sát...để đảm bảo các kết quả khảo sát các nhóm đối tượng khác nhau được khai thác sử dụng một cách hữu ích phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động của từng Khoa và Trường.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 11:**

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sâu, kỹ hơn về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Nghệ An để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho SV tốt nghiệp.

Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tỷ lệ chi 3% nguồn thu học phí của Trường cho hoạt động NCKH của SV. Khoa và Bộ môn nên quan tâm nhiều hơn đến việc hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện các công bố khoa học và tham gia các đề tài NCKH, gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TDG	ĐGN	Tự đánh giá			Đánh giá ngoài		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1			5.00	3	100.00%	3.67	2	66.67%
Tiêu chí 1.1	5	4						
Tiêu chí 1.2	5	3						
Tiêu chí 1.3	5	4						
Tiêu chuẩn 2			5.00	3	100.00%	4.00	3	100.00%
Tiêu chí 2.1	5	4						
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
Tiêu chuẩn 3			5.00	3	100.00%	3.67	2	66.67%
Tiêu chí 3.1	5	4						
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
Tiêu chuẩn 4			5.00	3	100.00%	4.00	3	100.00%
Tiêu chí 4.1	5	4						
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
Tiêu chuẩn 5			4.40	5	100.00%	3.80	4	80.00%
Tiêu chí 5.1	5	4						
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	4	3						
Tiêu chí 5.4	4	4						
Tiêu chí 5.5	4	4						
Tiêu chuẩn 6			4.86	7	100.00%	4.29	7	100.00%
Tiêu chí 6.1	5	4						
Tiêu chí 6.2	4	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	5						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	5						
Tiêu chí 6.7	5	4						

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Tiêu chuẩn 7			4.20	5	100.00%	4.00	5	100.00%
Tiêu chí 7.1	4	4						
Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	4	4						
Tiêu chí 7.5	4	4						
Tiêu chuẩn 8			4.60	5	100.00%	4.00	5	100.00%
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	5	4						
Tiêu chuẩn 9			5.00	5	100.00%	4.00	4	80.00%
Tiêu chí 9.1	5	4						
Tiêu chí 9.2	5	3						
Tiêu chí 9.3	5	5						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10			4.30	6	100.00%	4.00	5	83.33%
Tiêu chí 10.1	4	4						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	4	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
Tiêu chuẩn 11			4.40	5	100.00%	3.80	4	80.00%
Tiêu chí 11.1	5	4						
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	4	3						
Tiêu chí 11.5	4	4						
Đánh giá chung chương trình theo 50 tiêu chí			4.66	50	100.00%	3.96	44	88.00%
Đánh giá chung chương trình theo 11 tiêu chuẩn			4.71			3.93		

Phần II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Căn cứ kết quả TĐG của Nhà trường, căn cứ các minh chứng và thông tin đủ tính hợp pháp và xác thực thu thập được trong quá trình nghiên cứu hồ sơ TĐG, quá trình khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại Nhà trường, Đoàn chuyên gia ĐGN đã đánh giá chất lượng CTĐT theo từng tiêu chí, thông qua việc đưa ra các điểm mạnh, tồn tại và các khuyến nghị khắc phục theo từng tiêu chí, đồng thời đánh giá mức đạt của tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 1:

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 1.1

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ra quyết định mở ngành số 7368/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2006.

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã 4 lần ban hành CTĐT ngành TCNH vào các năm 2016 (số 1002/QĐ-DDHV ngày 30/8/2016), năm 2017 (số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017), năm 2019 (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019), năm 2021 (số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021). Trong các phiên bản trên, Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH đã nêu rõ ràng về kiến thức nền tảng về kinh tế, kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực TCNH và có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến các hoạt động TCNH

trong môi trường hội nhập quốc tế.

Từ mục tiêu chung, CTĐT đã chi tiết thành 4 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu cụ thể thứ nhất (PO1) là áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin (CNTT), tiếng Anh và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH. Mục tiêu cụ thể thứ hai (PLO2) là "thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp" Mục tiêu cụ thể thứ ba (PLO3) là "thể hiện kỹ năng phẩm chất cá nhân, tự chịu trách nhiệm và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH"; Mục tiêu cụ thể thứ tư (PLO4) là "hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động TCNH trong môi trường hội nhập quốc tế".

Mục tiêu chung của từng phiên bản được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể. Đối với CTĐT ban hành năm 2016 có 3 mục tiêu cụ thể. Năm 2017 và 2021 có 4 mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu cụ thể rõ ràng, về cơ bản đã phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Nhà trường là “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”, tầm nhìn “Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH phù hợp với mục tiêu quy định của Luật Giáo dục đại học là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 1.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 1.1

Mục tiêu đào tạo của ngành TCNH chưa thể hiện được rõ nét việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như đã nêu trong Sứ mạng của Nhà trường.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 1.1

Nhà trường cần nghiên cứu lại về mục tiêu đào tạo của ngành TCNH để thể hiện được rõ nét hơn nữa mục tiêu giáo dục của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 1.1: 4

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 1.2

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã ban hành CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng vào các năm 2016 (số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016), năm 2017 (số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017), năm 2019 (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019), năm 2021 (số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021). Trong các phiên bản trên, CTĐT đào tạo đã xác định rõ CĐR. Cụ thể, phiên bản năm 2017 có 73 CĐR (gồm 13 CĐR về kiến thức, 31 CĐR về kỹ năng, 5 CĐR về tự chủ tự chịu trách nhiệm, 24 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH). Phiên bản năm 2021 có 28 CĐR (gồm 8 CĐR về kiến thức, 11 CĐR về kỹ năng, 3 CĐR về tự chủ, tự chịu trách nhiệm, 6 CĐR

về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH).

Trong CTĐT ban hành năm 2021 đã xây dựng mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT.

Ví dụ, đối với CTĐT ban hành năm 2021 có 10 CĐR cấp 2, sau đó được chi tiết thành 28 CĐR cấp 3. Cụ thể, (i) CĐR thứ nhất (PLO1.1) "Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và CNTT trong các hoạt động kinh tế" được chi tiết thành 3 CĐR. (ii) CĐR thứ hai (PLO1.2) "Vận dụng kiến thức có cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng" được chi tiết thành 3 CĐR; (iii) CĐR thứ ba (PLO1.3) Vận dụng kiến thức chuyên ngành TCNH để giải quyết các vấn đề hoạt động TCNH" được chi tiết thành 2 CĐR; (iv) CĐR thứ tư (PLO2.1) là Thể hiện kỹ năng khám phá trí thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề, lĩnh vực TCNH được chi tiết thành 4 CĐR; CĐR thứ 5 (PLO2.2) là "Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng được chi tiết thành 3 CĐR. CĐR thứ sáu (PLO3.1) là thực hiện quản trị nhóm hiệu quả được chi tiết thành 3 CĐR; CĐR thứ bảy (PLO3.2) là vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý được chi tiết thành 2 CĐR; CĐR thứ tám (PLO3.3) là sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế được chi tiết thành 2 CĐR; CĐR thứ 9 (PLO4.1) là Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội được chi tiết thành 2 CĐR. CĐR thứ 10 (PLO4.2) là: Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH được chi tiết thành 4 CĐR cấp 3.

Về vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, CTĐT ban hành năm 2021 nêu xác định các vị trí có thể đảm nhận như chuyên viên ở các ngân hàng, doanh nghiệp tại các vị trí khác nhau, hoặc trong một số lĩnh vực gần với ngành TCNH như trong lĩnh vực kiểm toán hoặc GV ở các trường ĐH, cao đẳng v.v.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 1.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 1.2

CĐR của CTĐT ngành TCNH trong các phiên bản không tuân thủ đầy đủ quy định tại Tiết b, Khoản 4, Điều 1 của QĐ số 1082/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia (CĐR đã không nêu cụ thể về "Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn".

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 1.2

Nhà trường, Khoa cần nêu cụ thể về "Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn" theo quy định tại Tiết b, Khoản 4, Điều 1 của QĐ số 1082/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 1.2: 3

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 1.3

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa Kinh tế đã khảo sát yêu cầu các bên liên quan theo kế hoạch của Nhà trường. Nhà trường có văn bản Hướng dẫn xây dựng CĐR trình độ ĐH (Số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016), trong đó tại Bước 4, mục 4 quy định việc triển khai lấy ý kiến các bên liên quan; Trong QĐ

số 2382/QĐ-ĐHN ngày 4/9/2019 quy định Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH đã quy định việc thu thập ý kiến các bên liên quan (Bước 3, Điều 3). Năm 2016, Khoa đã khảo sát 25 doanh nghiệp, 25 nhà quản lý giáo dục, 10 trưởng/phó bộ phận ngân hàng, 20 chuyên viên tín dụng/kế toán, 10 giảng viên. Năm 2021, đã khảo sát bằng hình thức trực tuyến 200 người gồm 38 lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức tín dụng, 13 trưởng các phòng/ban tại các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng, 20 trưởng phòng/ban, 20 GV, nhà khoa học và chuyên gia trong lĩnh vực TCNH, 42 cựu SV, 67 SV đang học tại Trường.

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã bốn lần ban hành CTĐT ngành TCNH vào các năm 2016 (số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016), năm 2017 (số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017), năm 2019 (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019), năm 2021 (số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021).

CĐR của CTĐT được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ https://eco.vinhuni.edu.vn/ DATA/28/ upload /468/ documents/ 2021/12/ ban_mo_ta_ctdt_nganh _tai_chinh_ ngan_hang_ khoa_k62.pdf, được gửi đến tài khoản của SV để SV đăng ký tín chỉ.

Kiểm tra trực tiếp trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, Đoàn ĐGN thấy có bản mô tả CTĐT, trong đó có CĐR của CTĐT ngành TCNH.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn nhóm người học cho thấy người học đã được Nhà trường giới thiệu, cung cấp thông tin về CĐR của CTĐT.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 1.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 1.3

Số lượng đối tượng khảo sát khi điều chỉnh CĐR chưa thật sự đa dạng và mang tính đại diện cao. Thang đo về “Sự cần thiết” trong Phiếu khảo sát để thu thập thông tin mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành TCNH không phù hợp về định nghĩa của các mức độ: (i) Rất không cần thiết; (ii) Không cần thiết;

(iii) Bình thường; (iv) Cần thiết; (v) Rất cần thiết. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu bật được các yêu cầu cụ thể của các bên liên quan.

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy một số ít các đối tượng được phỏng vấn chưa nắm bắt, hiểu đúng CDR của CTĐT ngành TCNH mà Nhà trường đã công bố.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 1.3

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát khi Nhà trường rà soát và điều chỉnh CDDR của CTĐT.

Nhà trường nên đầu tư để rà soát và hoàn thiện lại các phiếu khảo sát với các thang đo và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan đến CDR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CTĐT để có thể thu thập được thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CDR CTĐT nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CDR của CTĐT.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 1.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 1

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 1:

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã 4 lần ban hành CTĐT ngành TCNH vào các năm 2016, năm 2017, năm 2019, năm 2021. Trong các phiên bản trên, Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH đã nêu rõ ràng về kiến thức nền tảng về kinh tế, kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực TCNH và có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến các hoạt động TCNH trong môi trường hội nhập quốc tế.

Từ mục tiêu chung, CTĐT đã chi tiết thành 4 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu cụ thể thứ nhất (PO1) là áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin (CNTT), tiếng Anh và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH. Mục tiêu cụ thể thứ hai (PLO2) là "thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp" Mục tiêu cụ thể thứ ba (PLO3) là "thể hiện kỹ năng phẩm chất cá nhân, tự chịu trách nhiệm và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH"; Mục tiêu cụ thể thứ tư (PLO4) là "hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động TCNH trong môi trường hội nhập quốc tế".

Mục tiêu chung của từng phiên bản được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể. CTĐT ban hành năm 2016 có 3 mục tiêu cụ thể, ban hành năm 2017 và 2021 có 4 mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu cụ thể rõ ràng, về cơ bản đã phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Nhà trường là “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”, tầm nhìn “Trường Đại học Vinh trở

thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH phù hợp với mục tiêu quy định của Luật Giáo dục đại học là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.

Trong các phiên bản CTĐT đào tạo đã xác định rõ CĐR. Cụ thể, phiên bản năm 2017 có 73 CĐR (gồm 13 CĐR về kiến thức, 31 CĐR về kỹ năng, 5 CĐR về tự chủ tự chịu trách nhiệm, 24 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH). Phiên bản năm 2021 có 28 CĐR (gồm 8 CĐR về kiến thức, 11 CĐR về kỹ năng, 3 CĐR về tự chủ, tự chịu trách nhiệm, 6 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH).

Trong CTĐT ban hành năm 2021 đã xây dựng mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT. Đối với CTĐT ban hành năm 2021 có 10 CĐR cấp 2, sau đó được chi tiết thành 28 CĐR cấp 3. Cụ thể, (i) CĐR thứ nhất (PLO1.1) "Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và CNTT trong các hoạt động kinh tế" được chi tiết thành 3 CĐR. (ii) CĐR thứ hai (PLO1.2) "Vận dụng kiến thức có cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng" được chi tiết thành 3 CĐR; (iii) CĐR thứ ba (PLO1.3) "Vận dụng kiến thức chuyên ngành TCNH để giải quyết các vấn đề hoạt động TCNH" được chi tiết thành 2 CĐR; (iv) CĐR thứ tư (PLO2.1) là Thể hiện kỹ năng khám phá trí thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề, lĩnh vực TCNH được chi tiết thành 4 CĐR; CĐR thứ 5 (PLO2.2) là "Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng được chi tiết thành 3 CĐR. CĐR

thứ sáu (PLO3.1) là thực hiện quản trị nhóm hiệu quả được chi tiết thành 3 CDR; CDR thứ bảy (PLO3.2) là vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý được chi tiết thành 2 CDR; CDR thứ tám (PLO3.3) là sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế được chi tiết thành 2 CDR; CDR thứ 9 (PLO4.1) là Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội được chi tiết thành 2 CDR. CDR thứ 10 (PLO4.2) là: Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH được chi tiết thành 4 CDR cấp 3.

Về vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, CTĐT ban hành năm 2021 nêu xác định các vị trí có thể đảm nhận như chuyên viên ở các ngân hàng, doanh nghiệp tại các vị trí khác nhau, hoặc trong một số lĩnh vực gần với ngành TCNH như trong lĩnh vực kiểm toán hoặc GV ở các trường ĐH, cao đẳng v.v.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa Kinh tế đã khảo sát yêu cầu các bên liên quan theo kế hoạch của Nhà trường. Nhà trường có văn bản Hướng dẫn xây dựng CDR trình độ ĐH.

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã bốn lần ban hành CTĐT ngành TCNH. CDR của CTĐT được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được gửi đến tài khoản của SV để SV đăng ký tín chỉ.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 1:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu đào tạo của ngành TCNH chưa thể hiện được rõ nét việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như đã nêu trong Sứ mạng của Nhà trường.

CDR của CTĐT ngành TCNH trong các phiên bản không tuân thủ đầy đủ quy định tại Tiết b, Khoản 4, Điều 1 của QĐ số 1082/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia (CDR đã

không nêu cụ thể về "Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn".

Số lượng đối tượng khảo sát khi điều chỉnh CDR chưa thật sự đa dạng và mang tính đại diện cao. Thang đo về “Sự cần thiết” trong Phiếu khảo sát để thu thập thông tin mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT ngành TCNH không phù hợp về định nghĩa của các mức độ: (i) Rất không cần thiết; (ii) Không cần thiết; (iii) Bình thường; (iv) Cần thiết; (v) Rất cần thiết. Báo cáo phân tích kết quả khảo sát chưa nêu bật được các yêu cầu cụ thể của các bên liên quan.

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy một số ít các đối tượng được phỏng vấn chưa nắm bắt, hiểu đúng CDR của CTĐT ngành TCNH mà Nhà trường đã công bố.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường cần nghiên cứu lại về mục tiêu đào tạo của ngành TCNH để thể hiện được rõ nét hơn nữa mục tiêu giáo dục của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà trường, Khoa cần nêu cụ thể về "Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn" theo quy định tại Tiết b, Khoản 4, Điều 1 của QĐ số 1082/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia.

Nhà trường/Khoa cần có những giải pháp khả thi để mở rộng được số lượng và thành phần tham gia trả lời các phiếu khảo sát khi Nhà trường rà soát và điều chỉnh CDDR của CTĐT.

Nhà trường nên đầu tư để rà soát và hoàn thiện lại các phiếu khảo sát với các thang đo và các câu hỏi nhằm khảo sát sâu hơn về các nội dung liên quan đến CDR (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) của CTĐT để có

thể thu thập được thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh CDR CTĐT nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Các kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để rút ra được các yêu cầu cần cải tiến và nguyên nhân vì sao nhất thiết phải có sự cải tiến đó về CDR của CTĐT.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 1	3,67
<i>Tiêu chí 1.1</i>	4
<i>Tiêu chí 1.2</i>	3
<i>Tiêu chí 1.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 2.1

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH của Nhà trường có các nội dung: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh; tên gọi của văn bằng: Bằng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, ngành TCNH; tên CTĐT là TCNH trình độ đại học, loại hình đào tạo chính quy tập trung; Bản mô tả CTĐT có các phần như Mục tiêu CTĐT; CDR của CTĐT, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH ban hành qua các năm đã cập nhật một số nội dung như về số tín chỉ đã thay đổi từ 132 TC (năm 2016) xuống 125 TC (năm 2017), lên 126 TC (năm 2021). Về phương pháp giảng dạy, học tập, bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021 đã có một số thay đổi như tăng hoạt động nhóm, tăng tương tác giữa GV với SV v.v. so với các bản ban hành trước đó.

Về nội dung, bản CTĐT ban hành năm 2021 so với bản ban hành năm 2019 đã được bổ sung, cập nhật một số vấn đề mới phát sinh như các vấn đề về dịch vụ ngân hàng số (trong học phần dịch vụ ngân hàng hiện đại); đưa nội dung về thị trường tiền tệ vào học phần thị trường chứng khoán v.v. Bổ sung Học phần Tài chính công ty đa quốc gia (3 tín chỉ), bổ sung học phần Bảo hiểm (3 tín chỉ) v.v.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 2.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 2.1

Việc cập nhật những thay đổi và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) trong CTĐT ngành TCNH chưa nhiều.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 2.1

Nhà trường nên bổ sung vào CTĐT ngành TCNH những vấn đề liên quan đến sự phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo Mục tiêu, Sứ mạng của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 2.1: 4

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 2.2

Nhà trường có văn bản hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực SV dựa trên CĐR (số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016) các bộ môn xây dựng đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP).

CTĐT ngành TCNH ban hành năm 2016 có 41 HP, ban hành năm 2017 có 36 HP, ban hành năm 2019 có 36 HP, ban hành năm 2021 có 37 HP.

Kết quả kiểm tra toàn bộ đề cương chi tiết học phần cho thấy có tên khoa/bộ môn phụ trách/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần;

phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Nhà trường có văn bản hướng dẫn triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp trường (Số 386/ĐHV-KHHTQT ngày 16/4/2018, số 04/HD-ĐHV ngày 14/5/2021), trong đó tại mục 2, phần I quy định sản phẩm của đề tài gồm có báo cáo phân tích bản mô tả mối liên hệ giữa CDR môn học với CDR của CTĐT; ĐCCTHP, bảng đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần, hệ thống các câu hỏi thi, tiêu chí đánh giá học phần... Kế hoạch Rà soát, điều chỉnh CTĐT hệ chính quy (số 72/KH-ĐHV ngày 11/11/2020)... Theo tinh thần của Công văn trên, Khoa Kinh tế đã được giao nhiệm vụ rà soát các học phần của CTĐT ngành TCNH do Khoa phụ trách, cụ thể năm 2017 (số 153/QĐ-ĐHV ngày 28/2/2017 rà soát 5 HP), năm 2018 (số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018 rà soát 9 HP), năm 2019 (số 719/QĐ-ĐHV ngày 9/4/2019 rà soát 17 HP), năm 2021 (số 1275/QĐ-ĐHV ngày 21/5/2021 xây dựng ĐCCTHP triển khai theo hình thức dạy học dự án hoặc đồ án cho tất cả các HP trong CTĐT).

Đối với các học phần do các đơn vị khác trong Trường cũng được giao nhiệm vụ rà soát/đánh giá các học phần do đơn vị đó phụ trách.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 2.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 2.2

ĐCCT của một vài HP chưa phản ánh được chi tiết phương pháp đánh giá như hình thức đánh giá giữa kỳ để người học chủ động chuẩn bị.

Năm 2021, Nhà trường có văn bản số 06/HD-ĐHV ngày 14/5/2021 hướng dẫn thực hiện đề tài "Xây dựng/Rà soát, cập nhật CTĐT trình độ ĐH...", trong đó phần Phụ lục Đề cương chi tiết học phần quy định cấp phê duyệt là Trưởng bộ môn.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 2.2

Nhà trường/Khoa cần rà soát toàn bộ các ĐCCTHP trước khi phê duyệt, công bố để bảo đảm các ĐCCT đúng theo quy định của Nhà trường.

Khi CTĐT có thay đổi về CDR, bản mô tả CTĐT, việc thông qua các ĐCCTHP là Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường và Hội đồng trình Hiệu trưởng để ban hành các ĐCCTHP đi kèm với CTĐT đã được điều chỉnh/sửa đổi.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 2.2: 4

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 2.3

Trong giai đoạn 2016-2021, Nhà trường đã ban hành Bản mô tả CTĐT ngành TCNH vào các năm 2016 (số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016), năm 2017 (số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017), năm 2019 (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019), năm 2021 (số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021). Sau khi được Hiệu trưởng Nhà trường ký phê duyệt, bản mô tả CTĐT của ngành TCNH được công khai bằng các hình thức khác nhau như đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Khoa tại địa chỉ https://eco.vinhuni.edu.vn/ DATA/28/ upload /468/ documents/ 2021/12/ ban_mo_ta_ctdt_nganh _tai_chinh_ ngan_hang_ khoa_xxx.pdf, phổ biến cho người học vào các buổi của tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học; bản in được lưu tại Văn phòng Khoa, Phòng Đào tạo, giới thiệu tóm tắt trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

Trong buổi lên lớp đầu tiên của các học phần (HP), GV giảng dạy HP đã giới thiệu các vấn đề liên quan tới HP để người học nắm bắt.

Các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu người học, người học và những người quan tâm có thể tìm kiếm thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT ngành TCNH trên cổng thông tin điện tử của Trường, Khoa. Qua phỏng vấn, Đoàn ĐGN thấy một số người đã tiếp cận với bản mô tả CTĐT.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 2.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 2.3

ĐCCTHP của CTĐT ngành TCNH được đưa lên mạng dưới định dạng pdf và đặt ở mục "văn bản/Biểu mẫu" nên đôi khi chưa thuận tiện cho việc tiếp cận.

Kết quả phỏng vấn các nhà tuyển dụng cho thấy, một số người chưa quan tâm để tiếp cận với các ĐCCTHP của ngành TCNH.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 2.3

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể mở mục cố định riêng trên website của Trường/Khoa cho việc đặt các CTĐT kèm theo là các bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP để việc tra cứu được thuận tiện hơn đối với các đối tượng ngoài Trường.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt các ĐCCTHP) trên ứng dụng của CNTT để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành TCNH sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 2.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 2

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH của Nhà trường có các nội dung: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh; tên gọi của văn bằng: Bằng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế, ngành TCNH; tên CTĐT là TCNH trình độ đại học, loại hình đào tạo chính quy tập trung; Bản mô tả CTĐT có các phần như Mục tiêu CTĐT; CDR của CTĐT, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH ban hành qua các năm đã cập nhật một số nội dung như về số tín chỉ đã thay đổi từ 132 TC (năm 2016) xuống 125 TC (năm 2017), lên 126 TC (năm 2021). Về phương pháp giảng dạy, học tập, bản mô tả CTĐT ban hành năm 2021 đã có một số thay đổi như tăng hoạt động nhóm, tăng tương tác giữa GV với SV v.v. so với các bản ban hành trước đó.

Về nội dung, bản CTĐT ban hành năm 2021 so với bản ban hành năm 2019 đã được bổ sung, cập nhật một số vấn đề mới phát sinh như các vấn đề về dịch vụ ngân hàng số (trong học phần dịch vụ ngân hàng hiện đại); đưa nội dung về thị trường tiền tệ vào học phần thị trường chứng khoán v.v. Bổ sung Học phần Tài chính công ty đa quốc gia (3 tín chỉ), bổ sung học phần Bảo hiểm (3 tín chỉ) v.v.

Nhà trường có văn bản hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực SV dựa trên CDR, các bộ môn xây dựng đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP). CTĐT ngành TCNH ban hành năm 2016 có 41 HP, ban hành năm 2017 có 36 HP, ban hành năm 2019 có 36 HP, ban hành năm 2021 có 37 HP.

Kết quả kiểm tra toàn bộ đề cương chi tiết học phần cho thấy có tên khoa/bộ môn phụ trách/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bản mô tả CTĐT của ngành TCNH được công khai bằng các hình thức khác nhau như đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Khoa, phổ biến cho người học vào các buổi của tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học; bản in được lưu tại Văn phòng Khoa, Phòng Đào tạo, giới thiệu tóm tắt trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

Trong buổi lên lớp đầu tiên của các học phần (HP), GV giảng dạy HP đã giới thiệu các vấn đề liên quan tới HP để người học nắm bắt.

Các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu người học, người học và những người quan tâm có thể tìm kiếm thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT ngành TCNH trên cổng thông tin điện tử của Trường, Khoa. Qua phỏng vấn, Đoàn ĐGN thấy một số người đã tiếp cận với bản mô tả CTĐT.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 2:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 2:

Việc cập nhật những thay đổi và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) trong CTĐT ngành TCNH chưa nhiều.

ĐCCT của một vài HP chưa phản ánh được chi tiết phương pháp đánh giá như hình thức đánh giá giữa kỳ để người học chủ động chuẩn bị.

Năm 2021, Nhà trường có văn bản số 06/HD-ĐHV ngày 14/5/2021 hướng dẫn thực hiện đề tài "Xây dựng/Rà soát, cập nhật CTĐT trình độ ĐH...",

trong đó phân Phụ lục Đề cương chi tiết học phần quy định cấp phê duyệt là Trường bộ môn.

ĐCCTHP của CTĐT ngành TCNH được đưa lên mạng dưới định dạng pdf và đặt ở mục "văn bản/Biểu mẫu" nên đôi khi chưa thuận tiện cho việc tiếp cận.

Kết quả phỏng vấn các nhà tuyển dụng cho thấy, một số người chưa quan tâm để tiếp cận với các ĐCCTHP của ngành TCNH.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường nên bổ sung vào CTĐT ngành TCNH những vấn đề liên quan đến sự phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng lần thứ tư (còn gọi là cuộc cách mạng 4.0) nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo Mục tiêu, Sứ mạng của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

Nhà trường/Khoa cần rà soát toàn bộ các ĐCCTHP trước khi phê duyệt, công bố để bảo đảm các ĐCCT đúng theo quy định của Nhà trường.

Khi CTĐT có thay đổi về CDR, bản mô tả CTĐT, việc thông qua các ĐCCTHP là Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường và Hội đồng trình Hiệu trưởng để ban hành các ĐCCTHP đi kèm với CTĐT đã được điều chỉnh/sửa đổi.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể mở mục cố định riêng trên website của Trường/Khoa cho việc đặt các CTĐT kèm theo là các bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP để việc tra cứu được thuận tiện hơn đối với các đối tượng ngoài Trường.

Nhà trường/Khoa nên có những hoạt động đa dạng hơn, như truyền thông trong các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng; quảng bá về các học phần (kèm theo tóm tắt các ĐCCTHP) trên ứng dụng của CNTT để các doanh nghiệp, nhà

tuyển dụng nắm bắt được những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm những người học ngành TCNH sẽ đạt được khi tốt nghiệp nhằm mở rộng khả năng được tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4,00
<i>Tiêu chí 2.1</i>	4
<i>Tiêu chí 2.2</i>	4
<i>Tiêu chí 2.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 3.1

CTDH ngành TCNH được Khoa Kinh tế thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. Đối với CTDH ban hành năm 2017 và năm 2019, có 36 HP để đáp ứng 73 CĐR. Qua rà soát CTDH, Khoa đã điều chỉnh số CĐR của CTDH ban hành năm 2021 còn 28 CĐR với 37 HP. Các HP được xây dựng đã dựa trên yêu cầu của CĐR đã được xác định. Để đáp ứng yêu cầu CĐR PLO1.1 "Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và CNTT trong các hoạt động kinh tế" Khoa đã lựa chọn các HP như Tin học; Toán cho các nhà kinh tế; Để đáp ứng yêu cầu của CĐR PLO1.2 "Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực TCNH" Khoa đã lựa chọn các HP như Nhập môn ngành kinh tế; Kinh tế vi mô; Lý thuyết tài chính tiền tệ v.v.

Khoa/GV đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và các phương pháp đánh giá người học phù hợp: phương pháp thuyết giảng, phát vấn; thảo luận nhóm; nghiên cứu tình huống; trò chơi; thực hành;

Đối với các học phần lý thuyết, giảng viên chủ yếu dùng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, tổ chức thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, cho SV thuyết trình kết quả thảo luận.

Đối với các học phần thực hành, thực tập, SV được tiếp xúc và trải nghiệm thực tế, quan sát, phỏng vấn nắm bắt và giải quyết các vấn đề thực tế tại các địa bàn cụ thể... Sau quá trình thực tập, người học phải thực hiện các báo cáo chuyên đề theo các yêu cầu thực hành/thực tập.

Phương thức đánh giá học phần cũng được ghi trong ĐCCTHP; Điểm đánh giá HP có điểm quá trình chiếm 50% gồm các thành phần (i) Ý thức học

tập (chuyên cần, thái độ học tập) là 10%; (ii) Hồ sơ HP (vở bài tập, điểm vấn đáp ở lớp...) là 20%; (iii) Đánh giá giữa kỳ (từ 1-2 bài kiểm tra giữa kỳ tùy thuộc số tín chỉ của HP) là 20%) và đánh giá cuối kỳ (50%) (Khoản 3, Điều 15 Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 Quy định tạm về đào tạo ĐH hệ chính quy).

Người học thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, thi cuối học phần theo cách thức: làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, hoặc báo cáo chuyên đề. Các phương thức đánh giá kết quả học tập của người học với các rubric cụ thể cũng được xác định phù hợp để đánh giá mức độ đạt CĐR. Cơ cấu điểm học phần/phương thức đánh giá, và trọng số do Trường quy định tùy thuộc vào loại học phần hướng đến CĐR của học phần và của CTĐT. Khoa đã xây dựng ma trận kết nối giữa phương thức kiểm tra đánh giá và CĐR của học phần, qua đó cho biết việc kiểm tra thường xuyên (đánh giá qua mức độ chuyên cần), kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần có đóng góp cho việc đạt được CĐR nào của CTĐT.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 3.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 3.1

Khoa chưa tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH góp phần đạt được CĐR.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 3.1

Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH góp phần đạt được CĐR, đặc biệt cần sớm điều chỉnh

các hình thức kiểm tra đánh giá thích ứng với điều kiện mới trong bối cảnh thay đổi phương thức từ dạy trực tiếp sang trực tuyến.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 3.1: 4

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 3.2

Khoa Kinh tế đã xây dựng ma trận thể hiện sự kết nối giữa nội dung của HP với các CĐR. Sau khi rà soát, điều chỉnh CTDH ban hành năm 2017, Khoa đã điều chỉnh số CĐR từ 73 xuống còn 28 (đối với bản CTDH ban hành năm 2021). Qua nghiên cứu các HP trong CTDH ngành TCNH, Đoàn ĐGN thấy hầu hết các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của từng HP nhằm đạt được CĐR. Theo CTDH ban hành năm 2021 có thời lượng 127 tín chỉ, 37 HP. Trong tổng số 37 HP, có 36 lượt HP được nhằm đáp ứng yêu cầu của 8 CĐR về kiến thức và lập luận ngành; có 34 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 7 CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; có 20 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 7 CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; có 21 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 6 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH.

Căn cứ vào đặc điểm của từng HP trong CTDH, Khoa Kinh tế đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Trong ĐCCTHP có bảng ma trận ghi rõ CĐR của HP, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá. (Mục 4.2 của ĐCCTHP), đánh giá học tập và các bộ tiêu chí (Mục 5

của ĐCCTHP); Đối với từng HP, hoặc từng chương của mỗi HP mà có các rubric đánh giá chi tiết, cụ thể.

Hàng năm, Nhà trường có lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có các nội dung liên quan đến nội dung HP, CĐR, phương pháp giảng dạy của GV v.v. Học kỳ I năm 2016-2017 khảo sát 1321 lượt người (số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017); Học kỳ II năm học 2016-2017 khảo sát 832 lượt người (số 19/BC-ĐHV ngày 25/6/2017); Học kỳ I năm học 2017-2018 khảo sát 1422 lượt người (số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018); Học kỳ II năm học 2017-2018 khảo sát 946 lượt người (số 44/BC-ĐHV ngày 29/9/2018); Học kỳ I năm học 2018-2019 khảo sát 1461 lượt người (số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2019); Học kỳ II năm học 2018-2019 khảo sát 1012 người (số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019); Học kỳ I năm học 2019-2020 khảo sát 1428 lượt người (số 09/BC-ĐHV ngày 26/2/2020); Học kỳ II năm học 2019-2020 khảo sát 1633 lượt người). Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ người đánh giá mức "tốt" (mức độ đáp ứng) từ 80% trở lên.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 3.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 3.2

Việc xác định sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR trong CTĐT năm 2021 chưa hoàn toàn phù hợp. Ví dụ HP Marketing căn bản được xác định đóng góp tới 10 CĐR, trong đó có những CĐR không liên quan trực tiếp tới nội hàm của HP Marketing như các CĐR về "năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH; Hoặc HP Luật Kinh tế được xác định đóng góp vào việc đạt được CĐR "sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế"; hoặc học phần Tiếng Anh 1 đóng góp vào việc đạt được CĐR "Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội" v.v. Có một số CĐR được xác định có sự đóng góp của rất nhiều HP như CĐR "thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp

thực tế" có tới 17 HP đóng góp vào CĐR này v.v.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 3.2

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành TCNH để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 3.2: 3

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 3.3

CTDH ngành TCNH (ban hành năm 2021) có 126 tín chỉ, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương có 32 tín chỉ (chiếm tỉ lệ 25,39%); khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 94 TC (chiếm tỉ lệ 74,61%) với tổng số 37 HP. CTĐT được thiết kế theo 2 hướng chuyên sâu là Ngân hàng thương mại và Tài chính doanh nghiệp, mỗi hướng có 3 HP với 9 tín chỉ. CTĐT ngành TCNH có 2 tổ hợp tự chọn, mỗi tổ hợp có 3 HP, người học chọn 1 trong 3 HP của mỗi tổ hợp.

Các học phần trong CTDH được bố trí thành 8 học kỳ, trong đó các học phần thuộc khối giáo dục đại cương được bố trí phần lớn ở các học kỳ đầu, các học phần chuyên ngành được bố trí ở các học kỳ cuối theo trình tự tăng dần của quá trình tiếp thu và nhận thức của người học. Các đề cương chi tiết học phần

qui định rõ các loại học phần tự chọn hay bắt buộc, các học phần có điều kiện như học phần tiên quyết hoặc học phần song hành để bảo đảm tính hợp lý của quá trình tiếp thu, nhận thức của người học và từng bước đáp ứng CĐR.

Nhà trường có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015 (số 2733/TB-ĐHV ngày 10/8/2015), năm 2016 (số 372/ĐHV-ĐT ngày 30/3/2016), văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT (số 03/HD-ĐHV ngày 11/7/2019), Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT hệ chính quy (số 72/KH-ĐHV ngày 11/11/2020). Sau khi hoàn thành việc rà soát, Nhà trường đã ban hành CTĐT vào năm 2017 (QĐ số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017), năm 2019 (QĐ số 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/9/2019), năm 2021 (số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021).

Qua mỗi lần rà soát CTĐT có một số điều chỉnh. Đối với CTDH ban hành năm 2017 (có 132 tín chỉ) và năm 2019 (có 125 tín chỉ) với 36 HP để đáp ứng 73 CĐR. Qua rà soát, Khoa đã điều chỉnh số CĐR của CTĐT ban hành năm 2021 còn 28 CĐR của 37 HP với 126 tín chỉ.

Khi xây rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa đã tham khảo CTĐT ngành TCNH của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Kinh tế - Luật- ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Nguyễn Trãi, Học viện Tài chính v.v. và một số trường đại học nước ngoài như CTĐT Bankinh Finance, Monash University (Úc); BSc Fimance London School of Economics and Political Science (Anh); Finance and Investment Banking, BSc Hosn University of Greenwich (Anh)... Khi so sánh, Khoa đã đối chiếu khá chi tiết các khối kiến thức, CĐR của CTĐT Khoa đang sử dụng với các CTĐT khác, qua đó điều chỉnh CTĐT ngành TCNH của Trường.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 3.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 3.3

Tiêu chí này không có tồn tại.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 3.3

Tiêu chí này không đề xuất kiến nghị.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 3.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 3

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành TCNH được Khoa Kinh tế thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. Đối với CTDH ban hành năm 2017 và năm 2019, có 36 HP để đáp ứng 73 CĐR. Qua rà soát CTDH, Khoa đã điều chỉnh số CĐR của CTDH ban hành năm 2021 còn 28 CĐR với 37 HP. Các HP được xây dựng đã dựa trên yêu cầu của CĐR đã được xác định. Để đáp ứng yêu cầu CĐR PLO1.1 "Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và CNTT trong các hoạt động kinh tế" Khoa đã lựa chọn các HP như Tin học nhóm ngành kinh tế; Toán cho các nhà kinh tế; Để đáp ứng yêu cầu của CĐR PLO1.2 "Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực TCNH" Khoa đã lựa chọn các HP như Nhập môn ngành kinh tế; Kinh tế vi mô; Lý thuyết tài chính tiền tệ v.v.

Khoa/GV đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và các phương pháp đánh giá người học phù hợp: phương pháp thuyết giảng, phát vấn; thảo luận nhóm; nghiên cứu tình huống; trò chơi; thực hành;

Đối với các học phần lý thuyết, giảng viên chủ yếu dùng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, tổ chức thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, cho SV thuyết trình kết quả thảo luận.

Đối với các học phần thực hành, thực tập, SV được tiếp xúc và trải nghiệm thực tế, quan sát, phỏng vấn nắm bắt và giải quyết các vấn đề thực tế tại các địa bàn cụ thể... Sau quá trình thực tập, người học phải thực hiện các báo cáo chuyên đề theo các yêu cầu thực hành/thực tập.

Phương thức đánh giá học phần cũng được ghi trong ĐCCTHP. Người học thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, thi cuối học phần theo cách thức: làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, hoặc báo cáo chuyên đề. Các phương thức đánh giá kết quả học tập của người học với các rubric cụ thể cũng được xác định phù hợp để đánh giá mức độ đạt CĐR. Cơ cấu điểm học phần/phương thức đánh giá, và trọng số do Trường quy định tùy thuộc vào loại học phần hướng đến CĐR của học phần và của CTĐT. Khoa đã xây dựng ma trận kết nối giữa phương thức kiểm tra đánh giá và CĐR của học phần, qua đó cho biết việc kiểm tra thường xuyên (đánh giá qua mức độ chuyên cần), kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần có đóng góp cho việc đạt được CĐR nào của CTĐT.

Khoa Kinh tế đã xây dựng ma trận thể hiện sự kết nối giữa nội dung của HP với các CĐR. Sau khi rà soát, điều chỉnh CTDH ban hành năm 2017, Khoa đã điều chỉnh số CĐR từ 73 xuống còn 28 (đối với bản CTDH ban hành năm 2021). Qua nghiên cứu các HP trong CTDH ngành TCNH, Đoàn ĐGN thấy hầu hết các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của từng HP nhằm đạt được CĐR. Theo CTDH ban hành năm 2021 có thời lượng 127 tín chỉ, 37 HP. Trong tổng số 37 HP, có 36 lượt HP được nhằm đáp ứng yêu cầu của 8 CĐR về kiến thức và lập luận ngành; có 34 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 7 CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; có 20 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 7 CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; có 21 lượt HP nhằm đáp ứng yêu cầu của 6 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH.

Căn cứ vào đặc điểm của từng HP trong CTDH, Khoa Kinh tế đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù

hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Trong ĐCCTHP có bảng ma trận ghi rõ CDR của HP, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá. (Mục 4.2 của ĐCCTHP), đánh giá học tập và các bộ tiêu chí (Mục 5 của ĐCCTHP); Đối với từng HP, hoặc từng chương của mỗi HP mà có các rubric đánh giá chi tiết, cụ thể.

CTDH ngành TCNH được thiết kế theo 2 hướng chuyên sâu là Ngân hàng thương mại và Tài chính doanh nghiệp, mỗi hướng có 3 HP với 9 tín chỉ. CTĐT ngành TCNH có 2 tổ hợp tự chọn, mỗi tổ hợp có 3 HP, người học chọn 1 trong 3 HP của mỗi tổ hợp.

Các học phần trong CTDH được bố trí thành 8 học kỳ, trong đó các học phần thuộc khối giáo dục đại cương được bố trí phần lớn ở các học kỳ đầu, các học phần chuyên ngành được bố trí ở các học kỳ cuối theo trình tự tăng dần của quá trình tiếp thu và nhận thức của người học. Các đề cương chi tiết học phần qui định rõ các loại học phần tự chọn hay bắt buộc, các học phần có điều kiện như học phần tiên quyết hoặc học phần song hành để bảo đảm tính hợp lý của quá trình tiếp thu, nhận thức của người học và từng bước đáp ứng CDR.

Khi xây rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa đã tham khảo CTĐT ngành TCNH của một số trường ĐH trong nước như Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Kinh tế - Luật- ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Nguyễn Trãi, Học viện Tài chính v.v. và một số trường đại học nước ngoài như CTĐT Bankinh Finance, Monash University (Úc); BSc Fimance London School of Economics and Political Science (Anh); Finance and Investment Banking, BSc Hosn University of Greenwich (Anh)... Khi so sánh, Khoa đã đối chiếu khá chi tiết các khối kiến thức, CDR của CTĐT Khoa đang sử dụng với các CTĐT khác, qua đó điều chỉnh CTĐT ngành TCNH của Trường.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 3:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 3:

Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH góp phần đạt được CĐR, đặc biệt cần sớm điều chỉnh các hình thức kiểm tra đánh giá thích ứng với điều kiện mới trong bối cảnh thay đổi phương thức từ dạy trực tiếp sang trực tuyến.

Việc xác định sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR trong CTĐT năm 2021 chưa hoàn toàn phù hợp. Ví dụ HP Marketing căn bản được xác định đóng góp tới 10 CĐR, trong đó có những CĐR không liên quan trực tiếp tới nội hàm của HP Marketing như các CĐR về "năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động TCNH; Hoặc HP Luật Kinh tế được xác định đóng góp vào việc đạt được CĐR " sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế"; hoặc học phần Tiếng Anh 1 đóng góp vào việc đạt được CĐR "Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội" v.v. Có một số CĐR được xác định có sự đóng góp của rất nhiều HP như CĐR "thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế" có tới 17 HP đóng góp vào CĐR này v.v.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 3:

Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH góp phần đạt được CĐR, đặc biệt cần sớm điều chỉnh các hình thức kiểm tra đánh giá thích ứng với điều kiện mới trong bối cảnh thay đổi phương thức từ dạy trực tiếp sang trực tuyến.

Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu và rà soát kỹ lưỡng nội hàm của từng học phần/môn học và CĐR của từng học phần/môn học để có những điều chỉnh và tích hợp các CĐR một cách logic và khoa học về ma trận kết nối giữa CĐR

của học phần/môn học với CĐR của CTĐT ngành TCNH để bảo đảm có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 3	3,67
<i>Tiêu chí 3.1</i>	4
<i>Tiêu chí 3.2</i>	3
<i>Tiêu chí 3.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 4.1

Nhà trường ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục (QĐ số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019), trong đó nêu rõ Triết lý giáo dục của Trường ĐH Vinh là “Hợp tác - sáng tạo”. Nhà trường xác định "đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm".

Qua phỏng vấn, hầu hết GV, SV, cựu SV nắm bắt được Mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu-95550>, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi người dễ nhận biết, dễ đọc. Bên cạnh đó, Nhà trường đã giới thiệu mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Trường ĐH Vinh trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh, trên các trang mạng như facebook, youtube v.v.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 4.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 4.1

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, vẫn có một vài người chưa thực sự quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 4.1

Nhà trường nên nghiên cứu cải tiến để có thể đa dạng hóa hoạt động truyền thông tuyên truyền và mở rộng phạm vi truyền thông tới đông đảo các bên liên quan để có thể lan truyền rộng rãi về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 4.1: 4

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 4.2

Khoa Kinh tế đã có các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy-học phù hợp với đặc điểm của từng học phần để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy của CTĐT ngành TCNH đa dạng bao gồm thuyết giảng, giải quyết tình huống, thảo luận, làm đồ án, thực hành, thảo luận nhóm, làm dự án v.v. Trong các đề cương chi tiết học phần có nêu cụ thể từng phương pháp giảng dạy, học tập của mỗi học phần.

Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi đến lớp v.v. cho SV. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, GV sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau để truyền tải kiến thức nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CDR.

Nhà trường đã tổ chức Hội thảo -Tập huấn về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực (số 43/TT-ĐHV ngày 6/12/2019) với nội dung tăng cường năng lực giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực cho giảng viên.

Nhà trường, Khoa, Bộ môn TCNH đã chuyển đổi việc giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến từ khi xảy ra đại dịch Covid-19.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định cụ thể các hoạt động giảng dạy, đánh giá cho từng chương trong học phần. Căn cứ vào nội dung của học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Kết quả phỏng vấn GV cho thấy GV đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, người học được tham gia nhiều hoạt động như tự nghiên cứu, làm việc nhóm, đóng vai v.v.

Nhà trường ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016). Sau khi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV. Học kỳ I năm 2016-2017 khảo sát 1321 lượt người (số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017); Học kỳ II năm học 2016-2017 khảo sát 832 lượt người (số 19/BC-ĐHV ngày 25/6/2017); Học kỳ I năm học 2017-2018 khảo sát 1422 lượt người (số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018); Học kỳ II năm học 2017-2018 khảo sát 946 lượt người (số 44/BC-ĐHV ngày 29/9/2018); Học kỳ I năm học 2018-2019 khảo sát 1461 lượt người (số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2019); Học kỳ II năm học 2018-2019 khảo sát 1012 lượt người (số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019); Học kỳ I năm học 2019-2020 khảo sát 1428 lượt người (số 09/BC-ĐHV ngày 26/2/2020); Học kỳ II năm học 2019-2020 khảo sát 1633 lượt người). Đối với nội dung "Anh/Chị hài lòng ở mức độ nào về kiến thức và phương pháp giảng dạy của người dạy"; "Người dạy có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu; khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học". Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% số người được khảo sát đánh giá từ mức Khá trở lên.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, thông qua dự giờ, tổ bộ môn/Khoa đã đánh giá cả về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV. Kết quả Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ dự giờ giảng cho thấy GV đã

hài lòng với phương pháp hoạt động dạy học đã được thực hiện.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 4.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 4.2

Kết quả khảo sát SV cho thấy còn một tỉ lệ nhỏ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm v.v. chưa đạt yêu cầu.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 4.2

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu nguyên nhân vì sao vẫn còn có một tỷ lệ nhỏ SV chưa hài lòng với hoạt động giảng dạy và kỹ năng sư phạm của GV để từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm điều chỉnh lại các phương pháp sư phạm và kỹ năng giảng dạy của một số giảng viên nhất định để phù hợp với mọi đối tượng người học.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 4.2: 4

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 4.3

Kết quả Đoàn ĐGN nghiên cứu các ĐCCTHP cho thấy 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tất cả các ĐCCTHP trong CTĐT ngành TCNH ban hành các năm 2017, 2019, 2021 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tại mục 5 quy

định việc đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá, trong đó đã nêu chi tiết, cụ thể đánh giá quá trình học tập, hoạt động nhóm v.v. với rubric nêu rõ từng mức đánh giá cho từng hoạt động v.v.

Trong mục phần Kế hoạch giảng dạy (mục 7) có các nội dung (i) Tuần/buổi học/số tiết; (ii) nội dung giảng dạy; (iii) Địa điểm/Không gian thực hiện; (iv) Hoạt động của SV; (v) Kết quả cần đạt được; (vi) Bài đánh giá; (vii) CDR học phần. Đối với mỗi nội dung giảng dạy được qui định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần. Trong bảng Ma trận CDR đã xác định rõ yêu cầu của từng học phần và mức độ đóng góp của từng học phần nhằm đạt được CDR.

Trong các ĐCCT của tất cả các học phần đã quy định rõ số giờ tự học chung cho cả học phần và giờ tự học, chuẩn bị của từng chương, định hướng, gợi mở cho người học nghiên cứu, làm việc nhóm. Các học phần có quy định mức độ ứng dụng của học phần nhằm nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Trong các ĐCCTHP có quy định rõ các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, trong đó có các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học như kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn cựu SV, SV cho thấy GV có sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 4.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 4.3

Trong quá trình ĐGN phỏng vấn, một số SV cho biết việc giảng dạy trực tuyến do tác động của đại dịch Covid làm cho việc tiếp thu của SV gặp những hạn chế, nhất là việc chữa bài tập, hướng dẫn thực hành vì cách giảng dạy, chữa bài tập, hướng dẫn thực hành vẫn áp dụng như hình thức học trực tiếp.

Qua phỏng vấn các nhà tuyển dụng lao động cho thấy một số ít SV tốt nghiệp CTĐT ngành TCNH có khả năng thích ứng với công việc chưa cao, còn tự ti, chưa thực sự chủ động tìm hiểu học hỏi để nâng cao khả năng thích ứng với thực tế.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 4.3

Nhà trường cần sớm tổ chức rút kinh nghiệm việc tổ chức học tập, giảng dạy theo hình thức trực tuyến để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy, hệ thống giáo trình, tài liệu, cách thức hướng dẫn chữa bài tập, thực hành nhằm thích ứng với tình hình bình thường mới và đảm bảo chất lượng, đạt được CDR đã thiết kế.

Nhà trường/Khoa nên định kỳ hằng năm tổ chức mời những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực TCNH và cựu sinh viên giao lưu với SV của Khoa về nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH, qua đó có những chia sẻ hỗ trợ các SV ngành TCNH hiểu sâu hơn về ngành nghề cũng như góp phần tạo dựng được đam mê nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho SV ngay từ khi còn đang học trong Trường, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế như CDR Nhà trường đã thiết kế.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 4.3: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 4

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục, trong đó nêu rõ Triết lý giáo dục của Trường ĐH Vinh là “Hợp tác - sáng tạo”. Nhà trường xác định "đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm".

Qua phỏng vấn, hầu hết GV, SV, cựu SV nắm bắt được Mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường đã công khai Triết lý giáo dục trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, trên các vị trí trang trọng trong khuôn viên Nhà trường để mọi người dễ nhận biết, dễ đọc. Bên cạnh đó, Nhà trường đã giới thiệu mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Trường ĐH Vinh trên một số ấn phẩm khác như trong các tài liệu giới thiệu về Nhà trường, tờ rơi phục vụ tư vấn tuyển sinh, trên các trang mạng như facebook, youtube v.v.

Khoa Kinh tế đã có các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy-học phù hợp với đặc điểm của từng học phần để đạt được CDR. Các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy của CTĐT ngành TCNH đa dạng bao gồm thuyết giảng, giải quyết tình huống, thảo luận, làm đồ án, thực hành, thảo luận nhóm, làm dự án v.v. Trong các đề cương chi tiết học phần có nêu cụ thể từng phương pháp giảng dạy, học tập của mỗi học phần.

Vào buổi đầu tiên của học phần, GV đã giới thiệu nội dung, chương trình học phần, các phương pháp học tập của học phần, tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi đến lớp v.v. cho SV. Tùy theo đặc thù của mỗi học phần, GV sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy khác nhau để truyền tải

kiến thức nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức để đạt CĐR.

Nhà trường đã tổ chức Hội thảo -Tập huấn về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực với nội dung tăng cường năng lực giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực cho giảng viên.

Nhà trường, Khoa, Bộ môn TCNH đã chuyển đổi việc giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến từ khi xảy ra đại dịch Covid-19.

Trong đề cương chi tiết học phần có quy định cụ thể các hoạt động giảng dạy, đánh giá cho từng chương trong học phần. Căn cứ vào nội dung của học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Kết quả phỏng vấn GV cho thấy GV đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, người học được tham gia nhiều hoạt động như tự nghiên cứu, làm việc nhóm, đóng vai v.v.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, thông qua dự giờ, tổ bộ môn/Khoa đã đánh giá cả về nội dung và phương pháp giảng dạy của GV. Kết quả Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ dự giờ giảng cho thấy GV đã hài lòng với phương pháp hoạt động dạy học đã được thực hiện.

Tất cả các ĐCCTHP trong CTĐT ngành TCNH ban hành các năm 2017, 2019, 2021 đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tại mục 5 quy định việc đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá, trong đó đã nêu chi tiết, cụ thể đánh giá quá trình học tập, hoạt động nhóm v.v. với rubric nêu rõ từng mức đánh giá cho từng hoạt động v.v.

Đối với mỗi nội dung giảng dạy được qui định rõ ràng, cụ thể hình thức tổ chức dạy học phù hợp như thuyết giảng, phát vấn, diễn cứu v.v. và yêu cầu cụ thể người học cần chuẩn bị của từng phần như nghiên cứu/đọc trước giáo trình, tài liệu, chuẩn bị máy, phân vai, chuẩn bị nhóm tương ứng với yêu cầu của từng chương/mục trong học phần. Trong bảng Ma trận CĐR đã xác định rõ yêu cầu của từng học phần và mức độ đóng góp của từng học phần nhằm đạt được CĐR.

Trong các ĐCCT của tất cả các học phần đã quy định rõ số giờ tự học chung cho cả học phần và giờ tự học, chuẩn bị của từng chương, định hướng, gợi mở cho người học nghiên cứu, làm việc nhóm. Các học phần có quy định mức độ ứng dụng của học phần nhằm nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Trong các ĐCCTHP có quy định rõ các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, trong đó có các hoạt động nhằm rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học như kỹ năng tự đọc, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu liên quan đến ngành học.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 4:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 4:

Tại thời điểm khảo sát chính thức, kết quả phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, vẫn có một vài người chưa thực sự quan tâm đến Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Kết quả khảo sát SV cho thấy còn một tỉ lệ nhỏ đánh giá hoạt động giảng dạy của GV về phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm v.v. chưa đạt yêu cầu.

Trong quá trình ĐGN phỏng vấn, một số SV cho biết việc giảng dạy trực tuyến do tác động của đại dịch Covid làm cho việc tiếp thu của SV gặp những hạn chế, nhất là việc chữa bài tập, hướng dẫn thực hành vì cách giảng dạy, chữa bài tập, hướng dẫn thực hành vẫn áp dụng như hình thức học trực tiếp.

Qua phỏng vấn các nhà tuyển dụng lao động cho thấy một số ít SV tốt nghiệp CTĐT ngành TCNH có khả năng thích ứng với công việc chưa cao, còn tự ti, chưa thực sự chủ động tìm hiểu học hỏi để nâng cao khả năng thích ứng với thực tế.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường nên nghiên cứu cải tiến để có thể đa dạng hóa hoạt động truyền thông tuyên truyền và mở rộng phạm vi truyền thông tới đông đảo các bên liên quan để có thể lan truyền rộng rãi về Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa cần tìm hiểu nguyên nhân vì sao vẫn còn có một tỷ lệ nhỏ SV chưa hài lòng với hoạt động giảng dạy và kỹ năng sư phạm của GV để từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm điều chỉnh lại các phương pháp sư phạm và kỹ năng giảng dạy của một số giảng viên nhất định để phù hợp với mọi đối tượng người học.

Nhà trường cần sớm tổ chức rút kinh nghiệm việc tổ chức học tập, giảng dạy theo hình thức trực tuyến để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy, hệ thống giáo trình, tài liệu, cách thức hướng dẫn chữa bài tập, thực hành nhằm thích ứng với tình hình bình thường mới và đảm bảo chất lượng, đạt được CDR đã thiết kế.

Nhà trường/Khoa nên định kỳ hằng năm tổ chức mời những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực TCNH và cựu sinh viên giao lưu với SV của Khoa về nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH, qua đó có những chia sẻ hỗ trợ các SV ngành TCNH hiểu sâu hơn về ngành nghề cũng như góp phần tạo dựng được đam mê nghề nghiệp và góp phần định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho SV ngay từ khi còn đang học trong Trường, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế như CDR Nhà trường đã thiết kế.

3. . Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,00
<i>Tiêu chí 4.1</i>	4
<i>Tiêu chí 4.2</i>	4
<i>Tiêu chí 4.3</i>	4

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.1

Nhà trường có Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), trong đó việc đánh giá kết quả học tập được quy định tại điều 15; Việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ được quy định tại điều 16; Hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đề thi được quy định tại điều 17. Lịch thi được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), trong đó, Điều 15 quy định cụ thể về tổ chức thi cuối kỳ với một số nội dung chính như câu hỏi thi cuối kỳ tối thiểu đạt đến mức độ 3 tùy thuộc vào thang đánh giá trình độ năng lực của học phần. Nhà trường có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần (số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017), trong đó quy định đề thi tự luận gồm 3 câu (1 câu 5 điểm, 1 câu 3 điểm; 1 câu 2 điểm) hoặc 2 câu, mỗi câu 5 điểm; người ra đề thi phải trực tiếp làm đáp án và thang điểm chi tiết cho từng câu hỏi (chi tiết đến 0,25 điểm đối với các ngành khoa học tự nhiên và chi tiết đến 0,5 điểm đối với các ngành khoa học xã hội), đảm bảo tính chính xác và phù hợp với đề cương học phần, nộp đề đưa vào ngân hàng đề thi của Trường (Điều 5); Đề thi trắc nghiệm khách quan tùy thuộc vào số tín chỉ (40 câu đối với học phần có 2 tín chỉ; 50 câu đối với học phần có 3 tín chỉ; 60 câu đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên).

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, do việc giảng dạy từ trực tiếp đã chuyển sang trực tuyến nên Nhà trường đã hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá học phần (công văn số 530/ĐHV-ĐBCL ngày 7/5/2021). Nhà trường đã khảo sát các bên liên quan về điều chỉnh hình thức đánh giá HP. Trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, Nhà trường có điều chỉnh công tác tổ chức bảo vệ đồ án HP, thi vấn đáp và báo cáo tiểu luận cho hệ chính quy (số 05/DH-ĐHV ngày 15/6/2021), Nhà trường đã điều chỉnh đánh giá tiểu luận, bảo vệ đồ án từ tập trung sang trực tuyến đối với một số HP.

Qua phỏng vấn nhóm GV, Đoàn ĐGN thấy các GV đã được hướng dẫn, thảo luận và tham gia xây dựng, các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần. Nghiên cứu sâu một số bảng theo dõi điểm quá trình của một số học phần, Đoàn ĐGN thấy GV đã sử dụng nhiều phương pháp để theo dõi, đánh giá quá trình học tập của người học.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.1

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời” và ban hành ở nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc triển khai thực hiện và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.1

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt và triển khai thực hiện.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.1: 4

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.2

Các quy định của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Việc đánh giá kết quả học tập được quy định tại Điều 15 (trong đó quy định trọng số của điểm đánh giá ý thức là 10%; đánh giá hồ sơ học phần là 20%, đánh giá giữa kỳ là 20%; điểm đánh giá cuối kỳ là 50%), việc tổ chức thi đánh giá cuối kỳ được quy định tại Điều 16, hình thức đánh giá giữa kỳ, đánh giá giữa kỳ và đề thi được quy định tại Điều 17, việc phúc tra, khiếu nại được quy định tại Điều 18 QĐ 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần được quy định tại QĐ số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017. Việc chấm thi học phần được quy định tại Điều 14, Việc thông báo kết quả đánh giá học phần được quy định tại Điều 16 (trong đó quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày ngày thi cuối kỳ), QĐ số 1262 ngày 13/11/2017. Việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Điều 27, 28 Quy chế thực hiện một cửa tại QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016.

Nhà trường đã công bố các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân, được

GV phổ biến trong buổi đầu tiên của học phần, được quy định cụ thể trong ĐCCTHP và trong cuốn cẩm nang SV.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV, Đoàn ĐGN thấy hầu hết sinh viên nắm bắt được các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.2

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.2

Nhà trường/Khoa nên phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp hơn nhằm tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.2: 4

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.3

Nhà trường, Khoa đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần là (i) Đánh giá quá trình (có tỉ lệ 50% gồm điểm đánh giá ý thức học tập (10%); Hồ sơ học phần (20%); Đánh giá giữa kỳ (20) và (ii) Đánh giá cuối kỳ (có tỉ lệ 50%). Đối với điểm đánh giá ý thức học tập và Hồ sơ học phần do giảng viên đánh giá với các tiêu chí cụ thể như sự tham gia học tập trên lớp, chuẩn bị tài liệu, bài thu hoạch, bài tập cá nhân v.v. Đối với bài đánh giá giữa kỳ được Nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm. Đối với đánh giá cuối kỳ có nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm khách quan đồ án, thực hành v.v.

Đối với CTĐT ban hành năm 2016 có 41 HP, trong đó có 40 HP thi tự luận, 1 HP báo cáo khóa luận tốt nghiệp. CTĐT ban hành năm 2017 có 36 HP, trong đó có 12 HP thi trắc nghiệm, 1 HP thực hành, 18 HP thi tự luận, 4 HP báo cáo đồ án, 1 HP báo cáo khóa luận tốt nghiệp. CTĐT ban hành năm 2021 có 37 HP, trong đó có 7 HP làm đồ án, số còn lại do ĐCCTHP chưa hoàn thiện và Nhà trường đang nghiên cứu, điều chỉnh hình thức thi cho phù hợp với tình hình thực tế học trực tuyến trên cơ sở rút kinh nghiệm các năm trước.

Nhà trường có quy định về coi thi học phần (chương III), chấm thi học phần (Chương IV) của QĐ số 1262 ngày 13/11/2017, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, cất phách v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các học phần tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai dưới các đề tài NCKH, sau khi hoàn thành được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CĐR. Trong thời gian khảo sát tại Trường, Đoàn ĐGN đã tham quan khu vực tổ chức chấm thi của Nhà trường và nhận thấy việc bố trí khu vực làm phách, chấm thi bảo đảm an toàn, tập trung, nghiêm túc. Các bài thi được cất phách, có chữ ký của 2 GV chấm.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.3

Trong thời gian ĐGN, Đoàn ĐGN đề nghị Nhà trường lấy ngẫu nhiên 3 túi bài thi và thấy trong mỗi phòng thi chỉ có 1 mã đề thi. Kiểm tra đáp án của 3 túi bài thi này thấy đáp án không được làm thống nhất, điểm thành phần của một số câu chưa chi tiết, nội dung đáp án còn đơn giản, sơ xài; nhiều câu chấm chưa cho điểm chi tiết đến 0,5 điểm.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.3

Nhà trường nên quy định thống nhất hình thức của đáp án để bảo đảm sự thống nhất chung, tạo điều kiện cho GV chấm thi chính xác, khách quan, công bằng; đồng thời cần quy định điểm chi tiết đến 0,5 điểm hoặc dưới 0,5 để đảm bảo kết quả chấm có độ chính xác cao.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.3: 3

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.4

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Việc thông báo kết quả đánh giá học phần được quy định tại Điều 16 (trong đó quy định kết quả điểm thông báo cho SV chậm nhất 20 ngày sau ngày thi cuối kỳ) của QĐ số 1262 ngày 13/11/2017. Việc phúc tra, khiếu nại quy định tại Điều 27, 28 Quy chế thực hiện một cửa tại QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v.

Hằng năm, Nhà trường có lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có các nội dung liên quan đến việc "người dạy công bố điểm chuyên cần, giữa kỳ công khai trước lớp trước khi kết thúc môn học và đảm bảo công bằng khách quan". Học kỳ I năm 2016-2017 khảo sát 1321 lượt người (số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017); Học kỳ II năm học 2016-2017 khảo sát 832 lượt người (số 19/BC-ĐHV ngày 25/6/2017); Học kỳ I năm học 2017-2018 khảo sát 1422 lượt người (số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018); Học kỳ II năm học 2017-2018 khảo sát 946 lượt người (số 44/BC-ĐHV ngày 29/9/2018); Học kỳ I năm học 2018-2019 khảo sát 1461 lượt người (số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2019); Học kỳ II năm học 2018-2019 khảo sát 1012 người (số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019); Học kỳ I năm học 2019-2020 khảo sát 1428 lượt người (số 09/BC-ĐHV ngày 26/2/2020); Học kỳ II năm học 2019-2020 khảo sát 1633 lượt người). Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ người đánh giá mức "tốt" (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên) và có "khá" (từ 70% trở lên) là trên 90%.

Qua phỏng vấn cựu SV, SV, Đoàn ĐGN thấy kết quả đánh giá được gửi tới tài khoản của SV đúng thời gian qui định của Nhà trường. Trên cơ sở thông

báo kết quả đánh giá, người học đã có điều kiện chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hoặc cải thiện việc học tập.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.4

Tiêu chuẩn này không có tồn tại.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.4

Tiêu chuẩn này không có đề xuất kiến nghị.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.4: 4

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 5.5

Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Vào tiết đầu tiên của học phần, GV đã phổ biến về việc đánh giá học phần. Nhà trường có bộ phận “Một cửa” để nhận các loại đơn từ, khiếu nại v.v.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm người học tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, người học đã nắm bắt được một số nội dung qui định về việc khiếu nại kết quả học tập.

Theo thống kê của Nhà trường, trong giai đoạn 2016-2021 tỉ lệ người có đơn phúc khảo nhỏ (năm học 2016-2017 có 3/18082 đơn); năm học 2017-2018 có 8/18022 đơn; năm học 2018-2019 không có đơn phúc khảo; năm học 2019-2020 có 4/9640 đơn).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 5.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 5.5

Việc công bố điểm đánh giá học phần trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm ĐBCL để người học tự rà soát được triển khai có lúc không thường xuyên.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 5.5

Nhà trường nên nghiên cứu để cải tiến việc thông báo điểm trên cổng thông tin điện tử để người học tự rà soát điểm đánh giá học phần; đồng thời cần có cơ chế giám sát việc thực hiện này để đảm bảo hoạt động này được triển khai đúng quy định.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 5.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 5

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ, có Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần.

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, do việc giảng dạy từ trực tiếp đã chuyển sang trực tuyến nên Nhà trường đã hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá học phần. Nhà trường đã khảo sát các bên liên quan về điều chỉnh hình thức đánh giá HP. Trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, Nhà trường

có điều chỉnh công tác tổ chức bảo vệ đề án HP, thi vấn đáp và báo cáo tiểu luận cho hệ chính quy Nhà trường đã điều chỉnh đánh giá tiểu luận, bảo vệ đề án từ tập trung sang trực tuyến đối với một số HP.

Các quy định của Nhà trường về đánh giá kết quả học tập của người học đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Nhà trường đã công bố các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân, được GV phổ biến trong buổi đầu tiên của học phần, được quy định cụ thể trong ĐCCTHP và trong cuốn cẩm nang SV.

Nhà trường, Khoa đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần là (i) Đánh giá quá trình (có tỉ lệ 50% gồm điểm đánh giá ý thức học tập (10%); Hồ sơ học phần (20%); Đánh giá giữa kỳ (20) và (ii) Đánh giá cuối kỳ (có tỉ lệ 50%). Đối với điểm đánh giá ý thức học tập và Hồ sơ học phần do giảng viên đánh giá với các tiêu chí cụ thể như sự tham gia học tập trên lớp, chuẩn bị tài liệu, bài thu hoạch, bài tập cá nhân v.v. Đối với bài đánh giá giữa kỳ được Nhà trường tổ chức thi trắc nghiệm. Đối với đánh giá cuối kỳ có nhiều hình thức khác nhau như thi tự luận, trắc nghiệm khách quan đề án, thực hành v.v.

Nhà trường có quy định về coi thi học phần, chấm thi học phần, trong đó đã quy định cụ thể việc tổ chức thi, cán bộ coi thi, dồn túi, cắt phách v.v. nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan. Nhà trường có ngân hàng đề thi của các học phần tự luận và trắc nghiệm. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được triển khai dưới các đề tài NCKH, sau khi hoàn thành được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu của CDR. Trong thời gian khảo sát tại Trường, Đoàn ĐGN đã tham quan khu vực tổ chức chấm thi của Nhà trường

và nhận thấy việc bố trí khu vực làm phách, chấm thi bảo đảm an toàn, tập trung, nghiêm túc. Các bài thi được cắt phách, có chữ ký của 2 GV chấm.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua nhiều hình thức khác nhau như công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, qua đội ngũ CVHT v.v. Kết quả đánh giá được gửi tới tài khoản của SV đúng thời gian qui định của Nhà trường. Trên cơ sở thông báo kết quả đánh giá, người học đã có điều kiện chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân hoặc cải thiện việc học tập.

Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Vào tiết đầu tiên của học phần, GV đã phổ biến về việc đánh giá học phần. Nhà trường có bộ phận “Một cửa” để nhận các loại đơn từ, khiếu nại v.v.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 5:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 5:

Các văn bản/quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành dưới hình thức “Tạm thời” và ban hành ở nhiều văn bản khác nhau nên có nhiều điểm trùng lặp, do vậy việc triển khai thực hiện và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện không thuận tiện.

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp nhóm SV cho thấy vẫn còn một số SV chưa nắm bắt được đầy đủ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của các học phần.

Trong thời gian ĐGN, Đoàn ĐGN đề nghị Nhà trường lấy ngẫu nhiên 3 túi bài thi và thấy trong mỗi phòng thi chỉ có 1 mã đề thi. Kiểm tra đáp án của 3 túi bài thi này thấy đáp án không được làm thống nhất, điểm thành phần của một số câu chưa chi tiết, nội dung đáp án còn đơn giản, sơ xài; nhiều câu chấm chưa

cho điểm chi tiết đến 0,5 điểm.

Nhà trường/Khoa chưa định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Việc công bố điểm đánh giá học phần trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm ĐBCL để người học tự rà soát được triển khai có lúc không thường xuyên.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường cần rà soát và hệ thống hóa lại các văn bản liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để từ đó hợp nhất các văn bản liên quan thành một văn bản để chính thức ban hành quy định về việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính hệ thống của văn bản và thuận tiện cho GV, SV nắm bắt và triển khai thực hiện.

Nhà trường/Khoa nên phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, cố vấn học tập để có các giải pháp phù hợp hơn nhằm tuyên truyền, phổ biến về nội quy, quy chế đào tạo, đặc biệt các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập để người học nắm bắt được đầy đủ hơn các quy định này.

Nhà trường nên qui định thống nhất hình thức của đáp án để bảo đảm sự thống nhất chung, tạo điều kiện cho GV chấm thi chính xác, khách quan, công bằng; đồng thời cần quy định điểm chi tiết đến 0,5 điểm hoặc dưới 0,5 để đảm bảo kết quả chấm có độ chính xác cao.

Nhà trường/Khoa cần có phần mềm chuyên dụng để định lượng đánh giá được độ giá trị và độ tin cậy của các phương thức thi để lượng hóa được mức độ các phương thức thi đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

Nhà trường nên nghiên cứu để cải tiến việc thông báo điểm trên cổng thông tin điện tử để người học tự rà soát điểm đánh giá học phần; đồng thời cần

có cơ chế giám sát việc thực hiện này để đảm bảo hoạt động này được triển khai đúng quy định.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 5	3,80
<i>Tiêu chí 5.1</i>	4
<i>Tiêu chí 5.2</i>	4
<i>Tiêu chí 5.3</i>	3
<i>Tiêu chí 5.4</i>	4
<i>Tiêu chí 5.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.1

Trường Đại học Vinh có 563 GV, trong đó có 3 Giáo sư, 48 phó giáo sư (chiếm 9,06%), 237 tiến sĩ (chiếm 42,10%), 253 thạc sĩ (chiếm 44,94%), 22 cử nhân và kỹ sư (3,9%).

Khoa Kinh tế có 58 người, gồm có 54 GV cơ hữu và 4 chuyên viên, trong đó có 02 PGS (chiếm 3,7%), 26 TS (chiếm 48,15%), 26 Th.s (chiếm 48,15%). Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần ngành TCNH là 14 người, trong đó có 9 TS (chiếm 64,3%), 5 Th.s (chiếm 35,7%).

Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (QĐ số 1828/QĐ-ĐHV ngày 25/7/2011; QĐ số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018). Trong 5 năm Nhà trường cũng đã ban hành 15 văn bản chỉ đạo như các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GV cao cấp, GV chính. Kế hoạch phát triển đội ngũ bao gồm: tuyển dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị hằng năm được cụ thể hóa, được phê duyệt (QĐ số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015; QĐ số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; QĐ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; QĐ số 1217/QĐ-ĐHV

ngày 14/12/2108). Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về tiêu chí tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng GV phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên Chức và quy định của Nhà trường. Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GV cao cấp, GV chính, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động...

Đầu mỗi năm học, Kinh tế đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Hiện tất cả các GV của Khoa Kinh tế và ngành TCNH đều có trình độ chuyên môn đạt yêu cầu quy định, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh trong công việc.

Những GV người trúng tuyển trong các đợt tuyển dụng của Trường được Phòng Tổ chức Cán bộ niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và thông báo bằng văn bản tới từng cá nhân để đến Trường hoàn thiện thủ tục tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc trong thời hạn quy định. Trường ĐH Vinh và Khoa LS đã thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn đúng quy định và tuyển được những SV tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tốt nghiệp ở các trường ĐH khác nhau.

Hàng năm Nhà trường và Khoa Kinh tế đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị. Việc luân chuyển đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí. Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của GV.

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.1

Nội dung quy hoạch đội ngũ GV, Nhà khoa học còn chưa thực sự bút phá. Công tác quy hoạch về đội ngũ GV chưa tách bạch và làm rõ được nội dung đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.1

Nội dung quy hoạch đội ngũ GV, Nhà khoa học khoa Kinh tế cần thực sự bút phá. Công tác quy hoạch về đội ngũ GV cần tách bạch và làm rõ được nội dung đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.1: 4

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.2

Tổng số CB, GV của Khoa Kinh tế là 58 người, gồm có 54 GV cơ hữu và 4 chuyên viên, trong đó có 02 PGS (chiếm 3,7%), 26 TS (chiếm 48,15%), 26 Ths (chiếm 48,15%). Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần chuyên ngành TCNH là 14 người, trong đó có 9 TS (chiếm 64,3%), 5 Ths (chiếm 35,7%). Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn phù hợp với chuyên ngành

đào tạo. Tỷ lệ GV/SV của ngành TCNH đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện thành theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên ngành TCNH trong 5 năm qua có những dao động nhất định, với tỷ lệ SV/GV trong 5 năm trung bình là 1/3,92.

Quy định về chế độ làm việc đối với GV và NCV được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện trong các văn bản liên quan của Nhà trường: Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016); Quy định về quản lý các hoạt động NCKH và khoa học công nghệ (QĐ số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/05/2016). Các văn bản này đã có quy định về việc quy đổi giờ chuẩn, ví dụ: số giờ chuẩn/năm học tối thiểu là 270 giờ giảng dạy và 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác với định mức giờ chuẩn là từ 70 giờ - 120 giờ/năm tương ứng với hệ số lương.

Ngoài ra, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động PVCĐ như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giảng dạy các lớp bồi dưỡng, đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động phục vụ cộng đồng khác như Thứ bảy tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh, Hiến máu nhân đạo.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Phòng Tổ chức cán bộ, Khoa và bộ môn giám sát và đánh giá định kỳ hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc đánh giá hằng năm được thực hiện qua bản tự đánh giá của GV về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ và được thông qua ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường. Việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hằng năm thông qua việc quy đổi giờ chuẩn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (*canbo.vinhuni.edu.vn*).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã khảo sát ý kiến của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV tới GV và các cán bộ quản lí của Khoa/Trường. Trên cơ sở các kết quả khảo sát, Nhà trường và Khoa có định hướng chiến lược thích hợp đi kèm các giải pháp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD, hầu hết các GV ngành TCNH đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên và đều đều với kết quả đánh giá chung.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.2

Các hoạt động PVCĐ của giảng viên chưa được lượng hóa nên nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động PVCĐ của GV chưa được thuận lợi.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.2

Nhà trường và Khoa KT cần xem lại việc phân bổ giờ giảng cho các GV của Khoa Kinh tế để đảm bảo cân đối số giờ giảng của GV trong Khoa và đảm bảo số giảng đã quy đổi của mỗi GV hằng năm nằm trong biên độ cho phép.

Nhà trường cần đưa ra các tiêu chí lượng hóa được các hoạt động PVCĐ của giảng viên để thuận lợi hơn trong việc giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ PVCĐ của GV hằng năm.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.2: 4

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.3

Trường Đại học Vinh đã ban hành các văn bản về kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV, NCV (1. Kế hoạch/chiến lược của Khoa KT về tuyển đội ngũ GV, NCV từ năm học 2015-2016 đến 2019-2020; Kế hoạch năm học của Khoa KT từ năm 2015-2016 đến 2019-2020; Tờ trình đề nghị tuyển dụng cán bộ về làm việc tại các Bộ môn ở Khoa Kinh tế từ năm 2015-2016 đến 2019-2020; Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2016 - 2020, Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó có tiêu chuẩn tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Có 5 tiêu chí tuyển dụng GV. Các tiêu chí tuyển dụng có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 5 năm qua,

Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa,

qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học. Trong 5 năm 2016-2021 số lượng GV khoa Kinh tế được tuyển dụng mới là 12 người.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.3

Dữ liệu điện tử trên E-Office chưa thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin liên quan. Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.3

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể nâng cấp phần mềm E-Office của Trường đối với các trường thông tin thuận lợi hơn để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm được các thông tin liên quan phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.

Để có thể thu hút được đông đảo nhân sự đăng ký tham gia tuyển dụng vào làm GV của Trường/Khoa Kinh tế, Nhà trường cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi đặc biệt đối với những nhân sự có học vị tiến sỹ.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.3: 4

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.4

Nhà trường đã ban hành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV thông qua Bộ Tiêu chí thi đua đánh giá GV khá chi tiết; Ban hành "Tiêu chí thi đua cá nhân" đánh giá công chức, viên chức Trường ĐH Vinh, số 3807/QĐ-ĐHV ngày

12/10/2015; Quyết định 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 về đánh giá, xếp loại CB viên chức ĐH Vinh...Nhà trường và Khoa KT có quy định rõ ràng đối với năng lực của GV dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014). Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành, Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay GV bao gồm thông tin về: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho SV NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc (Thông tư số 36/2014/TTLT –BGDĐT ngày 28/11/2014). Tất cả các GV của ngành TCNH đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV, trong đó có Hồ sơ năng lực GV ngành TCNH gồm Lý lịch khoa học và Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của Nhà trường.

Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV. Văn bản này đã được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Khoa Kinh tế thực hiện nghiêm túc, khoa học. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương, triển khai thực hiện đúng các quy định.

Hằng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các GV đều tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối

cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Tất cả các GV của Khoa Kinh tế đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát SV về chất lượng giảng dạy của GV sau mỗi học kỳ. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường gửi kết quả cho Khoa Kinh tế để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình.

Thông qua kết quả của Hội đồng đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV cho thấy các GV thuộc Khoa Kinh tế đều có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác đào tạo, NCKH và đóng góp cho cộng đồng. Trên cơ sở đó GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác được thể hiện vào kế hoạch năm học mới của đơn vị.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.4

Năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.4

Nhà trường/Khoa cần định kỳ hằng năm có các xe-mi-na hoặc các lớp bồi dưỡng để hướng dẫn, bồi dưỡng cho các GV trẻ về các phương pháp NCKH; đồng thời Khoa nên có các tổ NCKH trong đó có các GV có kinh nghiệm NCKH trực tiếp bồi dưỡng/hướng dẫn cho các GV trẻ cùng làm chung đề tài NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cho các GV trong Khoa.

Nhà trường cần tham khảo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 để xây dựng lộ trình phát triển năng lực của đội ngũ GV của Khoa KT và của Trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.4: 5

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.5

Trường ĐH Vinh đã xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Nhà trường và Khoa Kinh tế đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của từng Bộ môn.

Khoa Kinh tế đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hằng năm kể cả kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, PGS, kế hoạch thi thăng hạng viên chức. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của ngành TCNH được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia.

Trường cũng đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các

lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lí hành chính, lí luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ GV; cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Những GV đi học tiến sĩ được Nhà trường miễn/giảm giờ dạy, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát hằng năm với nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: đánh giá, phân loại viên chức cuối năm; việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Khoa và Nhà trường. Khi hoàn thành khóa học, GV nộp báo cáo để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác. Kinh phí chi cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Trường (dài hạn và ngắn hạn) trong 5 năm thuộc chu kỳ KĐCLGD là 11,157 tỷ đồng (chiếm 0,46% nguồn thu hợp pháp của Trường) Từ năm 2015 đến nay ngành TCNH đã có thêm 06 tiến sĩ, nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trong ngành lên 8, chiếm 57,14%. Theo kế hoạch, năm 2021, Khoa có thêm 03 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.5

Một số cán bộ đi nghiên cứu sinh chưa đúng thời hạn do đề tài không khả thi hoặc do bản thân giảng viên còn chưa thực sự quyết tâm trong học tập nâng cao trình độ.

Kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.5

Một số cán bộ cần hoàn thành đúng tiến độ học tập.

Nhà trường cần hằng năm phân bổ tăng thêm kinh phí nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và năng lực chuyên môn cho GV.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.5: 4

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.6

Trường Đại học Vinh đã quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV, đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định đối với GV bao gồm: đánh giá dựa trên khối lượng, chất lượng giảng dạy; khối lượng, chất lượng NCKH; khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Nhà trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong Trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn Trường.

Nhà trường và Khoa Kinh tế có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV. Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy, phân công cho từng GV theo

quy định. Mỗi GV lập kế hoạch năm học cụ thể. Hệ thống các quy chế, quy định được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản liên quan khác của Trường. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN.

Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học. Cuối năm học, GV thực hiện tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc của bản thân theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Hội đồng thi đua Khoa và Trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Trong các năm học giai đoạn 2016-2020, Hằng năm Nhà trường có từ 85,1%- 90,6 % GV đạt LĐTT; GV của ngành TCNH luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành TCNH hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2016-2020 cho thấy gần 86% GV ngành TCNH được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV (100%) đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường. Từ 2015-2021 có 23 lượt GV đạt Chiến sĩ thi đua; 223 lượt GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 271 lượt GV hoàn thành nhiệm vụ.

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hằng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố).

Trong các năm học giai đoạn 2016-2020, GV của ngành TCNH luôn hoàn

thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. Nhìn chung, tất cả GV, NCV ngành Lịch sử đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của GV và kết quả đánh giá viên chức hàng năm của Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.6

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.6

Tiêu chí này không có tồn tại.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.6

Tiêu chí này không có khuyến nghị.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.6: 5

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 6.7

Trường ĐH Vinh đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN bao gồm: seminar khoa học cấp Khoa, cấp Bộ môn; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các GV theo hệ số lương, ví dụ hệ số lương 6,2 thì định mức 315 giờ NCKH; hệ số lương thấp nhất 2,34 giờ thì định mức 165 giờ NCKH.

Hàng năm, Khoa có các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, giáo trình hoặc sách tham khảo được nghiệm thu, các báo cáo khoa học của GV ngành

SPTCNH được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. Cụ thể: trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa Kinh tế có 286 bài báo trong nước; 83 bài báo quốc tế; 53 đề tài các cấp; 30 Giáo trình; Ngành TCNH có 48 bài báo trong nước và 10 bài báo nước ngoài; khoa đã thực hiện; ngành TCNH thực hiện 11 đề tài và 4 Giáo trình. Trong 5 năm, từ 2016-2020 Trường ĐH Vinh đã chi cho NCKH của GV là 76,152 tỷ đồng, chiếm 3,16 % nguồn thu hợp pháp của Nhà trường; chi cho NCKH của người học là 1,144 tỷ đồng, chiếm 0,05% nguồn thu học phí. Chi cho GV khoa Kinh tế làm NCKH là 3,029 tỷ đồng; khoa Lịch sử là 499,90 triệu đồng; ngành Tiếng Anh là 598 triệu đồng; ngành GDTC là 187,50 triệu đồng.

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV, NCV được giám sát chất lượng bởi các phòng chức năng liên quan, Hội đồng Khoa và Hội đồng KH&ĐT của Trường. Kết thúc năm học, Bộ môn, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV; quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn và đạt chất lượng khá trở lên. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 6.7

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 6.7

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích đặc biệt phù hợp đối với những giảng viên thực hiện vượt định mức NCKH. Phân bổ mức chi trực tiếp cho GV làm đề tài NCKH cấp Trường hiện đang ở mức thấp.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 6.7

Nhà trường cần nghiên cứu để đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp cho những GV thực hiện vượt định mức NCKH; đồng thời cần tăng mức chi trực tiếp cho các giảng viên thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 6.7: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 6

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 6:

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV của Khoa KT, ngành TCNH được triển khai hằng năm. Tỷ lệ SV/GV đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Khối lượng công việc của GV được đo lường và giám sát tiêu bằng các chỉ rõ ràng, minh bạch. Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định xác định nhất quán, công bằng. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xây dựng theo kế hoạch và có rà soát, điều chỉnh hằng năm và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai chặt chẽ theo quy định.. Hơn 90% GV ngành TCNH được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của GV được giám sát với kết quả NCKH được ghi nhận để làm căn cứ phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 6:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 6:

Nội dung quy hoạch đội ngũ GV, Nhà khoa học còn chưa thực sự bút phá. Công tác quy hoạch về đội ngũ GV chưa tách bạch và làm rõ được nội dung đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng.

Các hoạt động PVCĐ của giảng viên chưa được lượng hóa nên nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động PVCĐ của GV chưa được thuận lợi.

Dữ liệu điện tử trên E-Office chưa thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin liên quan. Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa nhiều, không có nhân sự có học vị tiến sỹ nộp đơn xin đăng ký tuyển dụng.

Năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

Một số GV đang làm nghiên cứu sinh không đảm bảo đúng thời hạn do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (đề tài không khả thi, hoặc bản thân GV chưa quyết tâm cao). Kinh phí hỗ trợ cho giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế.

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích đặc biệt phù hợp đối với những giảng viên thực hiện vượt định mức NCKH. Phân bổ mức chi trực tiếp cho GV làm đề tài NCKH cấp Trường hiện đang ở mức thấp.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 6:

Nội dung quy hoạch đội ngũ GV, Nhà khoa học khoa Kinh tế cần thực sự bút phá. Công tác quy hoạch về đội ngũ GV cần tách bạch và làm rõ được nội dung đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ cộng đồng

Nhà trường và Khoa TCNH cần xem lại việc phân bổ giờ giảng cho các GV của Khoa Kinh tế để đảm bảo cân đối số giờ giảng của GV trong Khoa và đảm bảo số giảng đã quy đổi của mỗi GV hằng năm nằm trong biên độ cho phép.

Nhà trường cần đưa ra các tiêu chí lượng hóa được các hoạt động PVCD của giảng viên để thuận lợi hơn trong việc giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ PVCD của GV hằng năm.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể nâng cấp phần mềm E-Office của Trường đối với các trường thông tin thuận lợi hơn để người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm được các thông tin liên quan phục vụ cho công tác quản lý và điều hành.

Để có thể thu hút được đông đảo nhân sự đăng ký tham gia tuyển dụng vào làm GV của Trường/Khoa Kinh tế, Nhà trường cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi đặc biệt đối với những nhân sự có học vị tiến sỹ.

Nhà trường/Khoa cần định kỳ hằng năm có các xe-mi-na hoặc các lớp bồi dưỡng để hướng dẫn, bồi dưỡng cho các GV trẻ về các phương pháp NCKH; đồng thời Khoa nên có các tổ NCKH trong đó có các GV có kinh nghiệm

NCKH trực tiếp bồi dưỡng/hướng dẫn cho các GV trẻ cùng làm chung đề tài NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cho các GV trong Khoa.

Nhà trường cần tham khảo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 để xây dựng lộ trình phát triển năng lực của đội ngũ GV của Khoa Kinh tế và của Trường.

Nhà trường và Khoa Kinh tế cần có cơ chế buộc các GV đang làm nghiên cứu sinh phải đầu tư nhiều thời gian hơn để đảm bảo tiến độ học tập và hoàn thành luận án tiến sỹ đúng kỳ hạn quy định.

Nhà trường cần nghiên cứu để đưa ra cơ chế khuyến khích phù hợp cho những GV thực hiện vượt định mức NCKH; đồng thời cần tăng mức chi trực tiếp cho các giảng viên thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,29
<i>Tiêu chí 6.1</i>	4
<i>Tiêu chí 6.2</i>	4
<i>Tiêu chí 6.3</i>	4
<i>Tiêu chí 6.4</i>	5
<i>Tiêu chí 6.5</i>	4
<i>Tiêu chí 6.6</i>	5
<i>Tiêu chí 6.7</i>	4

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.1

Tính đến 30/11/2021, đội ngũ nhân viên của Trường ĐH Vinh bao gồm 318 người làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, các khoa/viện phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường Đại học Vinh được thực hiện dựa trên các chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường đã quy định chuẩn chức danh nghề nghiệp và ban hành đề án vị trí việc làm cho các phòng/trung tâm trực thuộc Trường. Đầu mỗi năm học, các đơn vị đào tạo, phòng/trung tâm phân tích, rà soát nhu cầu về đội ngũ nhân viên, xây dựng kế hoạch năm học trong đó bao gồm công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ và trình lãnh đạo Trường, phê duyệt quy hoạch cán bộ hỗ trợ cho các đơn vị.

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, bộ phận Một cửa, Ban truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác (Quy chế tổ chức hoạt động, quy định và các đề án tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ ...). Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc.

Công tác đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng được hỗ trợ bởi đội ngũ cán bộ NV làm việc tại các phòng ban chức năng, các trung tâm ... Tại Khoa Kinh tế, có 4 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo; 2 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập ngành Tài chính ngân hàng và nhiều giảng viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp cho sinh viên ngành Tài chính ngân hàng. Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo, có tinh thần trách nhiệm cao, có thái độ phục vụ tốt. Các CB hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học Nhà trường cũng có chính sách luân chuyển cán bộ hỗ trợ. Sau 05 năm làm việc, mỗi cán bộ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.1

Việc quy hoạch đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc tại thư viện, các phòng thí nghiệm, trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ CTĐT chưa được dài hạn. Kế hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên chưa được chi tiết đến từng lĩnh vực cụ thể; đặc biệt là cho những đơn vị có tính chất đặc thù.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.1

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra chiến lược dài hạn hơn nhằm quy hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc cho từng lĩnh vực cụ thể tại thư viện, các phòng thí nghiệm, đặc biệt là đội ngũ làm việc trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường; trong Chiến lược phát triển cần có kế hoạch chi tiết hơn để phát triển đội ngũ này cho từng lĩnh vực chuyên môn theo những đặc thù của từng ngành đào tạo của Nhà trường; đặc biệt kế hoạch phát triển cần đưa ra

được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.1: 4

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.2

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và phát triển được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản về Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại Trường Đại học Vinh. Quy chế này được xây dựng và lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Trường, được phổ biến công khai trên website và trong các hội nghị và lấy ý kiến các bên liên quan.

Việc tuyển dụng NV được xuất phát từ nhu cầu của Khoa, các phòng ban và các đơn vị trong Trường. Dựa trên đề án vị trí việc làm, Trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Kế hoạch, các tiêu chí để tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên E-Office, website của Trường. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các phòng ban và các đơn vị trong Trường được phân công rõ ràng và được công bố trên trang thông tin điện tử

của từng đơn vị. Việc luân chuyển, vị trí công tác nhân viên hành chính là yêu cầu bắt buộc với tất cả các CB, viên chức của Nhà trường, được thực hiện theo kế hoạch và qui định về công tác cán bộ. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên.

Số lượng nhân viên và kỹ thuật viên toàn Trường tính đến 30/11/2021 là 591 người. Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã tuyển dụng được 35 nhân viên, trong đó có 20 trình độ đại học; 15 trình độ Thạc sĩ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.2

Một số nội dung trong tiêu chí điều động, luân chuyển của Nhà trường chưa thể hiện được đặc thù theo chuyên ngành của nhân viên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.2

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra được tiêu chí thể hiện được tính đặc thù của một số vị trí của nhân viên khi điều động, luân chuyển các nhân sự là nhân viên của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường nên nghiên cứu để mở rộng hơn các chính sách đãi ngộ và khuyến khích đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD của Trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.2: 4

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.3

Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ khi tuyển dụng được quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy chế hoạt động của Khoa Kinh tế và được xác định với từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ cấp Trường và hỗ trợ cấp chương trình đào tạo. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ Thạc sĩ/Cử nhân trở lên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực cho từng vị trí từng công việc. Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá dựa vào các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ hỗ trợ của Trường.

Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại nhân viên. Định kỳ cuối năm học, nhân viên được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) nhân viên tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị/Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp đơn vị đánh giá xếp loại; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại.

Ngoài ra, việc đánh giá xếp loại nhân viên hỗ trợ còn được phản ánh qua ý kiến phản hồi của người học. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết SV đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.3

Nhà trường có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung của đội ngũ nhân viên, nhưng chưa có những tiêu chí riêng theo đặc thù của từng lĩnh vực mà đội ngũ nhân viên đảm nhận, ví dụ: nhóm nhân viên là

việc tại Thư viện; nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với nhân viên ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ khá định tính, chưa được định lượng rõ ràng.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.3

Song hành với bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chung, Nhà trường cần xây dựng thêm một số tiêu chuẩn/tiêu chí riêng phù hợp với đặc thù về các năng lực chuyên biệt cho từng lĩnh vực cụ thể của từng chuyên môn mà các nhóm nhân viên đang đảm nhận, chẳng hạn: tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên cần được lượng hóa cụ thể để đảm bảo việc đánh giá năng lực được công bằng.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.3: 4

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.4

Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của các đơn vị và đề án vị trí việc làm, Trường và Khoa KT đã phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn Trường nói chung và ngành TCNH nói riêng cũng như triển khai các hoạt động đáp ứng các nhu cầu này (QĐ số 1828/QĐ-ĐHV ngày 25/7/2011). Hằng

năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, đội ngũ nhân viên đăng ký theo kế hoạch năm học tại các đơn vị. Phòng Tổ chức Cán bộ ra công văn khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng sau đó xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện (Kế hoạch số 05/KH-ĐHV ngày 19/12/2019; Khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng; Phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; Kết quả tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng hàng năm; Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm). Nhà trường có chính sách khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy định; tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên được học lên bậc ThS, TS, khuyến khích nhân viên thi thăng hạng, tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, hoặc tạo điều kiện tham dự các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, các hội thảo do các cơ sở đào tạo ở bên ngoài Trường tổ chức, mở các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, lí luận chính trị, quốc phòng-an ninh hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ. Năm 2018 và năm 2020, 02 nhân viên đã được Nhà trường phê duyệt tham dự thi tuyển sinh vào khoá học thạc sỹ về bồi dưỡng Nghiệp vụ đo lường đánh giá trong giáo dục. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm. Số lượng viên chức hành chính của Trường được đào tạo bồi dưỡng trong chu kỳ KĐCLGD là 498 lượt người.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.4

Một số nhân viên chưa chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.4

Kế hoạch phát triển của Nhà trường cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Nhà trường cần tăng ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.4: 4

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 7.5

Nhà trường có hệ thống văn bản để xác định và đánh giá kết quả khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị, khoa; chức năng nhiệm vụ của các cán bộ hỗ trợ được mô tả rõ ràng, khối lượng công việc của nhân viên được xác định trong đề án vị trí việc làm và được thể hiện trong kế hoạch năm học của cá nhân, tổ chuyên môn và đơn vị. Trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ nhân viên và bình xét thi đua khen thưởng. Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Hằng tháng, Trường triển khai xếp loại tất cả cán bộ nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành. Định kỳ cuối mỗi

năm học, cán bộ nhân viên được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình: cá nhân tự đánh giá xếp loại, sau đó lần lượt tổ chuyên môn, ban lãnh đạo đơn vị và Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp Trường đánh giá xếp loại.

Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, những cá nhân có thành tích xuất sắc được xét tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng. Trong chu kỳ KĐCLGD, có 21 lượt NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; tất cả đều hoàn thành nhiệm vụ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 7.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 7.5

Việc khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai chưa đồng bộ ở các đơn vị.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 7.5

Nhà trường cần quy định cụ thể về việc khảo sát ý kiến cán bộ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc (thời gian khảo sát, phương pháp khảo sát ...) để việc khảo sát này được thực hiện đồng bộ trong tất cả các đơn vị trong Trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 7.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 7

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 7:

Trường ĐH Vinh về cơ bản đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; có quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác cho GV và SV của CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng.

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản và công khai về quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại chuyên viên, kỹ thuật viên (KTV) và nhân viên. Đội ngũ nhân viên của Trường được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường. Năng lực đội ngũ KTV, nhân viên đáp ứng nhu cầu công việc, phù hợp với vị trí việc làm và được định kỳ đánh giá.

Nhà trường đã khảo sát và phân tích được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên; đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng vị trí công tác của đội ngũ này được phân định trong Đề án vị trí việc làm. Kết quả bình xét, xếp loại lao động đã thể hiện rõ việc quản trị theo kết quả công việc của Nhà trường.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 7:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 7:

Việc quy hoạch đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc tại thư viện, các phòng thí nghiệm, trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ CTĐT chưa được dài hạn. Kế hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên chưa được chi tiết đến từng lĩnh vực cụ thể; đặc biệt là cho những đơn vị có tính chất đặc thù.

Một số nội dung trong tiêu chí điều động, luân chuyển của Nhà trường chưa thể hiện được đặc thù theo chuyên ngành của nhân viên. Chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa nhiều.

Nhà trường có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chung của đội ngũ nhân viên, nhưng chưa có những tiêu chí riêng theo đặc thù của từng lĩnh vực mà đội ngũ nhân viên đảm nhận, ví dụ: nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với nhân viên ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ khá định tính, chưa được định lượng rõ ràng.

Việc khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai chưa đồng bộ ở các đơn vị.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 7:

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra chiến lược dài hạn hơn nhằm quy hoạch phát triển đội ngũ KTV, chuyên viên và nhân viên làm việc cho từng lĩnh vực cụ thể tại thư viện, các phòng thí nghiệm, đặc biệt là đội ngũ làm việc trong hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường; trong Chiến lược phát triển cần có kế hoạch chi tiết hơn để phát triển đội ngũ này cho từng lĩnh vực chuyên môn theo những đặc thù của từng ngành đào tạo của Nhà trường; đặc biệt kế hoạch phát triển cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định.

Nhà trường nên nghiên cứu để đưa ra được tiêu chí thể hiện được tính đặc thù của một số vị trí của nhân viên khi điều động, luân chuyển các nhân sự là nhân viên của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường nên nghiên cứu để mở rộng hơn các chính sách đãi ngộ và khuyến khích đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường.

Song hành với bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực chung, Nhà trường cần xây dựng

thêm một số tiêu chuẩn/tiêu chí riêng phù hợp với đặc thù về các năng lực chuyên biệt cho từng lĩnh vực cụ thể của từng chuyên môn mà các nhóm nhân viên đang đảm nhận, chẳng hạn: tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên là việc tại Thư viện; tiêu chuẩn/tiêu chí riêng cho nhóm nhân viên CNTT; nhóm nhân viên/kỹ thuật viên làm tại phòng thí nghiệm; nhóm nhân viên hành chính ...

Các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên cần được lượng hóa cụ thể để đảm bảo việc đánh giá năng lực được công bằng.

Kế hoạch phát triển của Nhà trường cần đưa ra được lộ trình để các KTV, chuyên viên và nhân viên phải chủ động đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định. Nhà trường cần tăng ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Nhà trường cần quy định cụ thể về việc khảo sát ý kiến cán bộ nhân viên về mức độ hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc (thời gian khảo sát, phương pháp khảo sát ...) để việc khảo sát này được thực hiện đồng bộ trong tất cả các đơn vị trong Trường.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 7	4,00
<i>Tiêu chí 7.1</i>	4
<i>Tiêu chí 7.2</i>	4
<i>Tiêu chí 7.3</i>	4
<i>Tiêu chí 7.4</i>	4
<i>Tiêu chí 7.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.1

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh (QĐ số 265/ĐA-ĐHV ngày 11/03/2017; số 734/ĐA-ĐHV ngày 04/7/2018; số 206/ĐA-ĐHV ngày 11/3/2019; số 415/ĐA-ĐHV ngày 26/6/2020; số 418/ĐA-ĐHV ngày 14/4/2021) với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Tài chính - Ngân hàng. Ví dụ, trong Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường đã nêu rõ các thông tin như đối tượng tuyển sinh là các thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2018 và đã tốt nghiệp THPT; phạm vi tuyển sinh trong cả nước; Ngành Tài chính – Ngân hàng được tuyển sinh theo nhóm khối ngành kinh tế với phương thức xét tuyển kết quả thi THPT Quốc gia các tổ hợp bài thi A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh) không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh và xét tuyển học bạ (không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh) và tuyển thẳng các thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên trên toàn quốc.

Từ năm 2017, bên cạnh các thông tin chi tiết của năm tuyển sinh, thông tin ĐBCL của Trường về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, Đề án tuyển sinh còn cung cấp cho người học thông tin tham khảo của 02 năm tuyển sinh trước đó của các CTĐT, trong đó có ngành Tài chính – Ngân hàng.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ (<https://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh>; <https://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh/dai-hoc-chinh-quy/seo/de-an-tuyen-sinh-dai->

hoc-chinh-quy-nam-2020-96896). Ví dụ, Mục III.1 (Tuyển sinh đại học chính quy) của Đề án tuyển sinh năm 2020 công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường đã xác định cụ thể các nội dung: Đối tượng, phạm vi, phương thức, ngưỡng ĐBCL đầu vào, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; chính sách ưu tiên, học phí và lộ trình tăng học phí. Ngoài ra, Nhà trường/Khoa còn truyền thông về việc tuyển sinh thông qua các bài viết trên các báo điện tử: <https://giaoduc247.vn/mien-trung-tay-nguyen/truong-dh-vinh-cong-bo-thong-tin-tuyen-sinh-2021>; <https://thi.tuyensinh247.com/phuong-an-tuyen-sinh-dai-hoc-vinh-nam-2020-c24a50009.html>; <https://vinhuni.edu.vn/dao-tao/seo/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2020-96896>; https://www.thongtintuyensinh.vn/Truong-Dai-hoc-Vinh_C93_D688.htm.

Kiểm tra trực tiếp trên internet tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy trên các trang tuyển sinh của Trường có các thông tin về tuyển sinh được cập nhật.

Hàng năm, Khi xây dựng đề án tuyển sinh, Nhà trường đã họp lấy ý kiến các đơn vị trong Trường để xây dựng đề án tuyển sinh. Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị chuyên đề “Nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, quản lý và tổ chức đào tạo trong giai đoạn hiện nay” đã đề xuất giải pháp “Xây dựng phương thức tuyển sinh hợp lý, chú ý đảm bảo lợi ích của thí sinh dự tuyển” (Thông báo số 02/TB-HĐT ngày 17/01/2017).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.1

Các đối tượng được Nhà trường/Khoa khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh của Trường chưa đa dạng.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.1

Nhà trường cần lấy ý kiến của nhiều đối tượng liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường đối với ngành Tài chính – Ngân hàng để thu được nhiều ý

kiến đa chiều giúp cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường /CTĐT.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.1: 4

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.2

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Tài chính – Ngân hàng được quy định rõ ràng trong các đề án tuyển sinh hằng năm. Trước năm 2017, Nhà trường sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Từ năm 2017 tới nay, Trường sử dụng 2 phương thức tuyển sinh: xét tuyển và kết hợp xét tuyển với thi tuyển. Riêng phương thức xét tuyển được thực hiện theo 3 hình thức: (i) Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (ii) Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển thẳng (Theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường). Riêng đối với ngành TCNH sử dụng phương thức xét tuyển (được quy định cụ thể cho từng năm) từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, kết quả học tập ở cấp THPT và Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh.

Điểm trúng tuyển được xác định căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT. Ví dụ, điểm trung bình trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển vào CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT hằng năm là: 15,0 điểm (năm học 2015-2016); 15,5 điểm (năm học 2016-

2017); 14,0 điểm (năm học 2017-2018); 15,0 điểm (năm học 2018-2019); 15,0 điểm (năm học 2019 - 2020); 17,0 điểm (năm học 2020 - 2021).

Hằng năm, Nhà trường/Khoa đã rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường: Năm 2017, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành Tài chính – Ngân hàng dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp quốc gia của các tổ hợp A00 (Toán – Vật lý – Hóa học); A01 (Toán – Vật lý – Tiếng Anh); D01 (Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh). Năm 2018, bổ sung phương thức xét tuyển học bạ THPT không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, điểm trung bình các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm học cuối cấp (Lớp 12) phải đạt từ 6 điểm trở lên; xét tuyển thẳng đối với học sinh các trường chuyên trên toàn quốc; xét tuyển thẳng các đối tượng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2019, bổ sung thêm tổ hợp xét tuyển D07 (Toán – Hóa học – Tiếng Anh); bổ sung thêm phương thức tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS 5.0; TOEFL iBT 50, TOEIC 500, Cambridge PET) và điểm môn Ngữ văn lớp 12 đạt từ 7,0 trở lên. Năm 2020, điều chỉnh môn thi xét tuyển thẳng theo tổ hợp xét tuyển (Ví dụ, tổ hợp xét tuyển D01 được xét tuyển thẳng đối với các môn thi học sinh giỏi quốc gia (Toán, Vật lý, Tin học, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.2

Nhà trường chưa sử dụng phương thức đánh giá năng lực để tuyển sinh.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.2

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực người học do Trường tổ chức hằng năm để chủ động có thêm phương thức

tuyển sinh/tuyển chọn những thí sinh đủ năng lực vào học tại Trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.2: 4

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.3

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng CTCT-HSSV, các khoa và các CVHT và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC/Trí Nam. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016) quy định nhiệm vụ của Phòng Đào tạo: “Phối hợp kiểm tra, theo dõi nền nếp học tập, quản lý kết quả học tập của người học. Chủ trì tổ chức xét học tiếp, thôi học, học ngành 2 ... xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên”; Mục VII.B.6 quy định nhiệm vụ của Phòng Thanh tra giáo dục: “Quản lý, giám sát công tác đánh giá điểm chuyên cần, thái độ học tập của người học”; Mục VIII.B.3 quy định nhiệm vụ của Phòng CTCT-HSSV: “Chủ trì công tác đánh giá người học, đánh giá công tác học sinh, sinh viên các khoa/trường trực thuộc. Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học đúng quy chế; phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên... Định kỳ gửi thông báo kết quả học tập rèn luyện về cho gia đình sinh viên.”; Mục 3.a quy định chức năng, nhiệm vụ các khoa: “Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học thuộc

Khoa”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập (QĐ số 3814 /QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012) quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của CVHT trong hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Mục II.B quy định nhiệm vụ của Trợ lý quản lý sinh viên: “Giúp Trưởng khoa tổ chức và duy trì có hiệu quả phong trào thi đua học tập và rèn luyện trong sinh viên, học viên để đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý, thống kê báo cáo và nhận xét, đánh giá sinh viên và học viên sau mỗi học kỳ, năm học, khoá học. Từng học kỳ báo cáo kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, học viên cho Trưởng khoa. Lập hồ sơ đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật của Khoa và Nhà trường biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời kiến nghị xử lý kỷ luật đối với các trường hợp sinh viên, học viên vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm các quy định của Nhà trường”.

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định tại các điều 9, 10, 12, 14, 15, 19 Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 868 /QĐ – ĐHV ĐHV ngày 02 /4/2013) và các điều 6, 7, 8, 9, 11, 13, 15, 16, 17 Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017). Việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của SV thực hiện theo các điều 3, 11, 12, 13, 14, 15 Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Vinh (QĐ số 4153/QĐ-ĐHV ngày 01/12/2015), trong đó Điều 11 quy định 4 bước quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.

Giáo viên chủ nhiệm lớp giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên trong lớp thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban Chủ nhiệm

khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa (Biên bản các cuộc họp). Khoa/Bộ môn thường xuyên giám sát kết quả học tập của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng năm, Phòng CTCT-HSSV gửi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho gia đình để đôn đốc sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện (Các thông báo: ngày 02/11/2017... ngày 13/3/2019).

Kết quả học tập, số lượng tín chỉ người học đăng ký trong học kỳ, danh sách người học bị xử lý kết quả học tập, danh sách người học chậm tiến độ, thôi học được lưu trữ trên hệ thống trên phần mềm quản lý điểm (CMC/Trí Nam) và phần mềm quản lý người học (LMS). Kết quả rèn luyện của SV do Chủ nhiệm lớp sinh viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên theo lớp; Trợ lý công tác sinh viên tổng hợp và gửi kết quả điểm rèn luyện SV của Khoa về Trường. Phòng CTCT-HSSV tổng hợp, trình ký phê duyệt công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều có văn bản yêu cầu các khoa, viện rà soát kết quả học tập của SV, lập danh sách những sinh viên thuộc diện bị cảnh báo kết quả học tập, bị buộc thôi học, thông báo đến sinh viên để đối chiếu xác nhận và gửi về Trường (Các thông báo: số 1115/ĐHV-ĐT ngày 20/9/2017; số 1088/ĐHV-ĐT ngày 26/9/2018; số 1079/ĐHV-ĐT ngày 03/10/2019; số 811/ĐHV ngày 11/9/2020).

Phòng Đào tạo theo dõi và xử lý dữ liệu sinh viên có nguy cơ bị buộc thôi học từng học kỳ để phối hợp với Khoa, thông qua đội ngũ chủ nhiệm lớp sinh viên và CVHT, để tư vấn cho sinh viên thuộc diện bị xử lý có kế hoạch học tập phù hợp để đảm bảo tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng hạn.

Khảo sát trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường trong thời gian ĐGN cho thấy: Nhà trường có các dữ liệu về tiến trình học tập của người học, số người không tích lũy đủ số tín chỉ và các thông tin khác giúp

người học chủ động nắm bắt được tiến độ học tập. Phòng Đào tạo đã gửi cảnh báo học vụ đối với SV để đội ngũ CVHT và Chủ nhiệm lớp SV giúp SV có kế hoạch, biện pháp cải thiện kết quả học tập.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.3

Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN cho thấy: “Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học”

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.3

Nhà trường cần phối hợp với đối tác hoàn thiện các chức năng của phần mềm quản lý đào tạo “Trí Nam” để hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.3: 4

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.4

Nhà trường có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của SV. Mục II.B.3 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh quy định Phòng Đào tạo có nhiệm vụ: “Chủ trì tổ chức

các hội thi nghiệp vụ sư phạm, hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”; Mục VIII.B.1 quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng CTCT-HSSV: “Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng của.. người học; ... Chủ trì phối hợp cho người học tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động khác; Chủ trì việc xây dựng chế độ học phí ... miễn, giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng, đào tạo; chủ trì phân bổ học bổng tài trợ. Phối hợp quản lý Câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh”, hỗ trợ cho các đối tượng người học: Con mồ côi, tàn tật, diện chính sách và người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức cho người học tham gia các loại hình bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế ... giải quyết quyền lợi cho người học bị ốm đau, tai nạn rủi ro... Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật người học theo đúng quy chế”. Mục XXIII.B.6 quy định nhiệm vụ của Văn phòng Đoàn trường: “Chủ trì các phong trào học tập, nghiên cứu khoa học, giáo dục chính trị tư tưởng, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, nếp sống văn hoá, tình nguyện, rèn luyện kỹ năng ...”. Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ cố vấn học tập đã quy định CVHT có nhiệm vụ: “... tư vấn, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện” giúp sinh viên “... trang bị kiến thức và kỹ năng mềm, phát triển kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trường” và “... thường xuyên theo dõi kết quả và tiến độ học tập của sinh viên để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch và phương pháp học tập thích hợp” (QĐ số 3814/QĐ-ĐHV, ngày 10/12/2012).

Hàng năm, Nhà trường có quyết định cử CVHT và trợ lý đào tạo các khoa (Các QĐ: số 1131/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017; số 297/QĐ-ĐHV, ngày 5/4/2017; số 991/QĐ-ĐHV, ngày 12/9/2017; số 994/QĐ-ĐHV, ngày 08/10/2018; số 990/QĐ-ĐHV, ngày 12/9/2017; số 945/QĐ-ĐHV, ngày 08/10/2018; số 2400/ QĐ-ĐHV, ngày 9/9/2019).

Khoa ban hành Quy định công tác Giáo viên chủ nhiệm lớp Khoa Kinh tế - Trường ĐH Vinh và cử giáo viên chủ nhiệm các lớp hành chính (Các QĐ: số

15/QĐ-KKT ngày 14/9/2016; số 19/QĐ-KKT ngày 19/9/2017; số 21/QĐ-KKT ngày 19/9/2018; số 39/QĐ-KKT ngày 14/8/2019; số 25/QĐ-KKT ngày 21/10/2020).

Mục XIII.B.2 Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh đã quy định nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN (Trung tâm đào tạo liên tục và chuyển giao khoa học công nghệ, dịch vụ giáo dục): “Chủ trì tìm kiếm và tổ chức các chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người học; phối hợp tổ chức “Ngày hội việc làm”, kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng; xây dựng mạng lưới và phối hợp bố trí địa điểm thực tập nghề, thực hành, thực tế chuyên môn cho ngành ngoài sư phạm; xây dựng dữ liệu sinh viên tốt nghiệp hằng năm cung cấp cho các nhà tuyển dụng; chủ trì công tác khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên”.

Trong “Tuần giáo dục công dân”, các phòng chức năng phổ biến nội quy, quy chế học tập, rèn luyện, các chủ trương chính sách liên quan đến người học (Các kế hoạch: số 3460/ĐHV-CTSV 18/9/2015; số 29/KH-ĐHV ngày 01/9/2016; số 26/KH-ĐHV ngày 07/8/2017; số 28/KH-ĐHV ngày 03/8/2019; số 39/KH-ĐHV, ngày 1/8/2019; số 46/KH-ĐHV ngày 04/9/2020; số 84/KH-ĐHV ngày 13/9/2021) và cung cấp cho người học “Sổ tay sinh viên”, đảm bảo sinh viên được tiếp cận thông tin về các hoạt động hỗ trợ người học của Trường.

Hằng năm, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa, viện xây dựng chương trình học chuyển đổi linh hoạt, tổ chức học tập các học phần thay thế cho các sinh viên quá hạn đào tạo được tiếp tục học tập (Các Kết luận số 180/TB-ĐHV ngày 09/11/2017; số 200/TB-ĐHV ngày 02/11/2018; số 184/TB-ĐHV ngày 08/11/2019).

Nhà trường/Khoa có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV ngành Tài chính – Ngân hàng: SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho SV ngành Tài chính – Ngân

hàng luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Nhà trường/Khoa có kế hoạch phân công cán bộ quản lý các địa bàn có học sinh, sinh viên và học viên Trường Đại học Vinh tạm trú (Các kế hoạch: số 32/KH-ĐHV ngày 29/8/2018; số 48/KH-ĐHV ngày 24/9/2019; số 58/KH-ĐHV ngày 24/9/2020; số 100/KH-ĐHV ngày 26/10/2021). Khoa có kế hoạch phân công CB quản lý các địa bàn có SV và học viên ngành TCNH tạm trú.

Hàng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV (Các biên bản họp lớp các năm). Hàng năm, Khoa tổ chức hội nghị dân chủ SV, giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học.

Phòng CTCT-HSSV đã phối hợp với Khoa xét cấp học bổng và trợ cấp miễn giảm học phí cho sinh viên, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc là người thiểu số; trợ cấp xã hội; cấp học bổng tài trợ cho học sinh, sinh viên (Các QĐ: số 1844/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2017; số 2581/QĐ-ĐHV ngày 23/11/2017; số 2652/QĐ-ĐHV ngày 28/11/2017; số 2453/QĐ-ĐHV ngày 16/11/2017; QĐ số 2541/QĐ-ĐHV ngày 16/11/2017; số 1775/QĐ-ĐHV ngày 25/8/2017; số 2024/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2017). Ví dụ, theo Quyết định số 2652/QĐ-ĐHV ngày 28/11/2017, Nhà trường đã hỗ trợ 1.599 triệu đồng hỗ trợ chi phí học tập cho 410 sinh viên hệ chính quy học kỳ I năm học 2017-2018, trong đó ngành TCNH có 4 SV được hỗ trợ 3,12 triệu đồng.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên/Hội SV Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa: “Chương trình ngày chủ nhật xanh”, “Giải bóng chuyền sinh viên”, “Tuổi trẻ học tập và làm theo đạo đức, phong các Hồ Chí Minh”, Hội thi “sinh viên thanh lịch” (Các kế hoạch: số 45-KH/ ĐTN ngày 18/4/2019; số 15-KH/ ĐTN ngày 26/2/2018; số 28-KH/ ĐTN ngày 13/3/2018; số 13-KH/ĐTN ngày 31/3/2019; số 11/KH/ĐTN ngày 12/02/2020; số 90-KH/ĐTN ngày 18/5/2020; số 95-KH/ĐTN ngày 28/5/2020).

Liên chi đoàn Khoa kinh tế thành lập: “Đội xung kích”, Câu lạc bộ “Hoa Chăm pa”, “Đội tình nguyện” và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao: “Giải bóng đá nam, nữ sinh viên K59”; “Chương trình chào xuân..” (Các kế hoạch: ngày 24/01/2018; ngày 15/12/2018); “Chương trình Talkshow thấp lửa khởi nghiệp” (Kế hoạch ngày 27/11/2018); “Chương trình Ước hẹn thanh xuân chia tay K56 ” (Kế hoạch ngày 20/4/2019); “Giải bóng đá nam Khoa Kinh tế năm học 2019-2020”; Cuộc thi ảnh “Dấu ấn K56” (Kế hoạch ngày 05/5/2019).

Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Liên hệ, kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các chương trình giới thiệu việc làm cho sinh viên, tổ chức các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại Trường, tổ chức các chương trình thực tập tiềm năng cho sinh viên năm cuối, giúp sinh viên tăng cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra Trường (Các báo cáo: số 919/ĐHV-ĐTLT ngày 09/8/2016; số 1100/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 18/9/2017; số 1409/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 28/11/2017; số 1558/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 28/12/2017; số 1287/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 13/11/2019; số 1380/ĐHV ngày 02/12/2019; số 1189/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 24/11/2020); tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối của Nhà trường được tiếp cận nhà tuyển dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo (Các kế hoạch: số 266/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 15/3/2017; số 296/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 28/3/2019; số 381/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 17/4/2019). Các hội chợ việc làm do Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp tổ chức hằng năm giai đoạn 2016 - 2021 đã thu hút 197 lượt nhà tuyển dụng tham gia và có 509 lượt người học ngành Tài chính – Ngân hàng tham gia.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, người học trước khi tốt nghiệp về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Kết quả khảo sát năm 2016 có 90,9% người học hài lòng về: “Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo có hỗ trợ, tư vấn tốt để đăng ký học, xử lý học vụ”; 90% người học hài lòng về: “Trợ lý sinh viên của Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học”; có 76,5% người học hài lòng về: “Cán bộ Văn phòng Khoa tích cực, nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình học tập, rèn luyện”; có 80,3% người học hài lòng đối với hoạt động hỗ trợ việc làm của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016).

Kết quả khảo sát năm học 2017-2018, có 77% người học hài lòng về: “Cố vấn học tập”; 74,7% hài lòng về “Trợ lý quản lý sinh viên các khoa/viện”; có 70,7% hài lòng về việc được cung cấp các thông tin về nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường” (Thông báo số 217/TB-ĐHV ngày 11/12/2018).

Mức độ hài lòng của người học ngành TCNH về các dịch vụ hỗ trợ giai đoạn cuối chu kỳ KĐCLGD đạt ở mức khá cao và có xu hướng tăng: Trên 77% người học ngành TCNH hài lòng về hoạt động hỗ trợ của CVHT (Năm học 2018-2019: 77,94%; năm học 2019-2020: 80,20%; năm học 2020-2021: 84,19%) và trên 75% người học hài lòng về hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN (Năm học 2018-2019: 75,93%; năm học 2019-2020: 81,80,877%; năm học 2020-2021: 81,10%).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.4

Nội dung các câu hỏi trong các phiếu khảo sát được thiết kế chưa khoa học nên chưa thu được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học.

Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN về tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp giai đoạn 2018-2020 cho thấy: Tỷ lệ người học ngành 66,7%.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.4

Nhà trường cần nghiên cứu để thiết kế các phiếu khảo sát phù hợp với từng đối tượng, mục tiêu khảo sát; các câu hỏi trong thang đo trong phiếu khảo sát cần được thiết kế một cách khoa học để có thể thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa TCNH nên tổ chức hội nghị/hội thảo với sự tham gia của đại diện các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đại diện các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên của Nhà trường ...) để phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm đúng ngành để có các giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc phối hợp hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV đối với sinh viên tốt nghiệp của ngành TCNH.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.4: 4

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 8.5

Nhà trường đã có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh (QĐ số 3182/QĐ-ĐHV ngày 26/12/2018).

Sinh viên được tổ chức khám sức khỏe học đường (Thông báo số 306/ĐHV-YT ngày 02/4/2018; số 1391/ĐHV-YT, ngày 05/12/2018); SV nữ được tư vấn về giới tính sức khỏe, sinh sản (Thông báo số 625/ĐHV-ĐTLT ngày

17/5/2016, số 1006/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 18/5/2018; số 461/ĐHV-HTSVQHDN ngày 08/5/2019; số 1064/ĐHV-HTDVQHDN ngày 30/9/2019). Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, có nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao. Nhà trường/Khoa Tài chính – Ngân hàng thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ, các cuộc thi (Cắm hoa nghệ thuật, thi nấu ăn giỏi..). GV, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập và thực hiện các thủ tục hành chính, Nhà trường đã thành lập các khu hành chính một cửa (QĐ số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/06/2016).

Hằng năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường/Khoa đã xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thu hút đông đảo người học tham gia.

Cảnh quan, sân trường, phòng học của Nhà trường được đầu tư xây dựng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà điều hành công nghệ cao, giảng đường, các văn phòng, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của sinh viên. Các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đèn, quạt và trang bị máy lạnh nhằm cung cấp không gian học tập thoáng đãng cho học tập, giảng dạy cũng như NCKH. Nhà trường ký hợp đồng với đối tác để duy trì công tác vệ sinh môi trường (Hợp đồng số 06/2018/HĐDV ngày 05/01/2018) và đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên Trường (Hợp đồng số 30/HĐKT, ngày 29/3/2018). CB, GV, NV và SV được Nhà trường mua bảo hiểm y tế (Các báo cáo: số 4642/BC-ĐHV ngày 13/12/2015; số 76/BC-ĐHV ngày 30/12/2016; số 64/BC-ĐHV ngày 29/12/2017; số 66/BC-ĐHV ngày 21/12/2018). Cơ sở dịch vụ kinh doanh dịch vụ ăn uống được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm (GCN số 73/2020/ATTP-CNĐK ngày 10/12/2020); nhân viên cơ sở dịch vụ được khám sức khỏe định kỳ. Sinh viên Nhà trường/ngành TCNH

được học tập trong môi trường an toàn, thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu.

Tại thời điểm KSCT, Đoàn ĐGN nhận thấy: Nhà trường đã triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid19 (CB, GV, SV thực hiện nghiêm chỉ thị 5K..).

Định kỳ, Nhà trường/Khoa triển khai thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của học viên, sinh viên về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường. Kết quả khảo sát sinh viên toàn Trường năm 2016: có 91,7% người học hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường”; 90,6% hài lòng về “Công tác bảo đảm an ninh trật tự trong Nhà trường”; 81,3% người học hài lòng về “Công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường”. Kết quả khảo sát năm học 2017-2018 cho thấy: có 75,1% người học hài lòng về “công tác vệ sinh môi trường”; có 72,8% Hài lòng về bộ phận một cửa. Kết quả khảo sát người học học kỳ 2 năm học 2018-2019: có 89,6% người học hài lòng về “Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường”; có 94,5% người học hài lòng về “Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong trường học”; có 87,5% hài lòng đối với Trạm Y tế; có 80,4% người học hài lòng đối với Nhà ăn và có 95,8% sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp hài lòng về: “môi trường sống, sinh hoạt, rèn luyện và học tập tại Trường” (Báo cáo số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019)... Kết quả khảo sát các năm học 2019 – 2020 và năm học 2020-2021 cho thấy: trên 63,0% người học ngành TCNH hài lòng đối với “Công tác vệ sinh môi trường” (Năm học 2019-2020: 63,52% ; năm học 2020-2021: 71,82%) và trên 77,0% người học hài lòng về “Giải quyết các thủ tục hành chính đối với người học” (Năm học 2019-2020: 77,52%; năm học 2020-2021: 82,53%).

Tại hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Báo cáo ngày 25/9/2017; ngày 20/9/2018; ngày 22/9/2019; ngày 24/10/2020), CBGV, NV cũng đã có những ý kiến phản ánh về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 8.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 8.5

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 8.5

Nhà trường cần thực hiện việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc đưa ra được các giải pháp phù hợp để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 8.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 8

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của ngành Tài chính - Ngân hàng.

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường/ngành Tài chính - Ngân hàng được quy định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được rà soát, đánh giá hằng năm để đảm bảo thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, phù hợp với đặc thù các ngành, với xu thế phát triển chung của Khoa và Trường.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ bao gồm Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra Giáo dục, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, Sinh viên (CTCT-HSSV), các khoa và các cố vấn học tập (CVHT) và được thực hiện, quản lý bằng phần mềm quản lý người học CMC.

Hằng năm, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa, viện xây dựng chương trình học chuyển đổi linh hoạt, tổ chức học tập các học phần thay thế cho các sinh viên quá hạn đào tạo được tiếp tục học tập.

Hằng tháng, các lớp tổ chức sinh hoạt, có đại diện Ban Chủ nhiệm Khoa, CVHT, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV.

Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 8:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 8:

Các đối tượng được Nhà trường/Khoa khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh của Trường chưa đa dạng.

Nhà trường chưa sử dụng phương thức đánh giá năng lực để tuyển sinh.

Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN cho thấy: “Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học”

Nội dung các câu hỏi trong các phiếu khảo sát được thiết kế chưa khoa học nên chưa thu được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng tư vấn và hỗ trợ người học.

Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN về tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp giai đoạn 2018-2020 cho thấy: Tỷ lệ người học ngành TCNH có việc làm đúng ngành đạt tỷ lệ không cao: 66,7%.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thực hiện chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường cần lấy ý kiến của nhiều đối tượng liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường đối với ngành Tài chính – Ngân hàng để thu được nhiều ý kiến đa chiều giúp cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường /CTĐT.

Nhà trường nên nghiên cứu để có thể tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực người học do Trường tổ chức hằng năm để chủ động có thêm phương thức tuyển sinh/tuyển chọn những thí sinh đủ năng lực vào học tại Trường.

Nhà trường cần phối hợp với đối tác hoàn thiện các chức năng của phần mềm quản lý đào tạo “Trí Nam” để hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học.

Nhà trường cần nghiên cứu để thiết kế các phiếu khảo sát phù hợp với từng đối tượng, mục tiêu khảo sát; các câu hỏi trong thang đo trong phiếu khảo sát cần được thiết kế một cách khoa học để có thể thu thập được những thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan của Nhà trường.

Nhà trường/Khoa TCNH nên tổ chức hội nghị/hội thảo với sự tham gia của đại diện các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đại diện các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên của Nhà trường ...) để phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm đúng ngành để có các giải pháp đồng bộ từ việc xây dựng chính sách tuyển sinh đến việc phối hợp hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHĐN, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội SV đối với sinh viên tốt nghiệp của ngành TCNH.

Nhà trường cần thực hiện việc khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong khuôn viên Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc đưa ra được các giải pháp phù hợp để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4,00
<i>Tiêu chí 8.1</i>	4
<i>Tiêu chí 8.2</i>	4
<i>Tiêu chí 8.3</i>	4
<i>Tiêu chí 8.4</i>	4
<i>Tiêu chí 8.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.1

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 87.876 m². Hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường gồm có: 282 phòng học (10 phòng học/hội trường trên 200 chỗ; 36 phòng học 100-200 chỗ; 85 phòng học 50-100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện); 86 phòng thí nghiệm có diện tích 10.314 m²; 19 xưởng thực tập/thực hành có diện tích 4.668 m². Thư viện 2 cơ sở có diện tích 9.952 m²; nhà tập đa năng có diện tích 2.143 m². Nhà trường có 68 phòng làm việc với tổng diện tích 15.864m² m². Ban Giám hiệu Nhà trường được bố trí 6 phòng làm việc ở khu nhà A0 với tổng diện tích 185 m²; Trường các đơn vị được bố trí phòng làm việc riêng; các Giáo sư, Phó Giáo sư được bố trí không gian làm việc riêng. Khoa Tài chính – Ngân hàng đang sử dụng 1 phòng tầng 2 tòa nhà A0.

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn, ghế, tủ để tài liệu..

Các phòng học, hội trường được trang thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp với hoạt động dạy và học. Hiện nay, Nhà trường có 240 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, 16 phòng học online.

Các phòng học lý thuyết, các phòng chức năng được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi Phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Ngành TCNH được bố

trí các phòng học với trang thiết bị phù hợp với yêu cầu học tập, nghiên cứu của môn học/ngành học.

Tại thời điểm 30/11/2021, với quy mô sinh viên của Nhà trường là 16.476 người học, diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo đạt bình quân là 5,33 m²/người học.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.1

Khoa/bộ môn chưa được bố trí phòng làm việc, sinh hoạt chuyên môn riêng; không gian làm việc của cán bộ giảng viên khá chật hẹp.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.1

Nhà trường nên xem xét và bố trí phòng làm việc, phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/bộ môn và bố trí thêm diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.1: 4

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.2

Thư viện Cơ sở 1 của Trường được thành lập năm 1959, được bố trí tại tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn xây dựng 9.275 m² bao gồm: Không gian học tập tại tầng 1 có 05 phòng học, 01 Phòng xử án mô phỏng dành cho Khoa Luật, 06 phòng máy tính, 08 kho sách và 06 phòng đọc. Thư viện cơ sở 2 có diện tích sàn

677 m². Thư viện Trường có 124 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học (Cơ sở 1: 100 máy tính; Cơ sở 2: 24 máy tính).

Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến. Thư viện có trang thư viện điện tử tại các địa chỉ (Lib.vinhuni.edu.vn; tvs.vinhuni.edu.vn; thuvien.vinhuni.edu.vn. Thư viện có 26 nhân viên, trong đó có 16 nhân viên tốt nghiệp ngành Thư viện (Cơ sở 1: 23 NV; Cơ sở 2: 03 NV).

Nhà trường ban hành Nội quy thư viện (<http://lib.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-su-kien/seo/noi-quy-thu-vien-89190>); Quy định sử dụng không gian học tập (<http://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/noi-quy-su-dung-khong-gian-hoc-tap-89198>); Hướng dẫn sử dụng và Nội quy Thư viện điện tử (<https://lib.vinhuni.edu.vn/thu-vien/seo/huong-dan-su-dung-va-noi-quy-thu-vien-dien-tu-75593>) và các văn bản hướng dẫn khai thác Thư viện (Thông báo, ngày 31/10/2017; ngày 01/08/2018; ngày 15/10/2018; số 15/TTTV ngày 03/12/2019). Các phòng đọc của Thư viện có 1.800 chỗ ngồi, hệ thống mượn - trả tài liệu tự động. CB, GV, người học được cấp tài khoản để sử dụng thư viện số của Trường. Thư viện tổ chức phục vụ bạn đọc thông tâm các ngày trong tuần từ 7h30 đến 21h30 và thứ 7, Chủ nhật. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn ghế, tủ sách và hệ thống trang thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số 16 kênh ADR-16EM; máy chiếu Maxell MC –EX 4050; máy in mã vạch zebra ZT410230dpi; máy photocopy, máy tính Dell OptiPlex 3040+ Headphone; máy scan khổ A3; cổng an ninh thư viện công nghệ Hybrid; Trạm lưu thông công nghệ EM/RFID; Hệ thống mượn trả tự động; thiết bị lưu trữ dữ liệu; máy chủ CSDL HP ProLiant DL 360; , ti vi LCD 32” Samsung, điều hòa nhiệt độ CARRIER...

Kết quả khảo sát trực tiếp cho thấy, Thư viện có 18.350 đầu tài liệu; 16.500 luận văn, luận án và 59 đầu tạp chí; Thư viện số có: 14.350 tên tài liệu số. Thư viện được kết nối với CSDL điện tử trực tuyến online Proques Center

phục vụ công tác đào tạo và NCKH (Hợp đồng số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 ngày 30/10/2019). Thư viện điện tử của Nhà trường kết nối với khá nhiều thư viện trong nước: Liên hiệp Thư viện Đại học Việt Nam (Biên bản ghi nhớ ngày 09/8/2019); Thư viện của Cục khoa học và công nghệ quốc gia (HĐ số 1207/ĐHV-TTTV ngày 28/10/2019), Thư viện Trường ĐH Cần Thơ (HĐ số 990/ĐHV-TV ngày 23/8/2017), Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (Biên bản thoả thuận ngày 08/6/2018); Thư viện Trường ĐH Công nghệ miền Đông (Biên bản hợp tác ngày 09/8/2018)... Nguồn học liệu phục vụ cho ngành Tài chính – Ngân hàng trong Thư viện hiện có 387 đầu sách với 4360 bản.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về quy trình xuất bản giáo trình, tài liệu và quản lý tài chính trong việc xuất bản giáo trình, tài liệu, sách liên kết của Nhà xuất bản Đại học Vinh (QĐ số 504/QĐ-ĐHV ngày 17/5/2016); Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh (QĐ số 533/QĐ-ĐHV ngày 22/6/2018).

Giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đầu tư 7129,48 triệu đồng để bổ sung giáo trình, tài liệu cho Thư viện (Năm 2016: 1545,69 triệu đồng; năm 2017: 502,70 triệu đồng; năm 2018: 1006,3 triệu đồng; năm 2019: 2220,42 triệu đồng; năm 2020: 536,55 triệu đồng), trong đó, ngành Tài chính – Ngân hàng được bổ sung 125 đầu tài liệu với 1250 bản và 276 tài liệu số.

Thư viện có số liệu theo dõi về hoạt động của bạn đọc. Ví dụ: năm học 2020-2021: có 57.500 lượt người bạn đọc đến Thư viện đọc sách (trong đó có 3090 lượt người học Tài chính – Ngân hàng) và có 3940 lượt người bạn đọc đến Thư viện mượn sách (trong đó có 1653 lượt người học ngành Tài chính – Ngân hàng).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.2

Thư viện chưa đáp ứng đầy đủ giáo trình tài liệu học tập theo danh mục tài liệu được quy định tại các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã yêu cầu Thư viện tìm 50 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 12 đề cương chi tiết các học phần được Đoàn ĐGN lựa chọn ngẫu nhiên (Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng ngân hàng; Thanh toán quốc tế; Thị trường tài chính; Dịch vụ ngân hàng hiện đại; Kế toán ngân hàng; Phân tích và đầu tư tài chính; Tài chính công; Ngân hàng trung ương; Tài chính quốc tế; Thực hành doanh nghiệp mô phỏng; Bảo hiểm tài chính công ty đa quốc gia) của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được 40 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

Theo số liệu kiểm kê tháng 01 năm 2021, phần lớn các trang thiết bị điện tử (máy tính, camera, ..) của Thư viện đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Hợp đồng CSDL Proquest Central số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 đã hết hiệu lực.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.2

Thư viện của Nhà trường cần hằng năm thu thập nhu cầu sách/tài liệu học tập của từng khoa để đảm bảo thống kê đủ các đầu sách ghi trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT để mua bổ sung cho Thư viện Trường nhằm bảo đảm Thư viện của Trường cung cấp kịp thời và đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT hiện đang được triển khai đào tạo tại Trường. Nhà trường cần đảm bảo hằng năm cấp đủ kinh phí để Thư viện cập nhật đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của các khoa.

Thư viện cần phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát lại mức độ đáp ứng yêu cầu của các trang thiết bị, đề xuất Nhà trường thanh lý các trang thiết

bị không còn đáp ứng yêu cầu và có kế hoạch mua bổ sung các trang thiết bị thay thế.

Nhà trường cần rà soát, đánh giá nhu cầu và hiệu quả khai thác sử dụng CSDL Proquest Central để có kế hoạch ký tiếp hợp đồng để bảo đảm Thư viên cung cấp đủ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và người học.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.2: 3

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.3

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh có chức năng: “Tham mưu giúp Hiệu trưởng về công tác tổ chức triển khai và quản lý các hoạt động thực hành - thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học” (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016 - Mục XVII). Hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại các tòa nhà A0, D1, Nhà kỹ thuật công nghệ được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT. Hiện tại, Nhà trường có 40 phòng máy tính, 86 phòng thí nghiệm, 21 phòng/xưởng thực hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH cho các ngành đào tạo trong Trường. Các phòng thực hành thí nghiệm được trang bị các thiết bị dạy học phù hợp với các ngành học cụ thể. Để khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống phòng học thực hành/thí nghiệm, Nhà trường đã ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường Đại học Vinh (QĐ số 182/QĐ-ĐHV ngày 07/3/2021) và

Quy chế phối hợp giữa các đơn vị với Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (QĐ số 1581/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016).

Ngành TCNH được sử dụng 5 phòng thực hành tại tầng 7 Tòa nhà điều hành của Trường (Phòng Chứng khoán, Phòng Thanh toán quốc tế, Phòng Dịch vụ khách hàng, Phòng kế toán tài chính nhân sự, Phòng kinh doanh) với 135 máy tính để học và thực hành các môn học nghiệp vụ ngân hàng. Ngoài ra, SV ngành TCNH còn sử dụng các phòng máy ở Khu nhà kỹ thuật công nghệ để học, thi và thực hành nghiệp vụ.

Các thiết bị của các phòng học thực hành và Trung tâm đào tạo thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Việc mua sắm, đưa vào khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa và điều chuyển, thanh lý được thực hiện theo Quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm Trường Đại học Vinh (QĐ số 90/QĐ-ĐHV ngày 13/2/2017); Quy định về quản lý, khai thác sử dụng tài sản tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 209/QĐ-ĐHV, ngày 16/3/2017); Hướng dẫn quy trình đăng ký làm việc tại phòng thực hành thí nghiệm (<https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/van-ban-moi/seo/huong-dan-quy-trinh-dang-ky-lam-viec-tai-phong-thuc-hanh-thi-nghiem-90118>). Các phòng học thực hành thí nghiệm đều có sổ theo dõi, bàn giao giữa giảng viên tham gia giảng dạy với nhân viên quản lý, có sự xác nhận của đại diện lớp học.

Hàng năm, các đơn vị thực hiện công tác kiểm kê, báo cáo về số lượng và đánh giá chất lượng các trang thiết bị thực hành/thí nghiệm và có kế hoạch bổ sung mua sắm, thay thế các trang thiết bị mới (CV số 144/ĐHV-QTĐT ngày 17/0/2016..). Trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm được đầu tư nâng cấp, sửa chữa định kỳ (Biên bản ngày 12/10/2020; ngày 10/01/2020; ngày 18/6/2019; ngày 15/01/2018 ...). Ví dụ, theo Quyết định số 5455/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2019, Nhà trường đã đầu tư 845,95 triệu đồng mua máy chiếu cho các phòng học (Hợp đồng số 5460/ĐHV - HĐ2019 ngày 20/5/2019).

Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Nhà trường đã chi 5.474,16 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành (Năm 2016: 780,77 triệu đồng; năm 2017: 2166,04 triệu đồng; năm 2018: 352,15 triệu đồng; năm 2019: 1087,60 triệu đồng; năm 2020: 1.087,60 triệu đồng). Trang thiết bị phòng thực hành/thí nghiệm của Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm/ Khoa TCNH được đầu tư mua sắm và bổ sung theo kế hoạch chung của Nhà trường.

Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm có 4 tổ chuyên môn với 39 cán bộ phụ trách, trong đó có 34 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị (<https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/van-ban-moi/seo/phan-cong-nhiem-vu-can-bo-vien-chuc-81328>; <https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/van-ban-moi/seo/danh-sach-can-bo-cac-to-chuyen-mon-75884>; <https://trungtamthtn.vinhuni.edu.vn/lich-tuan/seo/lich-cong-tac-tuan-le-37-ttth-tn-104019>). Kết quả quan sát trực tiếp của Đoàn ĐGN cho thấy các phòng thực hành đều có phân công cán bộ phụ trách và có sổ nhật ký sửa chữa thay thế thiết bị. Cuối năm học, Phòng Quản trị và Đầu tư đều có tổng kết đánh giá tần suất sử dụng phòng học, trang thiết bị trong các phòng học thực hành/thí nghiệm và các phòng học lý thuyết có lắp các trang thiết bị phục vụ dạy học.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.3

Một số biên bản kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa ghi đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định (Thành phần tổ kiểm kê, ngày kiểm kê, vị

trí...). Một số cán bộ quản lý các phòng thực hành chưa ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.3

Nhà trường cần quy định cụ thể về các bước phải thực hiện khi kiểm kê để hướng dẫn đội ngũ cán bộ, nhân viên kiểm kê thực hiện đúng quy định.

Trung tâm THPTN cần định kỳ kiểm tra và nhắc nhở các nhân viên quản lý các phòng thực hành - thí nghiệm ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành theo quy định của mẫu biểu.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.3: 5

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.4

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm: 1257 máy tính được bố trí trong 40 phòng học phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH (11 phòng/385 máy tính ở nhà A0; 8 phòng/200 máy tính tại Khu nhà kỹ thuật công nghệ; 3 phòng/90 máy tại nhà D1; 4 phòng/120 máy tại Cơ sở II; 5 phòng/126 máy tại tầng 7 Nhà điều hành; 6 phòng/216 máy tính tại tầng 2 Thư viện Nguyễn Thúc Hào; 3 phòng/120 máy cho các phòng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm); 572 máy tính xách tay trang bị cho cán bộ, giảng viên và 180 máy tính trang bị cho các cơ quan; 21 máy chủ vật lý; 15 máy chủ ảo; 9 đường truyền internet (Cơ sở 1: 01

đường truyền Leased line, tốc độ 300 Mbps; 02 đường truyền FTTH, tốc độ mỗi đường truyền 350 Mbps; Cơ sở 2: 03 đường truyền FTTH của VNPT, tốc độ mỗi đường truyền là 50 Mbps, 383 điểm phát wifi. Tất cả các phòng máy tính được thiết kế đồng bộ, được trang bị máy tính và các thiết bị ngoại vi để có thể triển khai dạy học các học phần có sử dụng máy tính từ cơ bản, multimedia, ngoại ngữ.

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn/>. Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học.

Hệ thống E-learning của Nhà trường được phát triển với 44 phòng học trực tuyến. GV và người học của Trường đều có tài khoản trên trang học trực tuyến của Nhà trường. Cán bộ giảng viên ngành TCNH được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng @vinhuni.edu.vn. Người học được cấp tài khoản truy cập hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo để xem điểm của cá nhân và đăng ký học phần tự chọn. Khoa TCNH có cổng thông tin điện tử của tại địa chỉ. <https://eco.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/khoa-tai-chinh-ngan-hang>. Các phần mềm chuyên dụng sử dụng ở các đơn vị đều có bản quyền (Phần mềm Windows 10: 400 máy tính; Phần mềm Windows Server 2012: 11 máy; Phần mềm Windows Server 2019: 48 core; Phần mềm SQL Server 2014: 01 máy; Phần mềm SQL Server 2016: 03 máy; Phần mềm SQL Server 2017: 02 máy; Phần mềm Quản lý đào tạo của Công ty CMC; Phần mềm Quản lý văn bản điện tử iOffice của VNPT). Khoa TCNH sử dụng phần mềm Corebanking để dạy học cho sinh viên chuyên ngành TCNH thực hành các hoạt động nghiệp vụ tại ngân hàng ảo.

Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh (QĐ số 1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/2013). Theo đó, “Trung tâm Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn

thông tin, dữ liệu trên hệ thống máy chủ của Nhà trường. Việc bảo quản sao lưu dữ liệu được thực hiện trên máy chủ đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin. Trung tâm có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, bảo mật những thông tin trên mạng của Nhà trường ... Người sử dụng chịu trách nhiệm hoàn toàn về các thông tin do mình cung cấp lên mạng..” (Điều 7); “Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm định kỳ quét virus máy tính cho các máy chủ tại Trung tâm và thường xuyên cập nhật các chương trình chống vi rút, các bản sửa lỗi hệ thống mới nhất; ..” (Điều 8).

Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm tổ chức vận hành quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường; việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng (QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/04/2016; số 2396/QĐ – ĐHV, ngày 6/9/2019).

Các dữ liệu về quản lí Nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CMC, e-Office, LMS, Trí nam được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Năm học 2019 - 2020, do ảnh hưởng dịch covid-19, Nhà trường còn áp dụng thêm phần mềm dạy học Zoom, Microsoft Team và LMS.

Để giúp người dùng khai thác hiệu quả, an toàn hệ thống CNTT và các phần mềm, Nhà trường/Trung tâm CNTT đã có các văn bản hướng dẫn, hỗ trợ người dùng khai thác, sử dụng hiệu quả; Hướng dẫn dạy và học trực tuyến đối với tất cả các bậc học, loại hình đào tạo (Hướng dẫn số 03/HD-ĐHV ngày 19/2/2020); Hướng dẫn dạy học và đánh giá kết quả học tập trực tuyến (Hướng dẫn số 267/ĐHV-ĐT ngày 27/3/2020); thống nhất sử dụng tài khoản truy cập các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin (Công văn số 131/ĐHV-TCCB ngày 07/2/2018);

triển khai hệ thống xác thực mạng không dây (wifi) (Công văn số 1483/ĐHV-CNTT ngày 14/12/2017); Hướng dẫn sử dụng nhanh hệ thống email Trường ĐH Vinh (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/chia-se-cong-nghe/seo/huong-dan-su-dung-nhanh-he-thong-email-truong-dai-hoc-vinh-96009>); Hướng dẫn cài đặt phần mềm iSpring (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/seo/huong-dan-cai-dat-phan-mem-ispring-104867>); 4 Bước để tham gia một cuộc họp trực tuyến với Microsoft Teams (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/seo/4-buoc-de-tham-gia-mot-cuoc-hop-truc-tuyen-voi-microsoft-teams-97177>); Hướng dẫn đưa ngân hàng câu hỏi và tạo đề thi trắc nghiệm trên Hệ thống e-Learning (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/dao-tao-qua-mang/seo/huong-dan-dua-ngan-hang-cau-hoi-va-tao-de-thi-trac-nghiem-tren-he-thong-elearning-97016>); Hướng dẫn đăng ký bổ sung cho sinh viên lớp ảo trên Hệ thống VinhUni e-Learning (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/dao-tao-qua-mang/seo/huong-dan-dang-ky-bo-sung-cho-sinh-vien-lop-ao-tren-he-thong-vinhuni-elearning-96129>); Một số kinh nghiệm sử dụng Zoom có hiệu quả (<https://trungtamcntt.vinhuni.edu.vn/dao-tao-qua-mang/seo/mot-so-kinh-nghiem-su-dung-zoom-co-hieu-qua-96836>).

Khảo sát trực tiếp hệ thống CNTT tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN thấy hệ thống CNTT của Nhà trường hoạt động ổn định và đã hỗ trợ các hoạt động của Nhà trường.

Định kỳ, Trường lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để thay thế những thiết bị cấu hình thấp, kém hiệu quả và sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp thiết bị CNTT đảm bảo cho hệ thống hoạt động được đồng bộ, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu (QĐ số 1393/QĐ-ĐGV ngày 25/11/2016 số 219/QĐ-ĐHV ngày 03/4/2018). Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 74.328 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT (Năm 2016: 16.457 triệu đồng; năm học 2017: 19.641 triệu đồng; năm 2018: 15.127 triệu đồng; năm 2019: 9.851 triệu đồng; năm 2020: 13.252 triệu đồng).

Ví dụ, năm 2019, theo QĐ số 3954/QĐ-ĐHV ngày 24/10/2019, Nhà trường đã phê duyệt Đề án nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin của Trường Đại học Vinh; năm 2021, theo QĐ số 2511/QĐ-ĐHV ngày 23/09/2021, Nhà trường đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị công nghệ thông tin và các thiết bị khác”.

Hằng năm, Nhà trường khảo sát người học về chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT và mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trung tâm CNTT (Năm học 2016 -2017: 81,5% ; năm học 2017-2018: 89,3% ; năm học 2018-2019: 89,3%; năm học 2019 – 2020: 89,2%) (Các báo cáo: số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020). Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức hằng năm (Các báo cáo ngày 25/9/2017; ngày 20/9/2018; ngày 22/9/2019; ngày 24/10/2020).

Trong các buổi họp đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV, người học cũng đã có những ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT (Kế hoạch số 02/KH-ĐHV ngày 19/1/2016; số 02/KH-ĐHV ngày 11/1/2017; số 02/KH-ĐHV ngày 04/1/2018; số 01/KH-ĐHV ngày 07/1/2019; số 01/KH-ĐHV ngày 03/1/2020).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.4

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Kết quả trao đổi với các nhóm đối tượng cho thấy “Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm”.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.4

Trung tâm CNTT cần phối hợp chặt chẽ cùng các khoa rà soát, đánh giá tính năng của phần mềm quản lý dạy học, đề xuất với Nhà trường các giải pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học trực tuyến.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT.

Nhà trường nên tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống mạng internet, nhất là mạng wifi để phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, NCKH của CBQL, GV và SV.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.4: 4

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 9.5

Trên cơ sở các quy định của pháp luật: Luật an toàn vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật PCCC (số 27/2001/QH10; số 40/2013/QH13); Nghị định quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường (số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Nghị định quy định bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018); Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 28/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phòng chống dịch bệnh viêm nhiễm đường hô hấp do chủng virus Corona gây ra; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (Công văn số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Hướng dẫn khám sức khỏe (Thông tư số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) và các quy định của UBND tỉnh Nghệ An, Nhà trường đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự (QĐ số 3057/KH-ĐH ngày 7/10/2013); Quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (QĐ số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015); Ban hành các chỉ thị/thông báo về tăng cường bảo đảm an ninh trật tự trường học và an toàn giao thông; phòng chống dịch Covid19 (Các thông báo: số 35/ĐHV-CTCTHSSV ngày 12/01/2016; số 328/ĐHV-CTCT-HSSV ngày 24/3/2016; 513/ĐHV-CTCTHSSV ngày 29/4/2016; số 418/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 23/4/2018; số 539/ĐHV-CTCTHSSV ngày 18/5/2018; số 409/ĐHV-HTSVQHĐN ngày 16/3/2020; số 589/ĐHV-QTĐT ngày 24/5/2021; số 06/CV-BCĐ ngày 14/12/2021); Hướng dẫn phòng chống bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (nCoV) gây ra (Hướng dẫn số 02/HD-ĐHV ngày 04/12/2020); Ký hợp đồng bảo hiểm cháy nổ Trạm Biến áp; Nhà ở sinh viên; Nhà và tài sản Trường mầm non với Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An (Các hợp đồng số 005-03/18/03.KA/HĐ/00013 ngày 22/5/2018; số 005-03/20/03.KA/HĐ/00008 NGÀY 15/02/2020).

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh (QĐ số 3441/QĐ-ĐHV ngày 29/10/2013; số 5085/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2015; số 158/QĐ-ĐHV ngày 17/01/2019); kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ (QĐ số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017; số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018; số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019); thành lập Đội Phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ (QĐ số 320/QĐ-ĐHV ngày 12/3/2017). Nhà trường đã xây dựng các phương án PCCC; Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt (Phương án chữa cháy khu nhà ở sinh viên; Khoa Nông Lâm; ...). Trạm Y tế được thành lập (QĐ số 871/TCCB ngày 21/4/2008). Để bảo đảm sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người học, Nhà trường đã ký hợp đồng với các bệnh viện để khám sức khỏe cho CB, GV, người học (Hợp đồng số 16/HĐKSK/2016 ngày 01/9/2016; số 09/HĐKSK ngày 11/8/2017; số 23/HĐKSK/2018 ngày 26/8/2018; số 14/HĐKSK/20 ngày 06/9/2020...). Để bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường, Nhà trường ký kết Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Bảo vệ INVICO (Hợp đồng số 31/HĐKT.ĐHV-INVICO ngày 28/3/2019) và Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh (HĐ số 06/2019/HĐDV ngày 02/01/2019). Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2016 tại Trường Đại học Vinh (Các kế hoạch: số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016; số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2019); Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2016 - 2017; Kế hoạch tổ chức hội nghị công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, nội trú, ngoại trú và công tác học sinh, sinh viên năm học 2017 - 2018 (Các kế hoạch: số 45/KH-ĐHV ngày 08/11/2016; số 36/KH-ĐHV ngày 12/10/2017; 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018; số 50/KH-ĐHV ngày 04/10/2019; số 75/KH-ĐHV ngày 16/11/2020); Kế hoạch triển khai công tác an ninh trật tự và phong trào toàn dân

bảo vệ an ninh tổ quốc (Các kế hoạch: số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016; số 07/KH-ĐHV ngày 28/02/2019; số 14/KH-ĐHV ngày 21/02/2020; số 08/KH-ĐHV ngày 21/01/2021); Kế hoạch phòng, chống dịch cúm A (H7N9) ở người trên địa bàn Trường Đại học Vinh (Kế hoạch số 14/Kh-ĐHV ngày 07/4/2017); Kế hoạch ứng phó với tình huống dịch Covid19 (Kế hoạch số 125/KH-ĐHV ngày 03/12/2021). Định kỳ, Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 1 tỉnh Nghệ An xây dựng và triển khai thực tập phương án chữa cháy (Kế hoạch số 06/KH-CSPCCC-PS1 ngày 11/6/2018; Thông báo số 402/ĐHV-TCCB ngày 14/5/2020) và kiểm tra công tác PCCC (Biên bản ngày 18/4/2018; ngày 05/12/2018..). Hằng năm, Nhà trường đã chi kinh phí để triển khai các hoạt động PCCC. Ví dụ, theo đề nghị của Phòng Quản trị - Đầu tư, năm 2018, Nhà trường đã chi 200 triệu đồng để triển khai các biện pháp PCCC. Trong chu kỳ KĐCLGD, không xảy ra hiện tượng mất an toàn, mất an ninh trật tự trong khuôn viên Trường.

Hằng năm, Nhà trường khảo sát người học về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% người học hài lòng với chất lượng hoạt động của Trạm Y tế, Phòng Bảo vệ (kết quả cụ thể như sau: năm học 2016-2017: đạt tỷ lệ 80,7% và 82,6%; năm học 2017-2018: là 88,8% và 90,8%; năm học 2018-2019: là 88,2% và 82,7%; năm học 2019-2020: là 89,0% và 87,4%). Kết quả khảo sát người học các năm học 2019-2020 và 2020 - 2021 cho thấy: có trên 81,0% người học ngành TCNH hài lòng đối với “Công tác bảo đảm an ninh trật tự” (Năm học 2019-2020: 81,88% ; năm học 2020-2021: 84,19%) (Báo cáo số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016; số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017; số 19/BC-ĐHV ngày 17/4/2018; số 16/BC-ĐHV ngày 17/4/2019; số 41/BC-ĐHV ngày 29/6/2020; ngày 15/11/2021).

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khác (CB, GV, NV) được thực hiện thông qua hội nghị viên chức do Công đoàn Trường tổ chức

hàng năm (Các báo cáo: ngày 25/9/2017; ngày 20/9/2018; ngày 22/9/2019; ngày 24/10/2020).

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chí 9.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 9.5

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hàng năm).

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 9.5

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường bằng các phiếu khảo sát để có thể thu thập được nhiều thông tin một cách chính thống phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có):

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 9.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 9

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 9:

Các cơ sở để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 87.876 m².

Các phòng làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được trang bị máy tính, máy in được kết nối internet, có tủ đựng tài liệu và được trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công việc

Các phòng học, hội trường đều được trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng. Thư viện điện tử của Nhà trường được kết nối với thư viện điện tử của các cơ sở giáo dục khác.

Thư viện trường có 124 máy tính được nối mạng internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tra cứu tài liệu online cho người học, được kết nối với khá nhiều thư viện trong nước.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành - thí nghiệm được quy hoạch quản lý sử dụng tập trung bởi Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Nhà trường đã chi 5.474,16 triệu đồng để duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

Hệ thống mạng internet và wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

Các dữ liệu về quản lý Nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ, được cập nhật thường xuyên thông qua các phần mềm CMC, Trí Nam, e-Office, LMS đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường. Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã đầu tư 74.328 triệu đồng mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị CNTT.

Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học Trường Đại học Vinh; kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt – Phòng chống cháy nổ; thành lập Đội Phòng chống bão lụt – phòng chống cháy nổ. Nhà trường đã xây dựng các Phương án PCCC; Phương án cứu nạn, cứu hộ được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ tỉnh Nghệ An phê duyệt và tổ chức luyện tập.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 9:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 9:

Khoa/bộ môn chưa được bố trí phòng làm việc, sinh hoạt chuyên môn

riêng; không gian làm việc của cán bộ giảng viên khá chật hẹp.

Thư viện chưa đáp ứng đầy đủ giáo trình tài liệu học tập theo danh mục tài liệu được quy định tại các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã yêu cầu Thư viện tìm 50 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo được quy định trong 12 đề cương chi tiết các học phần được Đoàn ĐGN lựa chọn ngẫu nhiên của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng. Kết quả, Thư viện đã đưa ra được 40 đầu giáo trình, tài liệu Đoàn ĐGN yêu cầu.

Theo số liệu kiểm kê tháng 01 năm 2021, phần lớn các trang thiết bị điện tử (máy tính, camera, ..) của Thư viện đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Hợp đồng CSDL Proquest Central số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 đã hết hiệu lực.

Một số biên bản kiểm kê các trang thiết bị dạy học thực hiện chưa ghi đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định (Thành phần tổ kiểm kê, ngày kiểm kê, vị trí...). Một số cán bộ quản lý các phòng thực hành chưa ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành.

Việc khảo sát CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

Kết quả phỏng vấn các đối tượng liên quan cho thấy có một số thời điểm mạng wifi còn chậm.

Kết quả trao đổi với các nhóm đối tượng cho thấy “Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm”.

Việc khảo sát cán bộ, giảng viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường chưa bài bản (Thu thập thông tin phản hồi thông qua hội nghị viên chức hằng năm).

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường nên xem xét và bố trí phòng làm việc, phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/bộ môn và bố trí thêm diện tích không gian làm việc cho đội ngũ giảng viên.

Thư viện của Nhà trường cần hằng năm thu thập nhu cầu sách/tài liệu học tập của từng khoa để đảm bảo thống kê đủ các đầu sách ghi trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT để mua bổ sung cho Thư viện Trường nhằm bảo đảm Thư viện của Trường cung cấp kịp thời và đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, tham khảo được quy định trong các đề cương chi tiết học phần của các CTĐT hiện đang được triển khai đào tạo tại Trường. Nhà trường cần đảm bảo hằng năm cấp đủ kinh phí để Thư viện cập nhật đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của các khoa.

Thư viện cần phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát lại mức độ đáp ứng yêu cầu của các trang thiết bị, đề xuất Nhà trường thanh lý các trang thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu và có kế hoạch mua bổ sung các trang thiết bị thay thế.

Nhà trường cần rà soát, đánh giá nhu cầu và hiệu quả khai thác sử dụng CSDL Proquest Central để có kế hoạch ký tiếp hợp đồng để bảo đảm Thư viện cung cấp đủ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH

Nhà trường cần quy định cụ thể về các bước phải thực hiện khi kiểm kê để hướng dẫn đội ngũ cán bộ, nhân viên kiểm kê thực hiện đúng quy định.

Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm cần định kỳ kiểm tra và nhắc nhở các nhân viên quản lý các phòng thực hành - thí nghiệm ghi đầy đủ các thông tin trong sổ nhật ký sửa chữa, thay thế thiết bị tại phòng thực hành theo quy định của mẫu biểu.

Trung tâm CNTT cần phối hợp chặt chẽ cùng các khoa rà soát, đánh giá tính năng của phần mềm quản lý dạy học, đề xuất với Nhà trường các giải pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy và học

trực tuyến.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với nhu cầu đào tạo và NCKH của Trường bằng các phiếu khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống CNTT.

Nhà trường nên tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo hệ thống mạng internet, nhất là mạng wifi để phục vụ tốt hơn công tác đào tạo, NCKH của CBQL, GV và SV.

Nhà trường cần khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về môi trường, sức khỏe và an toàn trong khuôn viên của Trường bằng các phiếu khảo sát để có thể thu thập được nhiều thông tin một cách chính thống phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4,00
<i>Tiêu chí 9.1</i>	4
<i>Tiêu chí 9.2</i>	3
<i>Tiêu chí 9.3</i>	5
<i>Tiêu chí 9.4</i>	4
<i>Tiêu chí 9.5</i>	4

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.1

Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016; QĐ số 2396/QĐ-ĐHV, ngày 6/9/2019), trong đó quy định Phòng Đào tạo, Trung tâm Đảm bảo chất lượng cùng các đơn vị có trách nhiệm thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ cải tiến chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có xây dựng, cải tiến các CTDH. Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường ĐH Vinh (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dịch vụ giáo dục công các năm 2017-2021 tại Trường ĐH Vinh (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; số 1138/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; số 3429/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; số 3541/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017). Trong các văn bản này đã xác định rõ các bước và trách nhiệm các đơn vị trong việc khảo sát các bên liên quan.

Trong giai đoạn KĐCLGD, mỗi khi tiến hành xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, Nhà trường đã ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện các hoạt động này như: Hướng dẫn xây dựng CTĐT ĐH theo tiếp cận CDIO (Số 10/HD/ĐHV, ngày 30/6/2016); Quy định xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019...). Các văn bản này đều đã đề cập đến việc khảo sát nhu cầu của các bên liên quan cho việc xây dựng và phát triển CTDH tại các đơn vị.

Trên cơ sở các văn bản quy định, hướng dẫn và sự phân công của Nhà trường, Khoa đã triển khai việc xây dựng, rà soát, cập nhật, thẩm định và phát triển CTĐT ngành Tài chính-Ngân hàng. Bên cạnh việc tổng hợp các thông tin từ kết quả khảo sát định kỳ do Nhà trường thực hiện với SV, cựu SV, CBGV và NV, Khoa đã xúc tiến thu thập thông tin phản hồi của nhà tuyển dụng và các chuyên gia (ví dụ: năm 2017 đã khảo sát 30 nhà tuyển dụng và 10 chuyên gia kinh tế và giáo dục từ các trường ĐH có ngành Tài chính - Ngân hàng trong cả nước) để làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

Ý kiến của các bên liên quan, nhất là của nhà quản lý, chuyên gia, GV, SV, người sử dụng lao động, đại diện hội nghề nghiệp... về nhu cầu nguồn nhân lực, về cấu trúc, khối lượng kiến thức tối thiểu của CTDH cùng sự phù hợp của CTĐT... đã được Khoa tập hợp và được thể hiện trong các báo cáo kết quả khảo sát và những đề xuất về những thay đổi đối với CĐR, CTĐT (Số 159/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 17/2/2017, số 76/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 22/1/2019...). Trên cơ sở các ý kiến này Khoa đã tiến hành xây dựng và phát triển CTDH ngành Tài chính kế toán.

Trong đợt rà soát, cập nhật CTĐT năm 2019 Khoa đã sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật CTĐT. Cụ thể, theo yêu cầu các bên liên quan Khoa đã điều chỉnh CTĐT theo hướng giảm thời lượng của CTĐT từ 132 tín chỉ (năm 2016) xuống 125 tín chỉ (năm 2017) và duy trì ở thời lượng 126 tín chỉ (năm 2019 và năm 2021)...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.1

Dung lượng mẫu cho khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu người học cho chỉnh sửa CĐR và CTĐT còn nhỏ, nhất là khảo sát người sử dụng lao động và cựu người học, vì vậy thông tin thu được khó đảm bảo tính đại diện cho các ý kiến đóng góp, làm giảm hiệu quả

sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan cho điều chỉnh CDR và phát triển CTĐT.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.1

Trong khảo sát ý kiến các bên liên quan cho phát triển CTĐT, Nhà trường/Khoa cần xác định kích thước mẫu khảo sát đủ lớn, nhất là khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động và cựu sinh viên để đảm bảo tính đại diện và hiệu quả của việc sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan cho điều chỉnh CDR và phát triển CTĐT.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.1: 4

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.2

Nhằm triển khai các quy định của Bộ GD&ĐT về xây dựng, đánh giá, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn xây dựng CTĐT ĐH theo tiếp cận CDIO (Số 10/HD/ĐHV, ngày 30/6/2016); Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019).

Theo Quy định xây dựng và phát triển CTĐT trình độ ĐH số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019, Nhà trường yêu cầu các khoa tổ chức rà soát cập nhật CDR theo quy trình 5 bước; xây dựng CTĐT theo 7 bước; thẩm định và ban hành CTĐT theo quy trình 3 bước và rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT định kỳ theo 5 bước sau: i) Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; ii) Thu thập thông

tin, minh chứng về sự cần thiết phải cập nhật CDR, CTĐT và đề cương học phần; iii) Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; iv) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua; v) Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành. Như vậy, các bước triển khai đánh giá và cập nhật CDR, CTĐT và đề cương học phần của Trường đã bao quát khá đầy đủ quy trình phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Nhà trường đã 2 lần thay đổi quy trình rà soát điều chỉnh CTĐT phù hợp với 2 văn bản hướng dẫn ban hành các năm 2016 và 2019. Điều đó có nghĩa mỗi khi tổ chức xây dựng và phát triển CTĐT, Nhà trường đều rà soát, đánh giá và xem xét lại quy trình được xây dựng trong văn bản hướng dẫn trước đó, bổ sung, cải tiến, hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với điều kiện thực tế của giai đoạn mới. Để có đủ thông tin và cơ sở cho việc rà soát, đổi mới quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường/Khoa đã tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo (Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo mở rộng xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO, ngày 7/9/2020; Biên bản ngày 4/3/2019), đã tham khảo ý kiến của CB, GV, NV trong hội nghị Tổng kết năm học.

Năm 2016, trên cơ sở ý kiến đóng góp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về rà soát quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT, trong văn bản Hướng dẫn năm 2016, Nhà trường đã đổi mới quy trình xây dựng, phát triển, thẩm định CTĐT theo tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, năng lực theo nhu cầu xã hội, thông qua việc nhấn mạnh sự cần thiết lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở khoa học cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Năm 2019, trên cơ sở rà soát quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành trong Hướng dẫn năm 2016, Nhà trường đã tách biệt các bước cụ thể cho quy trình

xây dựng, thẩm định, ban hành ngành đào tạo mới và các bước cụ thể cho rà soát, đánh giá, cập nhật CDR, CTĐT, đề cương học phần...

Trong chu kỳ KĐCLGD, CTĐT trình độ ĐH ngành Tài chính-Ngân hàng được rà soát, đánh giá, cập nhật vào các năm: 2017, 2019 và 2020. Tại mỗi lần rà soát, cập nhật CTĐT, Khoa đã quán triệt nội dung văn bản hướng dẫn về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT của Nhà trường, đề xuất quy trình gắn với các nhiệm vụ được Nhà trường giao cho Khoa. Chẳng hạn, trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT năm 2019, Khoa đã tổ chức họp Hội đồng Khoa, tổ chức lấy ý kiến góp ý của GV, nhà quản lý, các chuyên gia về CTDH; đã thống nhất thực hiện quy trình phát triển CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng theo các bước như trong QĐ số 2382/QĐ-ĐHV, ngày 04/9/2019 của Nhà trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.2

Thực tế cho thấy vẫn còn một bộ phận CBGV chưa nắm thật vững quy trình thiết kế và phát triển CTDH, chưa tham gia tích cực vào quá trình xây dựng và phát triển, cập nhật CDR và CTDH.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.2

Nhà trường, Khoa cần phổ biến rộng rãi và tập huấn cho tất cả CBGV thuộc CTĐT các văn bản hướng dẫn về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT; đồng thời cần có cơ chế và giải pháp phù hợp để thu hút được đội ngũ GV tham gia vào quá trình xây dựng và cập nhật CDR và CTĐT.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.2: 4

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.3

Nhà trường đã có hệ thống các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT: Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 868/QĐ-ĐHV, ngày 2/4/2013); Quy định tạm thời về đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO (QĐ số 2155/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017), trong đó đã quy định về đánh giá phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đạt CĐR; Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần (QĐ số 132/QĐ-ĐHV, ngày 23/2/2017); Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017); Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 991/QĐ-ĐHV, ngày 25/3/2014); Hướng dẫn biên soạn đề thi và công tác tổ chức thi, kiểm tra theo hình thức online theo CTĐT tiếp cận CDIO (Hướng dẫn số 05/HD-ĐHV, ngày 28/2/2017)...

Nhà trường đã giao cho các khoa/bộ môn theo dõi, đánh giá, giám sát, quá trình dạy - học, xây dựng và thực hiện việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo CĐR. Theo đó, hằng năm Khoa đã tổ chức thực hiện trao đổi, họp Khoa/Hội đồng Khoa nhằm rà soát, đánh giá hoạt động dạy và học của GV và SV. Nghiên cứu nội dung các biên bản họp Hội đồng Khoa giai đoạn 2016-2021, báo cáo kết quả công tác thanh tra các học kỳ, Báo cáo công tác rà soát ngân hàng câu hỏi đề thi chính quy các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020... cho thấy công tác rà soát, đánh giá việc dạy và học và kết quả học

tập của SV đã được thực hiện thường xuyên ở từng năm học và những ý kiến đánh giá thực sự hữu ích cho GV khi thực hiện đề cương học phần ở cả mặt nội dung, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hiện bài giảng để hướng đến đạt CDR của học phần và của ngành học.

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT và đề cương học phần theo định kỳ (năm 2017, năm 2019 và năm 2020), bên cạnh rà soát về nội dung, cấu trúc các học phần, Khoa đã tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá được sử dụng; đã cải tiến và bổ sung ma trận kết nối giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá với CDR của học phần; xây dựng rubric của các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả người học.

Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn giữa các GV thực hiện CTĐT ngành Tài chính-Ngân hàng để hướng đến lựa chọn các tổ hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CDR của các học phần và CDR của CTĐT.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học đã được Nhà trường thực hiện định kỳ với hầu hết các học phần và coi đó là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy-học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CDR của học phần, CDR của ngành học. Ví dụ, năm 2019, Nhà trường đã khảo sát ý kiến phản hồi của 43 SV cuối khóa ngành Tài chính - Ngân hàng về chất lượng các hoạt động của Nhà trường, trong đó có hoạt động giảng dạy của GV của Khoa. Kết quả khảo sát: với tiêu chí “Giảng viên có kỹ năng sư phạm và sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau” có 86,05% ý kiến đánh giá tốt; 4,65% ý kiến đánh giá khá; với tiêu chí “Giảng viên thông báo đầy đủ tiêu chí đánh giá cho từng học phần” có 81,40% ý kiến đánh giá tốt; 9,30% ý kiến đánh giá khá ... Kết quả khảo sát đã giúp Khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá ở từng học phần nhằm đảm bảo đạt CDR của ngành học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.3

Nhà trường chưa có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về việc sử dụng kết quả các ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho việc cải tiến quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Việc tổ chức thực hiện các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá chưa được đều đặn hằng năm cả ở cấp Trường và cấp Khoa.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.3

Nhà trường nên có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng việc sử dụng kết quả ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho việc cải tiến quá trình dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Hằng năm, Trường/Khoa nên tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá, để thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn và của từng GV.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.3: 4

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.4

Trong Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường ĐH Vinh (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016) và Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển KHCN Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025 (QĐ số 1069/QĐ-ĐHV, ngày 6/11/2018) đã đặt ra mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Nhà trường...; phát triển và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao. Đổi mới phương pháp dạy học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, tạo điều kiện cho người học làm quen, tiếp cận với công tác NCKH... Theo từng năm học, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch công tác NCKH của Trường (KH số 3254/ĐHV-KHTB&HTQT, ngày 8/9/2015; QĐ số 76/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018...). Theo đó, Khoa Kinh tế đã triển khai nhiệm vụ NCKH của đội ngũ CBGV và SV trong Khoa.

Trong chu kỳ KĐCLGD, đội ngũ CBGV của Khoa/Bộ môn đã triển khai thực hiện có kết quả nhiều đề tài NCKH. Cụ thể, Khoa đã triển khai, thực hiện 46 đề tài khoa học các cấp; đã công bố 322 bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, trong đó có 83 bài báo công bố quốc tế; Bộ môn Tài chính Ngân hàng đã thực hiện 9 đề tài khoa học các cấp, công bố 48 bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, trong đó có 10 công bố quốc tế;... Phần lớn các đề tài NCKH, các bài báo công bố trong nước và quốc tế của CBGV và SV trong Khoa có liên quan đến nội dung và hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV, đã góp phần đáng kể nâng cao trình độ của đội ngũ GV và chất lượng giảng dạy trong Khoa.

Nhiều đề tài khoa học, các công bố của Khoa đều có tính ứng dụng cao, được đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín như Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế Toán, Tạp chí Tài chính, Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương, Banks and Bank Systems, Asian Economic and Financial Review... và đều gắn trực tiếp với lĩnh vực đào tạo. CBGV thuộc CTĐT đã thực hiện nhiều đề tài trọng điểm cấp cơ sở cho nâng cao chất lượng nội dung, phương pháp

giảng dạy của các học phần theo tiếp cận CDIO. Một số sản phẩm NCKH của GV đã được chuyển tải thành học liệu, chuyên đề phục vụ công tác giảng dạy trong các học phần thuộc CTĐT của ngành học. Trong đó, tiêu biểu là công trình nghiên cứu: “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kinh tế vi mô tiếp cận CDIO” được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của học phần Kinh tế vi mô; công trình nghiên cứu: “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế tiếp cận CDIO” được chuyển tải thành nội dung giảng dạy học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế; công trình “Giải pháp Marketing lãnh thổ thu hút vốn FDI vào Tỉnh Nghệ An” được chuyển tải thành nội dung giảng dạy trong học phần: “Quản trị tài chính”... Hầu hết các đề tài NCKH, báo cáo khoa học, bài báo khoa học đã trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho việc giảng dạy và học tập các học phần của CTĐT.

Các sản phẩm NCKH của Khoa/Bộ môn ngoài việc được sử dụng trực tiếp làm tài liệu phục vụ giảng dạy các học phần trong CTDH, còn được vận dụng để cải tiến CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Tiêu biểu trong số đó là kết quả nghiên cứu của đề tài: “Nghiên cứu xây dựng CDR của CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng tiếp cận CDIO”; đề tài “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức *Kiến thức tài chính tiền tệ* theo tiếp cận CDIO”; đề tài “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức *Kiến thức tài chính chứng khoán và thẩm định giá* theo tiếp cận CDIO”... những đề xuất khuyến nghị trong các nghiên cứu đó đã giúp Nhà trường, Khoa có những điều chỉnh cải tiến phù hợp trong các hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành Tài chính – Ngân hàng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.4

Số lượng CBGV của Khoa chưa làm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài cấp tỉnh, cấp bộ, đề tài Nafosted hoặc cấp Nhà nước chưa nhiều.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.4

Nhà trường, Khoa cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đội ngũ CB, GV tham gia đề xuất, đấu thầu đề tài NCKH các cấp, đặc biệt là các đề tài phục vụ nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp, đề tài cấp Bộ/ngành, cấp tỉnh, làm cơ sở thúc đẩy công bố quốc tế và sự gắn kết giữa NCKH với công tác giáo dục và đào tạo của Nhà trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.4: 5

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.5

Nhà trường đã ban hành các văn bản: Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của Trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính trong Trường (số 291/TB-ĐHV, ngày 4/11/2016)... Trong các văn bản này đã có quy trình đánh giá các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Các hoạt động khảo sát, từng bước trong quy trình khảo sát về các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích đều được Nhà trường giao cho các đơn vị cụ thể chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện trong Quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (QĐ số 2396/QĐ-

ĐHV, ngày 6/9/2019), như Trung tâm Thông tin - Thư viện có trách nhiệm lấy ý kiến của bạn đọc.. Theo đó, các đơn vị trực thuộc xây dựng và triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tổ chức báo cáo tổng kết năm học.

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL phối hợp với các đơn vị đã xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về CB viên chức và các hoạt động của Trường. Nội dung đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được lồng ghép vào trong phiếu hỏi của các khảo sát này. Trong một số trường hợp khảo sát về dịch vụ hỗ trợ đã được tách riêng như khảo sát của Trung tâm Thông tin - Thư viện về sự hài lòng của đọc giả, khảo sát sự hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục công (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017)...

Nghiên cứu các báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường trong giai đoạn 2015-2020, Báo cáo công tác kiểm kê tài sản hàng năm của Trường, các biên bản họp Khoa lấy ý kiến đóng góp về các dịch vụ hỗ trợ GV, người học và CSVC của Nhà trường từ năm học 2016-2017 đến nay, các báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của các đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, hệ thống CNTT, tư vấn đào tạo, CTCT&HSSV, các tổ chức đoàn thể... đã cho thấy các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này đã được triển khai hàng năm, được định kỳ đánh giá kết quả đạt được.

Ví dụ, học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, kết quả khảo sát gần 9 nghìn lượt SV đối với dịch vụ hỗ trợ tiện ích như về hệ thống cơ sở vật chất, Thư viện và hoạt động dịch vụ của các phòng ban và trung tâm cho thấy: đối với tiêu chí “Cơ sở dữ liệu, nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu của người học” có 80,5% ý kiến đánh giá tốt, 14,4% đánh giá khá; đối với tiêu chí “Thái độ, tính thần làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ hành chính trong quá trình đào tạo” có 79,5% ý kiến đánh giá tốt, 14,0% đánh giá khá” . . .

Hằng năm, trên cơ sở các kết quả khảo sát, các báo cáo tổng kết của Khoa và Nhà trường, các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như: Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm CNTT, Trung tâm Nội trú, Phòng CTCT&HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính Tổng hợp, Đoàn Thanh niên...Nhà trường đã có nhiều cải tiến chất lượng dịch vụ, như cải tiến chất lượng quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT: năm 2021 đã phối hợp với Microsoft Việt Nam triển khai sử dụng phần mềm Office 365 Education cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên công nghệ điện toán đám mây trong dạy và học; cải tiến chất lượng phục vụ của Thư viện: từ năm 2016 đến năm 2020 số tài liệu điện tử đã tăng lên nhiều lần; nguồn tài liệu của Thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos; Trung tâm Thông tin – Thư viện đã tham gia liên hiệp thư viện, liên kết mua bản quyền truy cập sử dụng CSDL Proquest Central... Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường đã đầu tư số kinh phí trên 7.129 triệu đồng cho mua tài liệu, giáo trình; đầu tư kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản trên 517.166 triệu đồng, trong đó cho phát triển hệ thống CNTT là 74.328 triệu đồng ...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.5

Nghiên cứu Hồ sơ, minh chứng của một số kết quả khảo sát và báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ và tiện ích cho thấy: Nhà trường và Khoa chưa thật chú ý đến vai trò, ý nghĩa của kênh thông tin khảo sát để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu của người học và CBGV, NV của Nhà trường.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.5

Nhà trường và Khoa cần đầu tư nhiều hơn về nhân lực và vật lực cho nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập được các thông tin đóng

góp trực tiếp hữu ích cho việc phát triển CTĐT và tạo dựng cơ sở để đề xuất các giải pháp khả thi dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan; đồng thời cần đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng khảo sát, thống kê phân tích và viết báo cáo khảo sát cho CBGV và nhân viên để các kết quả khảo sát của Nhà trường thật sự hữu ích cho việc cải tiến các hoạt động của Nhà trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.5: 4

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 10.6

Trên Website của Trung tâm ĐBCL, Trường Đại học Vinh (<https://trungtamdbcl.vinhuni.edu.vn/thong-bao-van-ban/seo/chuc-nang-nhiem-vu-trung-tam-dam-bao-chat-luong-66995>) đã công khai chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm: “phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xử lý, phân tích, đối sánh phát hiện các mặt mạnh và tồn tại của các đơn vị”.

Nhà trường đã ban hành: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); QĐ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục công (QĐ số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; QĐ số 1138/QĐ-ĐHV, ngày 27/11/2018; QĐ số 3429/QĐ-ĐHV, ngày 12/12/2019; QĐ số 3541/QĐ-ĐHV, ngày 8/12/2020); Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính trong Trường (số 291/TB-ĐHV, ngày

4/11/2016); Kế hoạch khảo sát về việc làm với SV tốt nghiệp (KH số 08/KH-ĐHV, ngày 23/2/2017; KH số 51/KH-ĐHV, ngày 26/11/2018...). Theo đó, các cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động của Nhà trường được phân công cụ thể cho các đơn vị tổ chức thực hiện. Trung tâm ĐBCL là đơn vị chịu trách nhiệm khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV và một số khảo sát khác với các bên liên quan. Trung tâm phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát và phân tích, xử lý và sử dụng kết quả khảo sát phục vụ cho công tác cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Trong một năm học, theo kế hoạch công tác ĐBCL, các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành một số hoạt động khảo sát chính để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: i) khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động của viên chức và các hoạt động khác của Trường; ii) khảo sát ý kiến của SV năm cuối về khóa học; iii) khảo sát ý kiến CB, GV, NV và người học đối với hệ thống thông tin thư viện; iv) khảo sát ý kiến của cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo; v) khảo sát ý kiến của các đơn vị liên kết về công tác đào tạo...

Công cụ của từng khảo sát được thiết kế phù hợp với mục tiêu của loại khảo sát và được điều chỉnh thích ứng với đối tượng được khảo sát do các đơn vị tổ chức thực hiện. Tùy từng trường hợp cụ thể, Nhà trường/Khoa đã sử dụng phương pháp khảo sát phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin phản hồi. Các phương pháp thu thập ý kiến có thể là tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, trao đổi, thảo luận...; có thể là phát phiếu hỏi trực tiếp hoặc online hoặc qua điện thoại trực tiếp...

Hàng năm sau khi kết thúc đợt khảo sát, các đơn vị có đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến nội dung, phương pháp khảo sát... Trung tâm ĐBCL tổng hợp, ghi nhận ý kiến đóng góp, những đề xuất cần cải tiến của các đơn vị để đưa ra những cải tiến cho các khảo sát ở năm sau. Dựa trên việc rà soát,

đánh giá từ các ý kiến đề xuất của các đơn vị Nhà trường đã thực hiện một số cải tiến liên quan đến cơ chế phản hồi: định kỳ cập nhật nội dung phiếu khảo sát; nâng cấp phần mềm khảo sát đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hệ thống khảo sát trực tuyến ...

Căn cứ vào các dữ liệu của kết quả khảo sát, Nhà trường và các đơn vị phân tích, đánh giá và đề xuất những điều chỉnh, cải tiến chất lượng nhất định. Hằng năm, Khoa cũng như các đơn vị khác đều có Báo cáo về việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT và CDR và những cải tiến chất lượng dịch vụ khác.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 10.6

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 10.6

Tính hệ thống trong thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường thể hiện khá mờ nhạt, do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, như: Phòng CTCT & HSSV là đầu mối khảo sát SV, Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp là đầu mối khảo sát cựu SV, Phòng Đào tạo và các khoa là đầu mối khảo sát nhà tuyển dụng, Trung tâm ĐBCL là đầu mối khảo sát sự hài lòng về dịch vụ công. Do vậy, tại thời điểm KSCT, quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nằm ở nhiều văn bản khác nhau tùy thuộc vào các đơn vị, chưa mang tính thống nhất và hướng dẫn chung về các chi tiết/bước thực hiện, ví dụ: cách thức tổ chức thực hiện, thời điểm khảo sát, phương pháp khảo sát, kích thước mẫu tối thiểu và cách chọn mẫu với từng đối tượng khảo sát ... và đặc biệt là thiếu hướng dẫn về việc phân tích, xử lý dữ liệu và tổng hợp chung các kết quả khảo sát, đề xuất/khuyến nghị các giải pháp cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát tại các đơn vị liên quan...

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 10.6

Để đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ, Nhà trường cần thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan vào 1 đầu mối (phòng/đơn vị chức năng) để điều hành và tổ chức chung, từ đó xây dựng Quy chế/quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng, chi tiết với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: từ khâu thiết kế công cụ/phiếu khảo sát, phương pháp tổ chức thực hiện khảo sát, việc xác định mẫu khảo sát tối thiểu, việc phân tích, xử lý dữ liệu, mẫu báo cáo tổng kết các kết quả khảo sát và đề xuất các giải pháp cải tiến trong các cáo về kết quả khảo sát, chuyển giao và sử dụng các kết quả khảo sát...để đảm bảo các kết quả khảo sát các nhóm đối tượng khác nhau được khai thác sử dụng một cách hữu ích phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động của từng Khoa và Trường.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 10.6: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 10

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 10:

Với mỗi lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa đã thực hiện quy định của Nhà trường, đã sử dụng các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm cơ sở cho việc phát triển CTĐT.

Nhà trường đã có hệ thống các văn bản quy định và đã định kỳ triển khai việc rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT

Khoa đã triển khai thực hiện nhiều đề tài khoa học trọng điểm cấp cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng nội dung, phương pháp giảng dạy của

các học phần trong CTĐT theo tiếp cận CDIO.

Nhà trường đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua các phương thức khác nhau, làm cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 10:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 10:

Tính hệ thống trong thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường thể hiện khá mờ nhạt, do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện (ít nhất có 5 đầu mối). Do vậy tại thời điểm KSCT, quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nằm ở nhiều văn bản khác nhau tùy thuộc vào các đơn vị, chưa mang tính thống nhất và hướng dẫn chung về các chi tiết/bước thực hiện, ví dụ: cách thức tổ chức thực hiện, thời điểm khảo sát, phương pháp khảo sát, kích thước mẫu tối thiểu và cách chọn mẫu với từng đối tượng khảo sát ... và đặc biệt là thiếu hướng dẫn về việc phân tích, xử lý dữ liệu và tổng hợp chung các kết quả khảo sát, đề xuất/khuyến nghị các giải pháp cải tiến trong các báo cáo về kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khảo sát tại các đơn vị liên quan...

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 10:

Để đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ, Nhà trường cần thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan vào 1 đầu mối (phòng/đơn vị chức năng) để điều hành và tổ chức chung, từ đó xây dựng Quy chế/quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng, chi tiết với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: từ khâu thiết kế công cụ/phiếu khảo sát, phương pháp tổ chức thực hiện khảo sát, việc xác định mẫu khảo sát tối thiểu, việc phân tích, xử lý dữ liệu, mẫu báo cáo tổng kết các kết quả khảo sát và đề

xuất các giải pháp cải tiến trong các cáo về kết quả khảo sát, chuyển giao và sử dụng các kết quả khảo sát...để đảm bảo các kết quả khảo sát các nhóm đối tượng khác nhau được khai thác sử dụng một cách hữu ích phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động của từng Khoa và Trường.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4,00
<i>Tiêu chí 10.1</i>	4
<i>Tiêu chí 10.2</i>	4
<i>Tiêu chí 10.3</i>	4
<i>Tiêu chí 10.4</i>	5
<i>Tiêu chí 10.5</i>	4
<i>Tiêu chí 10.6</i>	3

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.1

Trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016); Quy chế công tác SV (QĐ số 1291/QĐ-ĐHV, ngày 15/8/2016)..., Nhà trường đã giao cho Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV phối hợp với các khoa chịu trách nhiệm chính trong giám sát người học thôi học, bỏ học và người học tốt nghiệp, học lại, thi lại, cảnh báo học vụ.... Đồng thời, tham gia việc thực hiện các nhiệm vụ này còn có các Trung tâm ĐBCL, đội ngũ CVHT. Công cụ hỗ trợ cho các hoạt động này của các đơn vị đã được Nhà trường xác định là phần mềm quản lý đào tạo CMC (QĐ số 4123/ĐHV-ĐT, ngày 02/11/2015).

Sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo CMC, các phòng chức năng và Khoa dễ dàng có được số liệu thống kê về danh sách SV bảo lưu, thôi học, danh sách SV tốt nghiệp của năm học. Trong chu kỳ KĐCLGD đối với CTĐT trình độ ĐH ngành Tài chính - Ngân hàng, Nhà trường và Khoa đã tiến hành thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên thôi học và tốt nghiệp hàng năm (xem bảng 11.1a và 11.1b).

Bảng 11.1a. Tỷ lệ thôi học theo năm học giai đoạn 2016-2021

Năm học	Quy mô SV	Năm 1 (%)	Năm 2 (%)	Năm 3 (%)	Năm 4 (%)	Trung bình (%)
2016 - 2017	548	0	1,46	0,36	0,73	0,64
2017 - 2018	440	0,23	1,14	0,45	0	0,46
2018 - 2019	375	0	1,33	0,8	0,27	0,6
2019 - 2020	288	0	0,35	0	0	0,09

2020 - 2021	296	0	0	0,68	0	0,17
-------------	-----	---	---	------	---	------

Bảng 11.1b. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn giai đoạn 2016-2020

Khóa SV	Số SV đầu khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)				
		TN sớm	Đúng hạn	Sau 1 năm	Sau 2 năm	Chung
2012-2016	237	0	79,32	3,8	1,27	84,39
2013-2017	176	0	71,02	4,55	1,7	77,27
2014-2018	148	0	74,32	6,76	1,35	82,43
2015-2019	159	0	65,41	7,55	-	72,96
2016-2020	56	0	62,5	1,79	-	64,29

Tỷ lệ thôi học của SV ngành Tài chính - Ngân hàng không cao, tập trung chủ yếu ở năm thứ hai; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn hằng năm đều ở mức khá cao, từ trên 60%. Bên cạnh việc cho biết về tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp, các dữ liệu ở các Bảng 11.1a và 11.1b còn cho thấy việc đối sánh các tỷ lệ này theo các năm học/khóa SV của CTĐT đã được thực hiện. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp với một số ngành học khác trong Trường. Ví dụ, đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp của CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng với CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử, cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp ở CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng cao hơn so với tỷ lệ tương ứng ở CTĐT ngành đối sánh (năm 2019, 2020 tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Tài chính - Ngân hàng là 64,41% và 62,5%; còn con số tương ứng của ngành Sư phạm Lịch sử là 49,02% và 63,63%).

Hằng năm sau khi nắm bắt được tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, Khoa đã tiến hành họp, phân tích các dữ liệu thống kê, số liệu đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (Biên bản họp Khoa từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021). Ví dụ, khi phát hiện ra SV thôi học tập trung nhiều ở năm thứ hai do chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở ĐH, chưa yên tâm với

ngành nghề; nguyên nhân chậm hay không tốt nghiệp là do nợ nhiều học phần..., Nhà trường/Khoa đã đề xuất giải pháp thúc đẩy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong tư vấn nghề nghiệp, phương pháp học ĐH cho SV mới hoặc hỗ trợ SV chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, lập sổ tay CVHT theo dõi tình hình học tập của SV theo từng năm học. Phòng Đào tạo đã cập nhật số liệu biến động từng học kỳ, phối hợp với Khoa tăng cường công tác cảnh báo học vụ, nhất là cảnh báo trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.1

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.1

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn chưa cao và đang có xu hướng giảm nhẹ trong mấy năm gần đây, tỷ lệ chậm hoặc không tốt nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ nhất định. Điều đó cho thấy một số biện pháp do Trường/Khoa đưa ra để tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học chưa thật hiệu quả.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.1

Nhà trường/Khoa cần phân tích kỹ nguyên nhân cơ bản của tình trạng không tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp chậm để đưa ra các giải pháp căn cơ nhằm tăng dần tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.1: 4

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.2

Theo chức năng và nhiệm vụ của Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016)..., Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV cùng với các khoa có trách nhiệm trong giám sát người học, theo dõi, thống kê số SV tốt nghiệp đúng, sớm/chậm so với kế hoạch, thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học thuộc các CTĐT. Với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo CMC, vào cuối mỗi kỳ xét và công nhận tốt nghiệp theo từng năm học, Nhà trường có được số liệu thống kê đầy đủ về thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng khóa học của tất cả các hệ/hình thức đào tạo thuộc các CTĐT đang được thực hiện tại Trường.

Dựa trên thời gian đào tạo được xác định đối với CTĐT đại học chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng là 4 năm, hằng năm Khoa đã thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp (SVTN) sớm, đúng thời gian 4 năm và số lượng SVTN chậm hơn so với thời gian 4 năm theo từng khóa học, trong đó theo quy định thời gian học của SV không được kéo dài quá 6 năm. Theo đó, khóa 2012 có 188 SVTN đúng hạn, 9 SVTN chậm 1 năm, 3 SVTN chậm 2 năm, thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,08; tương tự thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa 2013-2017 là 4,10 năm; của khóa 2014-2018 là 4,11 năm; của khóa 2015-2019 là 4,10 năm và của khóa 2016-2020 đến thời điểm này là 4,02 năm.

Khoa đã thực hiện đối sánh số năm SV tốt nghiệp trung bình ở CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng của Khoa với các CTĐT của các ngành học khác trong Trường như với CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử.... Số liệu đối sánh cho thấy, số năm tốt nghiệp trung bình ở CTĐT của Khoa thấp hơn so với số năm tốt nghiệp trung bình của ngành Sư phạm Lịch sử. Cụ thể, khóa 2013-2017; 2014-2018; 2015-2019 số năm tốt nghiệp trung bình của CTĐT là 4,08; 4,10 và 4,11, còn các con số tương ứng của CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử là 4,20; 4,10; 4,22. Kết quả đối sánh đã hướng Nhà trường/Khoa đi tìm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để làm giảm số năm tốt nghiệp trung bình của người học.

Theo kết quả phân tích từ Khoa số SV tốt nghiệp muộn chủ yếu do SV không có kế hoạch học tập rõ ràng, không chủ động trong học tập, nợ học phần, nhất là các học phần cơ sở, nên thời gian tốt nghiệp bị chậm. Từ các phân tích trên, Khoa cùng các đơn vị trong Nhà trường đề xuất các giải pháp như: thường xuyên gửi thông báo cảnh báo học vụ cho SV; yêu cầu các cố vấn học tập thường xuyên trao đổi với trợ lý đào tạo trong nắm bắt tình hình học tập cũng của SV để có hướng hỗ trợ, tư vấn phù hợp, kịp thời; miễn giảm hoặc hỗ trợ học phí cho SV nghèo, SV thuộc các dân tộc thiểu số... Bên cạnh đó Nhà trường/Khoa thường xuyên tổ chức Hội nghị học tốt để định hướng phương pháp học tập hiệu quả.... bố trí thêm học kỳ phụ giúp SV có điều kiện học vượt, học lại, thi lại...

Sau mỗi năm học Ban chủ nhiệm Khoa, Khoa tổ chức tổng kết năm học, trong đó có việc phân tích, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học. Trong các báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường cũng đã đánh giá kết quả các biện pháp hỗ trợ người học để tốt nghiệp sớm, giảm số người học chậm tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.2

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.2

Từ số năm tốt nghiệp trung bình trong thời gian qua cho thấy, Khoa chưa có SV tốt nghiệp sớm, SVTN chậm vẫn duy trì ở tỷ lệ nhất định.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.2

Nhà trường/Khoa cần có giải pháp hiệu quả, tạo điều kiện khuyến khích SV học trước, học vượt để sớm hoàn thành CTĐT, tốt nghiệp trước thời hạn, phù hợp với quy định trong Quy chế đào tạo theo tín chỉ.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.2: 4

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.3.

Trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016) và Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ và hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp (QĐ số 3869/QĐ-ĐHV, ngày 14/10/2015 và QĐ số 1423/QĐ-ĐHV, ngày 29/11/2016), Nhà trường đã giao cho Trung tâm Dịch vụ và hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát thu thập, lưu giữ và phân tích thông tin về tình hình việc làm, vị trí làm việc và thu nhập của người học tốt nghiệp và báo cáo Bộ GD&ĐT. Theo đó, hằng năm Trung tâm đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát cựu SV về việc làm trong vòng 6 tháng và 12 tháng sau tốt nghiệp. Việc khảo sát được thực hiện theo đúng quy trình, biểu mẫu trong Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10/7/2017 của Bộ GD&ĐT về khảo sát về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã khảo sát thu thập thông tin thông qua phỏng vấn, gọi điện thoại và qua Email với khóa SV tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập của họ. Tỷ lệ SV tốt nghiệp được khảo sát đạt gần 100% so với số SV tốt nghiệp. Các dữ liệu khảo sát được tập hợp, lưu giữ bằng văn bản cũng như được công khai trên trang Ba công khai tại cổng thông tin điện tử của Trường (xem Bảng 11.3).

Bảng 11.3 Tình hình việc làm của SVTN ngành Tài chính - Ngân hàng sau 1 năm tốt nghiệp.

Năm tốt nghiệp	Số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ có việc làm (%)	Khu vực làm việc (%)			
			Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo
2016	229	68,56	5,2	88,9	4,6	1,3
2017	143	83,9	9,2	70,6	10,9	9,2
2018	129	84,5	57,8	30,3	0,0	11,9
2019	94	81,91	8,5	66,0	3,2	3,2
2020	57	89,47	21,1	56,1	7,0	5,3

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp thuộc CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng sau 1 năm tốt nghiệp ở mức khá cao. Trong số có việc làm, tỷ lệ SVTN có việc làm phù hợp bình quân trong 5 năm khảo sát là 79,7%.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn chuyên gia ĐGN đã khảo sát bằng điện thoại về tình hình việc làm và thu nhập của cựu SV của CTĐT tốt nghiệp các năm 2018, 2019, 2020. Đoàn đã khảo sát 298 SVTN, liên lạc được 131 SVTN, trong đó có 98,5% đã có việc làm, mức thu nhập trung bình 9,4 triệu đồng/tháng.

Khoa đã tiến hành đối sánh tỉ lệ SVTN có việc làm của ngành Tài chính - Ngân hàng với tỷ lệ SVTN có việc làm với các ngành khác trong Trường để tìm ra xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT; đã đối sánh với tình hình việc làm của SVTN cùng ngành của các cơ sở giáo dục ĐH khác trong nước, như với ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Hà Nội. Cụ thể, tỷ lệ có việc làm khảo sát năm 2016, 2017, 2018, 2019 của Trường Đại học Vinh là: 68,56%; 74,5%; 82,6% và 81,91%; tỷ lệ tương ứng của Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh là: 96,76%; 96,55%; 91,19%; 95,86%...

Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp thuộc CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng của Nhà trường ở mức thấp hơn đáng kể so với CTĐT cùng ngành của Trường đối sánh

Kết quả thảo luận về tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp và kết quả đối sánh giúp Khoa dự đoán nhu cầu xã hội và xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng, chỉ ra nguyên nhân một bộ phận SVTN chưa có việc làm; từ đó đề xuất các giải pháp để tăng hơn nữa tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của CTĐT.

Trên cơ sở đề xuất của các khoa, Nhà trường có một số giải pháp cụ thể tăng cường khả năng việc làm cho SVTN, như: mở rộng và đẩy mạnh mạng lưới quan hệ hợp tác với doanh nghiệp; tổ chức Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp; thành lập và thúc đẩy hoạt động của Trung tâm Dịch vụ và hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp (QĐ số 1423/QĐ-ĐHV, ngày 29/11/2016).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.3

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.3

Sau 1 năm tốt nghiệp vẫn còn tỷ lệ đáng kể SV tốt nghiệp thuộc CTĐT chưa kiếm được việc làm; con số này được duy trì ở mức độ nhất định trong suốt mấy năm qua. Điều đó cho thấy, tuy đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp giúp SVTN sớm kiếm được việc làm, song hiệu quả của các giải pháp đó chưa thật cao.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.3

Nhà trường cần tiếp tục nghiên cứu sâu, kỹ hơn về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh Nghệ An để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho SV tốt nghiệp.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.3: 4

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của Tiêu chí 11.4

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2018-2025 (QĐ số 766/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018), Quy định về Quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016), trong đó đã xác định hoạt động NCKH của người học bao gồm: i) Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của người học...; ii) Tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học...; iii) Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, giáo dục và đào tạo...; iv) Công bố các kết quả NCKH.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025 và quy định của Nhà trường về hoạt động NCKH của SV, hằng năm Nhà trường đã triển khai công tác NCKH, trong đó có hoạt động NCKH của SV (CV số 351/ĐHV-KH&HTQT, ngày 28/3/2016; KH số 48/KH-ĐHV, ngày 23/11/2017). Trong các kế hoạch KHCN của Trường đều đã đề cập đến các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của sinh viên. Các hoạt động NCKH của SV cần gắn với lĩnh vực được đào tạo, với định hướng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tương thích với Sứ mạng của Nhà trường.

Nhà trường đã giao cho Phòng KH&HTQT phối hợp với các đơn vị, các khoa/bộ môn và CB, GV có trách nhiệm theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016). Định kỳ hằng năm, dựa trên Quy định về quản lý hoạt động NCKH của SV, Phòng đã phối hợp với Phòng CTCT&HSSV, Phòng Kế hoạch – Tài vụ đề xuất

chính sách khen thưởng; lập hồ sơ theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài NCKH của SV, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, SV thuộc CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng đã thực hiện được 4 đề tài NCKH với 16 SV tham gia; đã công bố được 3 bài báo với 10 SV đứng tên; có 3 giải thưởng NCKH của SV.

Việc đối sánh hàng loạt chỉ số liên quan đến hoạt động NCKH của SV giữa CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng với các CTĐT khác trong Trường đã được Khoa thực hiện. Bên cạnh đó Khoa cũng đã tiến hành đối sánh hoạt động NCKH của SV ngành Tài chính - Ngân hàng của Nhà trường với hoạt động NCKH của SV cùng ngành của Trường ĐH Sài Gòn, Trường ĐH Tài chính Marketing. Kết quả đối sánh cho thấy trong giai đoạn 2016-2020 hoạt động NCKH của SV ngành Tài chính - Ngân hàng của Nhà trường trội hơn chút ít so với các trường đối sánh (ở ĐH Vinh có 4 đề tài, 16 SV tham gia, trong khi các con số của 2 trường đối sánh lần lượt là: 2 và 10; 3 và 13).

Kết quả thống kê và đối sánh về số lượng và loại hình hoạt động NCKH của SV giúp Nhà trường/Khoa dự báo xu hướng SV tham gia NCKH của CTĐT của Khoa, từ đó xây dựng kế hoạch định hướng cải tiến công tác NCKH của SV của Nhà trường trong những năm kế tiếp. Để thúc đẩy hoạt động NCKH của SV, Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề tài NCKH. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ đã đưa ra mức khen thưởng hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH của SV được giải như sau: giải nhất là 10 triệu đồng, giải nhì là 8 triệu đồng, giải 3 là 5 triệu đồng, giải khuyến khích là 3 triệu đồng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.4

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.4

Sản phẩm NCKH của SV thuộc CTĐT còn nghèo nàn và đơn điệu, số lượng SV tham gia NCKH còn ít.

Theo Bảng tổng hợp cơ cấu chi của Nhà trường, kinh phí cho NCKH của SV trong 5 năm (từ năm 2016 đến năm 2020) chiếm 0,05% tổng nguồn chi và chiếm 1,02% nguồn thu học phí của Nhà trường, thấp hơn nhiều so với quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.4

Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tỷ lệ chi 3% nguồn thu học phí chính quy của Trường cho hoạt động NCKH của SV. Khoa và Bộ môn nên quan tâm nhiều hơn đến hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện và tham gia các đề tài NCKH gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.4: 3

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1.Điểm mạnh của Tiêu chí 11.5

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (QĐ số 428/QĐ-ĐHV, ngày 9/5/2016), Trung tâm ĐBCL có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xử lý, phân tích, đối sánh phát hiện các mặt mạnh và tồn tại của các đơn vị. Bên cạnh đó Nhà trường đã ban hành: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 1/11/2016); QĐ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục công (QĐ số

1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017; QĐ số 1138/QĐ-ĐHV, ngày 27/11/2018; QĐ số 3429/QĐ-ĐHV, ngày 12/12/2019...), trong đó đã xác định Trung tâm ĐBCL có trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng hệ thống công cụ đánh giá, xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá sự hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của GV; hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị trong Trường định kỳ khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của Trường. Theo đó, quy trình, nội dung, cách thức tổ chức triển khai, giám sát việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan (CB, GV, NV, SV, SV tốt nghiệp, người sử dụng lao động...) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ, CSVC... cũng được xác lập.

Công cụ khảo sát do Trung tâm ĐBCL chủ trì phối hợp với các đơn vị xây dựng thích ứng với từng loại khảo sát, được ấn định thành các biểu mẫu phiếu khảo sát phù hợp và có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm, các CTĐT và đối sánh với các cơ sở giáo dục ĐH khác. Ngoài ra, với việc sử dụng đa dạng các phương pháp thu thập thông tin như khảo sát online, phỏng vấn, phát phiếu hỏi trực tiếp, hội thảo/hội nghị, trao đổi, tọa đàm... cũng đã giúp cho việc kiểm tra chéo thông tin thu được. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan hằng năm đều được Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan thống kê, phân tích và báo cáo Ban Giám hiệu, gửi về các khoa và các đơn vị liên quan, đồng thời tạo lập thành cơ sở dữ liệu khảo sát của Trường.

Học kỳ 1 năm học 2019-2020 Nhà trường đã khảo sát hơn 11 nghìn lượt SV đánh giá về hệ thống cơ sở vật chất của Trường: tỷ lệ ý kiến đánh giá tiêu chí “các thiết bị thực hành-thí nghiệm đều hoạt động tốt...” có 77,3% đánh giá mức tốt; 12,9% đánh giá mức khá; Trên cơ sở các dữ liệu khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan Nhà trường và Khoa đã phân tích, đối sánh mức độ hài lòng giữa các lĩnh vực hoạt động cụ thể, mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa các năm học và mức độ hài lòng giữa các CTĐT trong Trường.

Trong nhiều báo cáo tổng hợp của các loại khảo sát, bên cạnh việc thống kê, đối sánh, phân tích các số liệu thu được về sự hài lòng của các bên liên quan đối với lĩnh vực được khảo sát, Nhà trường/Khoa luôn có đề xuất các kiến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và rút ra những bài học kinh nghiệm hướng tới điều chỉnh, cải tiến chất lượng quy trình, phương pháp khảo sát. Ví dụ, đợt khảo sát năm 2019 về sự hài lòng của CB, GV, NV với CSVC của Nhà trường đã bổ sung thêm phương án về môi trường sức khỏe, an toàn của SV, CB, GV và NV.

Bên cạnh việc sử dụng số liệu thống kê, Khoa còn sử dụng kết quả đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan làm căn cứ cho lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Ví dụ đã sử dụng kết quả đối sánh sự hài lòng của người học ở các học phần khác nhau do cùng một GV giảng dạy, hoặc đối sánh kết quả khảo sát của nhiều GV cùng giảng dạy một học phần, để có kế hoạch phân công giảng dạy, góp ý cho cải tiến phương pháp giảng dạy ở các học kỳ sau hoặc làm cơ sở cho công tác bồi dưỡng GV, bố trí công tác, đánh giá xếp loại hằng năm.

Năm 2017 và năm 2019 và năm 2020 trong quá trình điều chỉnh CTĐT định kỳ theo quy định, Khoa cũng như các đơn vị khác đều căn cứ vào ý kiến phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan như ý kiến GV, SV, người sử dụng lao động, cựu SV... để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, CDR và đề cương học phần, cập nhật tài liệu học tập...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng Tiêu chí 11.5

2.1. Điểm tồn tại của Tiêu chí 11.5

Việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan cho cải tiến chất lượng các hoạt động đã được Nhà trường và Khoa quan tâm, song chưa được thực hiện định kỳ với tất cả các đối tượng trong suốt chu kỳ KĐCLGD.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chí 11.5

Nhà trường và Khoa cần định kỳ hằng năm khảo sát tất cả các đối tượng liên quan về sự hài lòng của họ để có thông tin và số liệu phục vụ cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường và có cơ sở khoa học kết hợp với thực tiễn để đề xuất các giải pháp đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

3. Những điểm chưa rõ (nếu có): không

4. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chí 11.5: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN 11

1. Điểm mạnh cơ bản của Tiêu chuẩn 11:

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT đã được Nhà trường và Khoa xác lập, giám sát và đối sánh để từ đó đề xuất hướng cải tiến phù hợp giúp giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

Nhà trường và Khoa đã thu thập, đối sánh thông tin về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp: tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm, nhất là có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đều ở mức tương đương với SV tốt nghiệp cùng CTĐT của các trường ĐH một số địa phương khác.

Việc tổ chức triển khai, giám sát việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của Trường (NCKH, dịch vụ hỗ trợ, CSVC...) đã được xác lập và giám sát.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của Tiêu chuẩn 11:

2.1. Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn 11:

Sau 1 năm tốt nghiệp vẫn còn tỷ lệ đáng kể SV tốt nghiệp thuộc CTĐT chưa kiếm được việc làm; con số này được duy trì ở mức độ nhất định trong

suốt mấy năm qua. Điều đó cho thấy, tuy đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp giúp SVTN sớm kiếm được việc làm, song hiệu quả của các giải pháp đó chưa thật cao.

Sản phẩm NCKH của SV của Khoa còn nghèo nàn, số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Kinh phí cho NCKH của SV trong 5 năm qua của Nhà trường chỉ chiếm 1,02% nguồn thu học phí của Nhà trường, thấp hơn nhiều so với quy định hiện hành của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị đối với Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu sâu, kỹ hơn về các mối quan hệ, sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Nghệ An để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm cho SV tốt nghiệp.

Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tỷ lệ chi 3% nguồn thu học phí của Trường cho hoạt động NCKH của SV. Khoa và Bộ môn nên quan tâm nhiều hơn đến việc hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện các công bố khoa học và tham gia các đề tài NCKH, gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

3. Đánh giá mức đạt được của Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 11	3,80
<i>Tiêu chí 11.1</i>	4
<i>Tiêu chí 11.2</i>	4
<i>Tiêu chí 11.3</i>	4
<i>Tiêu chí 11.4</i>	3
<i>Tiêu chí 11.5</i>	4

Phần III. PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Giới thiệu tóm tắt về cơ sở giáo dục thực hiện

Chương trình đào tạo được đánh giá

và Chương trình đào tạo được đánh giá

(Trường Đại học Vinh)

Giới thiệu tóm tắt về Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT¹

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua hơn 18 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Kinh tế đã đào tạo hàng ngàn Cử nhân, hàng trăm Thạc sĩ kinh tế khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Hiện nay, Khoa có 58 cán bộ, trong đó có 54 giảng viên với 2PGS, 26 TS, 26 ThS (có 15 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh). Năm 2003 đến nay, Khoa Kinh tế đã có 17 khoá học chính quy khối ngành Kinh tế với trên 6.500 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Khoa Kinh tế hiện nay đang đào tạo 6 mã ngành đại học (Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, TCNH, Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử), ba chuyên ngành thạc sĩ (Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh) và 01 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (Quản lý kinh tế) với 3.474 sinh viên chính quy, 131 sinh viên hệ không chính quy và 551 học viên cao học và 14 nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo và cấp chứng chỉ: Kế toán tổng hợp, Kế toán máy, Kế toán trưởng, Quản trị doanh nghiệp, Marketing bán hàng, Đầu tư chứng khoán, Nghiệp vụ ngân hàng,... cho hơn 3.200 học viên.

¹ Trích Báo cáo Tự đánh giá của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ đại học – Trường ĐH Vinh

Phụ lục 2

Tóm tắt kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo Ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học của Trường Đại học Vinh

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo Ngành Tài chính - Ngân hàng theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã: TDV

Tên chương trình đào tạo: TCNH

Mã chương trình đào tạo: 7.34.02.01

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			4,4	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
1	2	3	4	5	6	7				
Tiêu chí 5.4				4				4,9	7	100
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			4,9	7	100
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								4,2	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4,60	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính –Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
1	2	3	4	5	6	7				
Tiêu chí 9.4					5			4,30	6	100
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4,30	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,40	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,7	50	100

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

 GS.TS Nguyễn Huy Bằng

Phụ lục 3

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập đoàn đánh giá ngoài Chương trình
đào tạo Ngành Tài chính - Ngân hàng
trình độ đại học tại Trường Đại học Vinh**

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 263/QĐ-KĐCLGD

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập đoàn đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo
của Trường Đại học Vinh:

- Ngành Tài chính -Ngân hàng trình độ đại học
- Ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4358/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (lần 1) đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về việc ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh gồm:



- Ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học
- Ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học

và cử các thành viên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Đoàn đánh giá ngoài nêu tại Điều 1 có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện việc đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nêu tại Điều 1. Thời gian Khảo sát sơ bộ và thời gian Khảo sát chính thức theo phụ lục đính kèm.

Đoàn đánh giá ngoài hoạt động theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đoàn đánh giá ngoài sẽ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng có liên quan thuộc Trung tâm, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các thành viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HS

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Phương Nga





Phụ lục I

**DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

(Kèm theo Quyết định số 263 /QĐ-KĐCLGD ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục)

*Thời gian Khảo sát sơ bộ: Ngày 13/12/2021

* Thời gian Khảo sát chính thức: Từ ngày 18/12/2021 đến ngày 24/12/2021

1/ Danh sách Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	GS.TSKH. Bành Tiến Long	Ủy viên Hội đồng CSKH & CNQG; Ủy viên Hội đồng GSNN	2014.0.004	Trưởng Đoàn
2	PGS.TS. Nguyễn Văn Uyên	TP CNCL Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội CTĐHCĐVN	2015.01.135	Thư ký Đoàn
3	ThS. Đinh Tuấn Dũng	Trưởng phòng ĐGCLGD Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.1.016	Thành viên thường trực
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Giảng viên cao cấp Trường ĐH KHXH & NV - ĐHQGHN	2016.01.201	Thành viên
5	TS. Phạm Văn Hùng	Trưởng Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Thái Nguyên	2014.1.028	Thành viên

Danh sách gồm 05 người./.

2/ Danh sách Cố vấn giám sát và Cán bộ hỗ trợ hành chính Đoàn đánh giá ngoài

TT	Họ và tên	Chức vụ / Nơi công tác	Số thẻ KĐV	Nhiệm vụ
1	TS. Phạm Xuân Thanh	Phó Giám đốc Trung tâm KĐCLGD – Hiệp hội CTĐHCĐ VN	2014.0.001	Giám sát Đoàn ĐGN
2	ThS. Trần Quốc Hùng	Phó CVP TT KĐCLGD, Hiệp hội CTĐHCĐVN	2014.02.076	Giám sát Đoàn ĐGN

Danh sách gồm 02 người./.

Phụ lục 4

**LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA
ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
Thứ Bảy ngày 18/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT		
8 ^h 00 - 08 ^h 15	- Gặp gỡ Ban Giám hiệu	Đoàn ĐGN	Phòng họp tầng 2, Nhà điều hành
8 ^h 15 - 8 ^h 30	- Trưởng Đoàn ĐGN phổ biến các nguyên tắc ĐGN, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của từng thành viên. - Đoàn trao đổi về những vấn đề cần tập trung làm rõ khi nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn với Hội đồng TĐG.	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
8 ^h 30 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính –Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
17h00-18h00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Trưởng Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
Chủ Nhật ngày 19/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI		
8 ^h 00 - 9 ^h 45	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
9 ^h 45 - 11 ^h 30	Khai mạc ĐGN (Chương trình chi tiết kèm theo)	Đoàn ĐGN	Hội trường A Trường Đại học Vinh
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 ^h 00 - 18 ^h 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Trưởng Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính –Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
Thứ Hai ngày 20/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA		
8 ^h 00 - 9 ^h 00	<i>Phòng vấn nhóm Giảng viên CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
	<i>Phòng vấn Nhóm chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường & của đơn vị phụ trách CTĐT; Công đoàn & Đoàn TNCSHCM của đơn vị phụ trách CTĐT</i>	Nhóm 2	Phòng họp tầng 2, Nhà điều hành
9 ^h 00 - 9 ^h 15	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	
9 ^h 15 - 10 ^h 15	<i>Phòng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành TCNH</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
10 ^h 15 - 10 ^h 30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	
10 ^h 30 - 11 ^h 30	<i>Phòng vấn Nhóm sinh viên ngành TCNH</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 15 ^h 00	<i>Phòng vấn Nhóm cựu sinh viên ngành TCNH</i>	Nhóm 1	Link zoom tầng 7
	<i>Thăm cơ sở thực hành và dự giờ một số lớp theo thời khóa biểu</i>	Nhóm 2	Khảo sát thực địa
	<i>Thăm sân bãi, ký túc xá; cơ sở y tế, thư viện, các cơ sở vật chất khác của Trường.</i>	Nhóm 3	Khảo sát thực địa
15h00 - 15h30	<i>Đoàn Đánh giá ngoài hội ý chuyên môn</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
15 ^h 30 -17 ^h 00	<i>Phòng vấn Lãnh đạo Trường, đại diện lãnh đạo Hội đồng trường và Lãnh đạo Hội đồng tự đánh giá CTĐT</i>	<i>Đoàn ĐGN</i>	Phòng họp tầng 2, Nhà điều hành
17 ^h 00 - 18 ^h 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	<i>Trưởng Đoàn ĐGN</i>	Phòng làm việc của Đoàn

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính –Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
			- Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Ba ngày 21/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 ^h 00 - 18 ^h 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Trưởng Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Tư ngày 22/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ NĂM		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
	trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)		- Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 17 ^h 00	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
17 ^h 00 - 18 ^h 00	<i>Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu).</i>	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành
Thứ Năm ngày 23/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ SÁU		
8 ^h 00 - 11 ^h 30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng; LD các đơn vị phụ trách CTĐT; cán bộ phụ trách các phòng/trung tâm: HCTH, TCCB, ĐT SĐH, ĐT, CTCT-HSSV, KH&HTQT, QT&ĐT, KH-TC, TT-PC, CNTT, ĐBCL, DV, HTSV&QHDN, BDNVSP, TH-TN, TT-TV, TT Nội trú, Trạm Y tế và cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Đoàn ĐGN (khi Đoàn ĐGN liên hệ)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn - Hội trường tầng 8 Nhà điều hành

Báo cáo Đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính –Ngân hàng, Trường ĐH Vinh

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14 ^h 00 - 16 ^h 20	Bế mạc, ký kết biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài trường Đại học Vinh, chụp ảnh lưu niệm (Chương trình chi tiết đính kèm).	Đoàn ĐGN; TTKĐCLGD; Tr. ĐH Vinh; & Khách mời	Hội trường A Trường Đại học Vinh
Thứ Sáu ngày 24/12/21	NGÀY LÀM VIỆC THỨ BẢY		
8h00 - 11h30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Tại Hà Nội
11^h30 - 14^h00	<i>Nghỉ trưa</i>		
14h00 - 17h30	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Tại Hà Nội

Phụ lục 5
CÔNG VĂN PHẢN HỒI
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **79** /ĐHV-ĐBCL

Nghệ An, ngày **24** tháng 01 năm 2022

V/v Phân hồi Dự thảo Báo cáo đánh giá
ngoài CTĐT ngành TCNH trình độ
đại học của Trường Đại học Vinh

Kính gửi:

- Đoàn Chuyên gia đánh giá ngoài;
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Căn cứ công văn số: 11/CV-KĐCLGD ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc lấy ý kiến Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài (ĐGN) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học của Đoàn đánh giá ngoài thuộc Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học của Trường Đại học Vinh sau khi nghiên cứu, thảo luận đã thống nhất ý kiến như sau:

1/ Nhất trí với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng với mức trung bình là 3.93; số Tiêu chí đạt là 44/50 Tiêu chí; số Tiêu chí chưa đạt là 6/50 Tiêu chí.

2/ Hoàn toàn đồng ý với tất cả nội dung trong bản Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài.

Kính đề nghị Đoàn đánh giá ngoài, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam xem xét và tiến hành các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

Phụ lục 6**VĂN BẢN CỦA ĐOÀN ĐGN GỬI CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÓ CTĐT ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC TIẾP THU
HOẶC BẢO LƯU Ý KIẾN CỦA ĐOÀN ĐGN**

Nhà trường hoàn toàn đồng ý với kết quả và nội dung của Báo cáo Đánh giá ngoài nên Đoàn Đánh giá ngoài không có văn bản về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KĐCLGD**

(Chữ ký, đóng dấu)

*Xác nhận chữ ký bên là của
Trưởng đoàn đánh giá ngoài*

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ
NGOÀI**

(Chữ ký, họ và tên)

PGS.TS. Nguyễn Phương Nga

GS.TSKH. Bành Tiến Long